

**ANDRÉ GIDE**

**BẢN ĐÀN THÔN DÃ**  
**KHÚC NHẠC ĐỒNG QUÊ**



**SÁCH MỚI.NET - EBOOK**

### **Thông tin ebook**

Tên truyện: Bản Đàn Thôn Dã – Khúc Nhạc Đồng Quê

Nguyên tác: La Symphonie Pastorale

Tác giả: André Gide



**Mục Lục**

**Bản Đàn Thôn Dã**

Tập I

Tập II

**Khúc Nhạc Đồng Quê**

QUYÊN THỨ NHẤT

QUYÊN THỨ HAI



# THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**

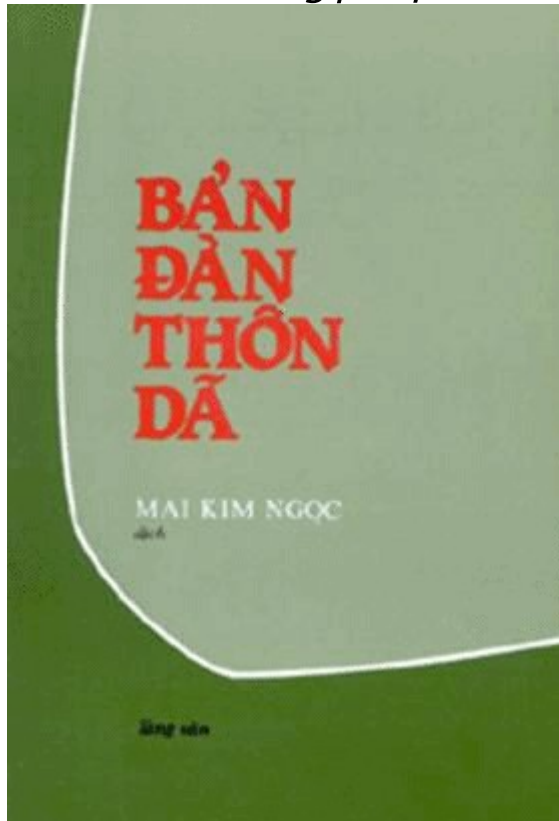


HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN  
[WWW.SACHMOI.NET](http://WWW.SACHMOI.NET)



# **Bản Đàn Thôn Dã**

*Mai Kim Ngọc dịch*



## Tập I



*Tranh Claude Monet*

Ngày 10 tháng Hai, 189-.

Đã ba hôm nay tuyết rơi không ngớt cơn, đường sá hoàn toàn bế tắc. Tôi không đi tỉnh R. làm lễ như thông lệ một tháng hai lần đã mười lăm năm qua. Sáng nay tại nhà thờ Breville chỉ có ba chục tín đồ tới.

Nhân dịp rảnh rỗi bất đắc dĩ vì không ra được khỏi nhà, tôi ngồi ôn lại từ đầu sự việc đã xui khiến tôi đón Gertrude về nuôi.

Tôi đã dự định viết ra đây từng bước nhỏ sự phát triển của tâm hồn ngoan đạo này mà tôi đã mang từ bóng đêm u tối ra như với mục đích duy nhất để tôn quý và yêu thương. Cám ơn Thượng Đế đã giao phó cho tôi nhiệm vụ.

Câu chuyện khởi đầu đã đúng hai năm sáu tháng. Hôm đó tôi đi Chau-de-Fonds về, có con bé lạ mặt vội vã tới tìm tôi để dẫn đi thăm một bà cụ sắp chết cách đây bảy cây số. Xe còn thắng ngựa, tôi bảo con bé lên ngồi sau khi với cây đèn bão mang theo, e rằng chắc phải đến đêm mới xong việc.

Tôi vẫn tự cho là mình thông thạo vùng này, vậy mà vừa quá khúc rẽ sau sơn trại Saudraie, con bé chỉ cho tôi một con

đường ngang tôi chưa từng phiêu lưu rẽ vào. Tuy nhiên quá đó hai cây số, phía tay trái, tôi nhận ra một cái hồ có phong cảnh huyền bí mà hồi nhỏ tôi đã đôi lần tới trượt băng. Khoảng mười lăm năm nay đã không trở lại vì không có mục vụ nào ở đây. Có ai hỏi có lẽ tôi cũng không còn biết hồ ở đâu, lại cũng không nghĩ đến nữa nên chỉ khi bất thần thấy hồ sáng chói trong ráng chiều huy hoàng tôi tưởng như thấy lại cảnh cũ từ một giấc mơ.

Con đường chạy dọc theo con sông nhỏ một quãng, để cắt ngang cuối rừng và men theo một bãi đầm lầy. Chỗ này thì chắc chắn là tôi chưa bao giờ đặt chân tới.

Mặt trời từ từ lặn và tôi chạy xe trong bóng hoàng hôn đã một lúc khá lâu, sau cùng con bé chỉ cho tôi bên đối một căn nhà tranh tường như bỏ hoang nếu không có làn khói mảnh bốc lên, màu xanh trong bóng râm chuyển thành màu vàng óng của nắng chiều. Tôi buộc ngựa vào cây táo gần nhà rồi theo chân con bé bước vào một căn phòng tối, nơi bà cụ vừa mẫn phần.

Tôi sửng người vì quang cảnh trang trọng, cũng như sự tĩnh lặng, và vẻ trang nghiêm của giây phút. Có người đàn bà dáng còn trẻ đang quỳ bên giường. Con bé người làm mà tôi đã tưởng là cháu bà cụ bước tới cuối phòng châm ngọn đèn khói um, rồi lặng lẽ tới đứng bên giường.

Trên đường tới đây, tôi đã gọi con bé mà chỉ được trả lời vài câu vắn tắt.

Người đàn bà quỳ bây giờ đứng dậy. Bà không phải người nhà như tôi đoán, mà chỉ là chỗ hàng xóm tốt bụng, bạn với bà cụ, khi được báo tin là bà cụ sắp đi đã sốt sắng sang giúp đỡ và tình nguyện ở lại canh thi hài. Bà bảo bà cụ đi nhẹ nhàng không đau đớn gì. Chúng tôi bàn tính về tang lễ cho người mẫn phần. Trong miền đất hẻo lánh này, nhiều lần tôi đã phải tự tay cắt đặt mọi chuyện cho tang gia. Tôi thoáng thấy không yên tâm vì phải giao phó căn nhà dù nghèo hèn này cho người hàng xóm và con bé người làm. Đây chỉ là mái tranh xơ xác, nhưng biết đâu lại chẳng có bảo vật cất giấu

trong xó xỉnh nào. Lo vậy, nhưng thật ra tôi cũng không làm gì hơn được. Tôi hỏi xem ai là người thừa kế.

Bà hàng xóm bấy giờ cầm cây nển bước tới góc nhà, và tôi nhận ra lờ mờ có người ngồi xồm bên bếp lửa, mớ tóc dày che hết khuôn mặt. Bà giải thích:

“Tôi nghe đứa ở kể thì con bé mù này là cháu bà cụ; hình như gia đình chỉ có vậy, vón vện hai bà cháu. Chắc rồi phải đưa nó đi cô nhi viện thôi. Nếu không, biết ai trông nó bây giờ.”

Tôi lúng túng thấy bà lớn tiếng bàn bạc về số phận con bé ngay trước mặt nó, sợ những lời sống sượng làm nó buồn lòng. Tôi nhỏ nhẹ nhắc khéo bà nên có chút tế nhị:

“Chúng mình khẽ chứ. Để cho cô bé ngủ.”

“Tôi không nghĩ nó ngủ đâu; chẳng qua là một con bé dần độn; nó không biết nói, mà cũng không hiểu gì. Ở đây từ sáng đến giờ, tôi chưa hề thấy nó cựa quậy. Mới đầu tôi tưởng nó điếc; nhưng theo người làm thì không phải vậy, mà chỉ tại bà cụ cũng điếc, từ lâu có mở miệng chỉ để ăn uống nên không bao giờ nói với nó cũng như với bất cứ ai.”

“Không biết nó mấy tuổi rồi nhỉ?”

“Chắc độ mười lăm. Thật ra tôi cũng không biết gì hơn Mục sư.”

Thoạt tiên tôi không hề có ý nghĩ lãnh con bé mồ côi về nuôi; nhưng sau khi cầu kinh xong – đúng hơn, *ngay* khi quỳ giữa con bé người làm và bà hàng xóm cầu nguyện – tôi bỗng thấy Chúa đã đặt trước tôi trách nhiệm này, trốn tránh thì quả là hèn nhát. Đọc xong bài kinh thì ý tôi đã quyết. Tôi sẽ mang con bé đi ngay đêm nay, tuy tôi chưa có giải pháp dài hạn nào cũng như chưa nghĩ ra ai để gửi nuôi giùm. Tôi dừng lại ngấm người chết vài giây. Khuôn mặt bà cụ như say ngủ, cái miệng nhăn nhúm khép kín như khur khur không tiết lộ bất cứ chuyện gì. Rồi quay lại con bé mù, tôi cho bà hàng xóm biết ý định của tôi.

Bà ta nói:

“Tốt nhất là dẫn con bé ra khỏi đây trước khi phu đòn ngày mai tới chở xác bà cụ đi.”

Và tất cả chỉ có thế. Thật là dễ dàng. Biết bao chuyện sẽ giản dị biết mấy, nếu ta không tưởng tượng ra những chướng ngại nọ kia. Từ thửa ấu thơ, bao nhiêu việc ta đã không làm được, chỉ vì người xung quanh cứ nhắc đi nhắc lại là ta không đủ sức làm.

Con bé mù để tôi dẫn đi như một cục thịt không chủ động. Khuôn mặt nó đều đặn dễ coi, có thể gọi là xinh xắn, nhưng hoàn toàn ngu độn. Tôi tới ổ rơm chỗ nó thường nằm dưới gầm cầu thang lối lên vựa lúa nhật tằm mền của nó.

Bà láng giềng tỏ ra nhanh nhẩu và giúp tôi quấn mền lên người con bé để phòng đường xá ban đêm lạnh lẽo. Sau khi thấp chiếc đèn bão tôi đánh xe lên đường, cảm thấy cái bọc thịt vô hồn tựa vào chân tôi, sự sống chỉ mơ hồ hiện hữu nhờ cái thân nhiệt tối tăm của nó. Dọc đường có lúc tôi thắc mắc là nó thức hay ngủ. Mà ngủ trong giấc ngủ tối tăm nào. Tội nghiệp, đời sống của nó thức hay ngủ nào có khác gì. Lạy Chúa, trong tấm hình hài tục lụy này biết đâu chả có một linh hồn bị giam giữ, đang khao khát mong Chúa ban cho chút ơn lành. Xin Chúa cho phép con được lấy tình thương mà mang cái linh hồn tội nghiệp này ra khỏi đêm tối hãi hùng...

Tôi muốn ghi lại sự việc hết sức trung thực, nên không dám bỏ qua sự tiếp đón đáng trách của vợ con khi tôi về đến nhà. Vợ tôi rất tốt bụng; ngay lúc đen tối nhất của đời sống vợ chồng, chưa bao giờ tôi phải hồ nghi lòng tốt của nàng. Nhưng lòng từ bi của nàng không thích bị bất ngờ. Nàng ngăn nắp thứ tự, và với bốn phận thường nhật, nàng không thái quá mà cũng chẳng bất cập. Lòng từ thiện của nàng dẫn đo cân nhắc, hầu như tình thương cũng có giới hạn. Thật ra vợ chồng tôi chỉ có điểm này là không tương đồng...

Đêm đó mới thấy tôi mang con bé mồ côi về, nàng phản đối tức thời và buột ra miệng:

“Anh lại hứng lấy chuyện gì đây?”

Như thường lệ khi hai vợ chồng có điều gì phải cắt nghĩa với nhau, tôi trước hết đuổi con cái ra khỏi phòng trong khi chúng đang đứng nhìn, miệng há hốc vì tò mò và ngạc nhiên. Chao ôi, sự tiếp đón quá khác biệt với điều tôi mong đợi. Chỉ

có con Charlotte, con gái út cưng của tôi lúc đầu đã vỗ tay reo mừng vì có chuyện gì mới đang cựa cựa trong xe bố. Nhưng nó mừng không lâu. Anh chị nó bị mẹ uốn nắn từ tấm bé, đã làm nó làm nó cụt hứng tức thì.

Có lúc quang cảnh nhà tôi vô cùng hỗn loạn. Vợ tôi và trẻ con không biết con bé bị mù nên ngạc nhiên thấy tôi đặc biệt gượng nhẹ khi dẫn nó vào. Rồi đến lượt chính tôi ngỡ ngàng khi con bé cất tiếng rên lúc tôi buông tay nó ra. Âm thanh nó phát ra không giống tiếng người, mà ăng ẳng như chó con. Lần đầu bị kéo ra khỏi cái thế giới cảm nhận chật hẹp quen thuộc, nó khuyu gối xuống; nhưng khi tôi đẩy ghế tới cho nó, thì nó lại trườn xuống đất như chưa từng được ngồi bao giờ; tôi bèn dẫn nó tới gần lò sưởi, và khi được ngồi xồm và tựa vào tường như ở nhà bà già, thì nó thư giãn đôi chút. Lúc trên xe, nó đã tuột xuống sàn xe, và suốt cuộc xe đã co ro tựa vào chân tôi. Vợ tôi vội bước lại giúp tôi, phản ứng của nàng bao giờ cũng tốt lành phúc hậu; chỉ có điều sự suy tính luôn luôn đối kháng và thường đánh bại trái tim nàng. Đặt con bé mù ngồi ngay ngắn xong, nàng quay lại hỏi tôi:

“Anh tính làm gì với cái của này?”

Hai tiếng “của này” làm tôi rùng mình, và tôi phải khó khăn mới không nổi giận. Tuy nhiên nhờ suốt dọc đường suy ngẫm ân Chúa, tôi đã giữ được bình tĩnh. Tôi đứng thẳng, nhìn vợ con quây quần trước mặt. Một tay đặt trên trán con bé mồ côi, tôi nói với tất cả trang trọng:

“Hôm nay, anh mang con chiên lạc về chuồng.”

Nhưng Amélie không bao giờ chấp nhận là trong lời Chúa dạy lại có những chuyện không thực tiễn như vậy. Biết nàng sắp kỳ kèo này nọ, tôi ra hiệu cho thằng Jacques và con Sarah, hai đứa con lớn đã quen cảnh bố mẹ cãi nhau, dẫn hai đứa em nhỏ ra khỏi phòng. Thấy vợ tôi vẫn còn ngần ngại và vô cùng bực tức vì con bé mù vẫn còn đó, tôi bình tĩnh nói:

“Em khỏi phải giữ miệng. Con bé tội nghiệp này không hiểu gì đâu.”

Amélie khai hỏa rằng tất nhiên nàng đâu có điều gì để kỳ kèo – câu nhập đề thường lệ cho những căn nhằn dai dẳng

tiếp theo – và nàng chỉ việc phục tùng như mọi khi về những chuyện tôi bày vẽ ra, dù có không thực tiễn và trái khoáy đến đâu. Tôi đã nói ở trên là tôi chưa hề nghĩ ra giải pháp dài hạn cho đứa bé. Thật ra tôi chưa có ý định lãnh nuôi nó. Có thể nói, ý kiến này chính Amélie đã gieo vào đầu tôi, khi nàng hỏi tôi không nghĩ là nhà đã chưa đủ đông hay sao. Nàng trách tôi là chuyện gì cũng tự ý tiến tới mà không hề nghĩ đằng sau vợ con có chống đối hay không, rằng cứ phần nàng thì năm mặt con còn hiểm hoi nổi gì, rằng sanh đến út Claude (thằng bé nằm trong nôi nghe nhắc đến tên bỗng khóc ré lên), nàng đã kiệt sức.

Lúc nàng bắt đầu cần nhắc, tôi toan nhắc lại đôi lời Chúa dạy từ tâm can đang dâng lên tới miệng, nhưng lại đổi ý vì thấy khó coi chuyện núp uy kinh thánh trong vụ cãi vã này. Đến khi nàng nhắc đến nỗi mỏi mòn vì con, tôi khựng lại. Thú thực đã nhiều lần trong đà yêu thương thiếu tiết độ, tôi đã để cho vợ phải gánh vác hậu quả nặng nhọc của luyến ái vợ chồng không suy tính. Tuy nhiên lời vợ cần nhắc lại soi sáng cho tôi về bổn phận của mình. Tôi bèn nhẹ nhàng năn nỉ nàng, xin nàng hãy xét xem, vào địa vị tôi, nàng có thể nào nhẫn tâm bỏ rơi một sinh linh không nơi nương tựa; tôi nói thêm rằng tôi không coi nhẹ gánh nặng cho gia đình khi còn phải săn sóc con bé tật nguyền này, và tôi chỉ tiếc rằng chính tôi không thể tiếp sức với nàng nhiều hơn. Sau cùng tôi gắng hết sức hoà giải với nàng, van xin nàng đừng đổ lên đầu con bé vô tội nỗi bức mình mà nó không trách nhiệm. Tôi cũng nhắc nàng con Sarah đã khôn lớn có thể giúp việc lặt vặt, còn thằng Jacques không còn bé bỏng nữa, đã có thể tự lo liệu lấy. Tóm lại, Chúa đã giúp tôi tìm ra những lời lẽ thống thiết để thuyết phục vợ chấp nhận cái trách nhiệm mà tôi tin rằng tự nàng cũng đã tự nguyện chấp nhận nếu cho đủ thì giờ suy nghĩ, và thiện chí của nàng không bị đối xử một cách đột ngột.

Chuyện tưởng đã xong, và vợ tôi như dịu xuống bước lại gần con bé; nhưng sau khi cầm đèn ngắm nghía, nàng bỗng giãy nảy, cơn giận mới nguôi lại bùng cháy lại khi khám phá

ra con bé bắn thỉu một cách ghê tởm không lời nào tả xiết. Nàng tru tréo:

“Sao mà nó có thể dơ dáy đến thế này. Khiếp quá. Anh có lấy bàn chải mà chải quần áo đi không? Không, đừng chải ở đây. Anh ra ngoài sân mà chải. Lạy Chúa. Rồi lại lây hết sang con mình. Trên đời tôi không gớm gì bằng gớm chấy rận.”

Quả thật con bé mồ hôi chấy rận đầy mình. Nghĩ đến lúc nó ngồi co ro ôm chân tôi trên xe, tôi bỗng thấy gớm. Mấy phút sau, tắm rửa kỳ cọ xong, tôi trở lại phòng thấy vợ tôi rũ rượi trên ghế bành, hai tay ôm đầu mà khóc nức nở.

Tôi nhẹ lời an ủi:

“Thực tình, anh không ngờ lại đem đến cho em một thử thách nặng nề như vậy. Thôi cũng đã khuya rồi, mà cũng không thấy rõ nữa. Em bỏ đó đi. Đêm nay anh sẽ thức canh lửa, và để nó ngủ tạm ngoài này. Mai anh sẽ cạo đầu nó rồi tắm rửa cho nó sạch sẽ. Để nó thơm mát hơn chút đỉnh rồi em hãy đụng tới nó.” Tôi năn nỉ nàng đừng nói chuyện chấy rận với tụi trẻ.

Đã đến giờ ăn tối. Con bé mà vú già Rosalie lườm nguýt trong khi dọn ăn cho mọi người, vồ lấy chén cháo tôi mang cho nó và ăn lấy ăn để như chết đói đã lâu. Suốt bữa ăn không ai nói một câu. Tôi muốn kể đầu đuôi câu chuyện cho tụi trẻ, để chúng xót thương mà có chút cảm tình với con bé tật nguyện Chúa đã trao cho chúng tôi. Nhưng tôi ngồi yên, sợ khơi chuyện lên lại làm vợ bực mình. Mọi người như phải vờ quên đi sự việc, tuy đó lại là mối bận tâm chính.

Tôi vô cùng cảm động khi khoảng độ một giờ sau, ai nấy đã lui về phòng và Amélie đã để tôi lại một mình, bé Charlotte mặc áo ngủ chân đất rón rén mở cửa bước trở ra nhà ngoài. Bé tới ôm chặt cổ bố, và thì thầm vào tai bố:

“Con quên không hôn bố trước khi vào giường.”

Rồi chỉ con bé mù đang ngồi bên lò sưởi, Charlotte hỏi:

“Con hôn chị ấy nhé.”

Dẫn Charlotte về phòng, tôi nói với con:

“Mai bố sẽ cho con hôn chị ấy. Bây giờ để cho chị ấy ngủ.”

Tôi trở lại ghế ngồi đọc sách, và soạn bài giảng cho tuần tới.

Tôi nhớ lúc đó tôi nghĩ là con Charlotte có tình hơn mấy đứa lớn. Nhưng nghĩ lại, con tôi ở tuổi này, đứa nào cũng thế, kể cả thằng Jacques bây giờ lạnh lùng dè dặt là vậy.

\*

Ngày 27 tháng Hai.

Đêm qua tuyết vẫn rơi nặng. Trẻ con nao nức, hy vọng tuyết sẽ lấp cửa chính và chúng có dịp leo cửa sổ để ra vào. Quả thật, sáng nay tuyết đã phủ kín cửa chính, và chúng tôi phải dùng lối nhà giặt để ra ngoài. Hôm qua tôi đã lo cho dân làng dự trữ lương thực và các nhu yếu phẩm khác, chắc chắn sẽ bị tuyết cô lập một thời gian. Đây không phải là lần đầu tiên làng bị cô lập vì thời tiết, nhưng tôi nhớ chưa bao giờ tuyết lại dày đến thế. Âu cũng là dịp tốt để tôi tiếp tục công việc viết lách phải bỏ dở hôm qua.

Tôi đã viết ở đoạn trên là khi mang đứa bé tật nguyền về, tôi không nghĩ nhiều đến chuyện cho nó ở vào đâu. Tôi biết vợ sẽ rầy rà, và tôi cũng dự biết mình nhà cửa không rộng rãi, mà phương tiện cũng không dồi dào. Như thường lệ, tôi đã hành động vì nguyên tắc cũng như vì bản tính trời sinh, mà không nghĩ đến tổn kém (nghĩ như vậy là đúng tinh thần Phúc Âm). Nhưng mặt khác lại là mình đã ỷ lại vào Phúc Âm mà đổ gánh nặng lên vai người khác. Rồi tôi nhận ra là đã đẩy cho vợ một gánh nặng, nặng đến nỗi tôi cảm thấy hổ thẹn.

Buổi sáng sau hôm đó, tôi hết sức giúp nàng cạo đầu cho con bé mù, việc mà vợ tôi vừa làm vừa ghê tởm. Nhưng còn tắm rửa kỳ cọ cho nó, thì vợ tôi lại phải làm một mình. Thế là việc cực nhọc đã không đến phần mình. Tuy nhiên Amélie không còn cần nữa. Tôi nghĩ nàng đã suy nghĩ suốt đêm, và đã chấp nhận nhiệm vụ mới này. Có lúc nàng còn tỏ vẻ thích thú, và mỉm cười khi sửa soạn xong cho con bé. Nàng lấy chiếc mũ trắng đội cho nó để che cái đầu trọc vừa bôi đầy thuốc mỡ. Nàng lấy quần áo cũ của Sarah để thay cho nó, còn mớ rẻ rách nó mặc lúc tới thì quẳng vào lửa đốt đi. Charlotte chọn tên Gertrude cho con bé mù, và cả nhà đồng ý vì thật ra

không ai biết tên thật của nó, mà chính con bé chắc cũng không biết. Nó chắc chỉ nhỏ hơn con Sarah chút đỉnh, quần áo năm ngoái của Sarah nó mặc vừa in.

Tôi phải ghi nhận là đã thất vọng ê chề trong những ngày đầu. Sự lạc quan khi khi khởi sự dạy dỗ Gertrude đã phải điều chỉnh lại nặng nề trước sự thật. Nét mặt ngu độn thờ ơ, không một chút xúc động hay giao cảm, làm thiện chí của tôi phải nguội đi cho đến gốc. Con bé suốt ngày ngồi bên lò sưởi, lúc nào cũng sẵn sàng chống đối, và đanh mặt lại khi nghe thấy tiếng nói hay có ai lại gần; nét mặt nó nếu không vô hồn thì thù nghịch; có ai gọi đến thì nó rên rỉ, gằm gừ như con thú. Nó chỉ hết hờn giận khi tới bữa. Tôi tự tay cho nó ăn, và khi ăn nó chồm tới như một con vật bỏ đói lâu ngày, trông thật vô cùng thảm thương.

Vẫn biết tình thương sẽ đem lại tình thương, nhưng sự khước từ lì lợm của tâm hồn đối nghịch này có lúc làm chính tôi cũng thấy chán nản. Thú thật, sau mười ngày, tôi bắt đầu ngã lòng. Thậm chí có lúc không còn tha thiết đến nỗi tôi hối tiếc nhiệt tâm ban đầu, và ân hận đã đem nó về nuôi.

Lại còn chuyện trêu ngươi này, là vợ tôi có phần khoái chí với những cảm nghĩ tiêu cực tôi không giấu nổi; nàng hình như tận tâm săn sóc con bé hơn khi thấy nó đã trở thành gánh nặng cho chính tôi và làm tôi ân hận đã mang nó về gia đình này.

Đó là tình trạng của tôi khi anh bạn bác sĩ Martins từ làng Val Travers, nhân đi thăm bệnh trong vùng bỗng ghé lại chơi. Chăm chú nghe tôi kể, mới đầu anh rất ngạc nhiên vì chỉ có mù mà con bé chậm phát triển đến thế. Tôi cho anh hay là không những Gertrude mù mà chỉ có bà săn sóc, bà cụ lại điếc nặng nên không bao giờ trò chuyện gì với nó. Con bé sống trong một môi trường trống rỗng bất thường. Anh thuyết phục tôi là trường hợp như vậy, thất vọng là sai; lý do là tôi đã không biết cách xử lý. Anh bảo:

“Anh như người muốn xây nhà mà không chịu đắp nền. Anh hãy hình dung cái tâm hồn này như một khoảng hỗn mang, những mấu chốt sơ đẳng nhất cũng chưa xác định. Bắt

đầu, anh hãy cột những cảm xúc thật cơ bản sẵn có như sờ mó như ăn uống thành một bó, và móc vào đó một từ, một âm, như một cái nhãn nhỏ. Phải lập đi lập lại nhiều lần, và bắt nó nói theo.

“Cốt nhất là đừng nóng ruột. Giữ giờ giấc thật đều đặn khi dạy nó. Mà mỗi buổi học cũng đừng quá lâu...”

Sau khi giảng giải tận tình phương pháp giáo dục mới, anh nói thêm:

“Thật ra không có gì là ảo thuật. Phương pháp này không phải tôi mới phát minh ra, mà người ta đã áp dụng nhiều rồi. Anh nhớ không, hồi học chung ban Triết với nhau, nhân vụ Condillac, tụi mình đã được các thầy kể cho nghe một câu chuyện tương tự...”

Anh như nghĩ lại, rồi nói tiếp:

“Cũng có thể về sau tôi mới đọc được chuyện ấy trong một tạp chí tâm lý học... nhưng không sao, quan trọng là câu chuyện đã làm tôi rất chú ý, thậm chí còn nhớ tên cô gái tội nghiệp, thật nguyên còn nặng hơn Gertrude nhiều, đã cam lại còn điếc. Câu chuyện xảy ra vào thế kỷ trước. Một bác sĩ tại một quận bên Anh Cát Lợi, tôi quên mất địa danh, đã đón cô ấy về trị liệu. Cô bé tên là Laura Bridgeman. Ông bác sĩ lập một cuốn sổ tay, anh cũng nên làm như vậy, để ghi chép những tiến bộ của bệnh nhân, hay trong lúc đầu chưa có tiến bộ thì ít nhất những sự việc chính mình đã thực hiện. Ngày này qua ngày khác, ông bắt cô bé sờ mó hai món đồ, một cây kim và một quả bút, rồi lại bắt sờ một trang giấy có viết nổi hai chữ là ‘Kim’ và ‘Bút’. Và mấy tuần lễ trôi qua như vậy, không chút kết quả. Thế xác cô bé trống vắng như không linh hồn, không trí tuệ. Vậy mà ông ta không nản lòng. Ông ta kể lại là ông tự tạo cho mình cảm nghĩ là đang đứng trên miệng giếng sâu, tay cầm sợi thừng dài gióng xuống đáy giếng mà quơ qua quơ lại, hy vọng sẽ có bàn tay bắt lấy. Vì ông chắc chắn tin rằng có kẻ đang kẹt dưới đáy giếng, và sau cùng thế nào cũng có bàn tay nắm lấy đầu thừng. Rồi một hôm, gương mặt của Laura, thường ngày vô hồn đần độn, bỗng sáng lên với những nét thay đổi thô sơ có thể kể như một nụ cười; tôi

tưởng tượng nét mặt của người thầy thuốc lúc đó. Chắc hẳn là ông ta quỳ xuống, giàn giụa nước mắt của phước lành và của tình thương, để tạ ơn Chúa. Đột nhiên cô bé hiểu được bác sĩ muốn nàng làm gì; thế là Laura được cứu rồi. Từ hôm đó nàng bắt đầu chú ý. Nàng tiến bộ mau chóng. Về sau nàng tự học, và sau cùng trở thành hiệu trưởng một trường cho trẻ em mù. Cũng có thể tôi lầm chuyện Laura Bridgeman với trường hợp một bệnh nhân khác... vì những trường hợp như vậy gần đây nhiều lắm, báo chí tranh nhau đăng tải, và tỏ ra ngạc nhiên (theo ý tôi, thật là ngớ ngẩn), là khiếm khuyết giác quan đến như vậy mà cũng thấy được hạnh phúc. Sự thật là những con người như vậy đã hạnh phúc, và một khi biết cách phát biểu, đều kể lại hạnh phúc của mình. Tất nhiên là các nhà báo lấy làm hân hoan, suy diễn ra bài học cho những người được hưởng đầy đủ năm giác quan đã không biết sướng mà còn than thở nọ kia...”

Tới đây bác sĩ Martins và tôi có ít nhiều sai biệt quan điểm, với tôi phản đối cái nhìn bi quan của anh rằng vai trò của giác quan chỉ là làm cho chúng ta bất an và bơ vơ.

Anh cãi lại:

“Tôi không bi quan như vậy. Tôi chỉ muốn nói là tâm hồn con người tự nó có khả năng hình dung ra được những gì chân thiện mỹ một cách tự nhiên và dễ dàng, hơn là những điều lộn xộn hay tội lỗi nhan nhản khắp nơi đang làm ô nhiễm thế giới này mà tiếc thay ngũ quan lại ghi nhận cho chúng ta. Nên chi khi tôi sẵn lòng chấp theo câu “Fortuntos nimium” của Virgile mệnh đề “si sua mala nescient”, thay vì mệnh đề “si sua bona norint” như chúng mình đã học. Loài người sẽ hạnh phúc biết bao nếu không biết đến những gì xấu xa.”

Rồi anh nhắc đến cuốn truyện của văn hào Dickens, có lẽ đã được cảm hứng từ trường hợp Laura Bridgeman, và anh hứa sẽ gửi cho tôi đọc. Bốn ngày sau tôi nhận được truyện *Con đế mền bên lò sưởi*. Tôi đọc ngẫu nhiên. Truyện khá dài, nhưng có đoạn khá bi ai, về một cô bé mù và người cha nghèo khó làm nghề chế tạo đồ chơi trẻ em, nuôi dưỡng cô trong ảo tưởng của một cuộc sống tiện nghi, giàu có và hạnh phúc.

Dickens dùng văn tài của mình để đem lại nét thánh thiện cho sự dối trá của người cha đáng thương. Lạy Chúa, tôi sẽ không phải dối trá như vậy với Gertrude.

Ngay ngày hôm sau tôi hăng say đem tất cả sức mình để áp dụng phương pháp mới của bác sĩ Martins. Bây giờ tôi mới tiếc là đã không giữ sổ tay như anh dặn, để ghi lại những bước chập chững của Gertrude trên con đường tranh tối tranh sáng, và sự mò mẫm của chính tôi khi dìu dắt con bé. Những tuần lễ đầu tôi phải cực kỳ kiên nhẫn, không những tại phương pháp dạy đặc biệt tốn nhiều thời gian, mà còn vì những cản nhắc trách móc. Tôi rất buồn lòng khi phải nói rằng trách móc ấy lại từ chính Amélie tới; tôi nói điều này ra đây là tại tôi không còn oán hận hay cay đắng — tôi cam đoan như vậy, phòng khi nàng đọc được những trang này. (Chúa đã chẳng dạy ta tha thứ sao, ngay trong ẩn dụ của Người về chuyện con chiên lạc). Tôi phải nói thêm: nàng không làm khổ tôi vì kỳ kèo đã mất thời giờ với Gertrude. Thật ra tôi trách nàng nhất là đã không tin tưởng tôi sẽ thành công khi săn sóc con bé. Đúng, chính sự thiếu lòng tin này đã làm tôi buồn. Tôi nghe nàng nhắc đi nhắc lại: “Nào có kết quả gì cho cam...” Và nàng đĩnh ninh rằng sự lao tâm lao lực của tôi vô hiệu quả; vì không hy vọng thành công, nàng khó chấp nhận chuyện tôi dành quá nhiều thì giờ để dạy dỗ Gertrude, lượng thì giờ nàng thấy đáng hơn là dùng cho rất nhiều việc khác. Và mỗi khi tôi bận rộn với Gertrude, nàng kiếm cách cho tôi hay là việc này việc nọ đang đợi tôi, và tôi đã chuyển cho con bé thời gian lẽ ra phải dành cho người khác. Tôi nghĩ lòng ghen tị của người mẹ đã khích động nàng, vì hơn một lần nàng bảo tôi: “Anh chưa bao giờ chăm con mình như vậy.” Điều này đúng. Tôi thương yêu các con tôi rất nhiều, nhưng chưa bao giờ tôi nghĩ tôi phải bận rộn vì con.

Tôi nhiều lần cảm thấy rằng cái ẩn dụ con chiên lạc là một sự ẩn dụ bí hiểm không thể hiểu nổi cho một số tâm hồn dù vẫn tự tin là mình ngoan đạo. Những tâm hồn ấy không thể vươn lên để lãnh hội rằng dưới mắt người chăn chiên, mỗi con cừu lấy riêng ra quý hơn tất cả bầy cừu họp lại. Đối với lời

Chúa rằng: “*Nếu kẻ có trăm con cừu và một con bị lạc, lẽ nào không bỏ lại chín mươi chín con trên núi để đi tìm nó hay sao?*” — nếu họ dám nói thẳng, tất sẽ cho rằng lời nói sáng ngời từ bi ấy là vô cùng bất công đáng phản đối kịch liệt.

Những nụ cười đầu tiên của Gertrude là niềm an ủi cho tôi khỏi mọi ưu phiền, và trăm lần tưởng thưởng lại công lao của tôi. Vì như lời Chúa rằng “*Con cừu lạc này nếu kẻ mục đồng tìm lại được, ta nói thật với các con, sẽ đem lại nhiều hoan lạc hơn chín mươi chín con cừu chưa bao giờ đi lạc kia.*” Đúng, quả là chưa đứa con nào của tôi khi cười lại làm tim tôi chứa chan tình yêu thánh thiện như nụ cười một buổi sáng tôi thấy trên gương mặt vô hồn như phỗng này, khi bất thần con bé bắt đầu hiểu và chú ý đến những điều tôi cố gắng dạy nó bấy lâu.

\*



*Tranh Wassily Kandinsky: Gabrielle Munter*

Ngày 5, tháng Ba.

Tôi ghi nhận hôm ấy có ý nghĩa là một ngày khai sinh. Gọi đấy là nụ cười thì thật không đủ. Đúng hơn, đây là sự thoát hình lột xác. Đột nhiên, tất cả những nét trên gương mặt Gertrude trở nên linh động... như một sự soi sáng bất ngờ, như ánh hào quang tím nhạt đột hiện trên núi Alpes một buổi tinh sương trước cả bình minh, làm rung rinh đỉnh núi tuyết phủ vừa được mang ra khỏi bóng đêm, như một sự tô màu

huyền diệu; tôi cũng nghĩ đến hồ Bethesda của Phúc Âm mà làn nước tù bấy lâu ủ ê vừa được thiên thần tới đánh thức. Tôi lâng lâng hồ hởi ngắm nhìn nét đẹp thánh thiện vừa mới xuất hiện trên gương mặt Gertrude, vì cái gì vừa tới ngự trị nơi hình hài cô bé, tôi nghĩ không hẳn là Trí Tuệ, mà là Tình Thương. Linh hồn tôi như bay bổng với ơn phước dào dạt, và nụ hôn đầu tiên tôi đặt lên vùng trán xinh đẹp là nụ hôn kính cẩn tôi dâng lên Chúa.

Bước đầu càng khó khăn bao nhiêu thì những bước tiếp theo lại dễ dàng bấy nhiêu. Hôm nay tôi ngồi cố gắng nhớ lại những chặng đường hai chúng tôi đã qua; hình như có khi Gertrude đã tiến bằng những bước nhảy vọt, làm phương pháp giảng huấn của tôi trở thành trò đùa. Tôi nhớ lúc đầu tôi chú trọng đến tĩnh từ hơn là danh từ. Thí dụ như nóng, lạnh, ấm, êm, đắng, cứng, mềm, nhẹ, v.v.. Rồi tôi bước sang động từ, như tách rời, ráp lại, nâng lên, chéo qua, ngã xuống, nổi lại, phân ra, hợp vào, v.v.. Ít lâu sau không cần đến phương pháp nữa, tôi nói chuyện bình thường với Gertrude mà vẫn không sợ mình đi quá nhanh; tôi khuyến khích Gertrude tha hồ đặt câu hỏi cho tôi giảng giải. Tất nhiên khi tôi đi rồi, Gertrude còn lại một mình vẫn tiếp tục vận dụng trí óc; thành thử nhiều khi trở lại để dạy bài mới cho Gertrude, tôi phải ngạc nhiên vì tấm màn đêm lần trước ngăn cách thầy trò chúng tôi tự nó đã mỏng đi trông thấy. Tôi thầm nghĩ, nàng Xuân đầm ấm tất phải thảng nổi chúa Đông lạnh lùng. Đã bao lần tôi thích thú ngắm cảnh tuyết tan: có lẽ vì tấm thảm tuyết hao mòn phía dưới, trông ngoài tưởng như không thay đổi, mùa đông nào vợ tôi cũng mắc lừa về chuyện này và thường than với tôi rằng tuyết mãi không chịu tan; rồi thảm tuyết tưởng còn dày thì bất thần từng mảng tuyết mất chân rạn vỡ trôi đi, phơi bày sự sống tưng bừng đã âm thầm hồi sinh tự những bao giờ.

Sợ Gertrude suy nhược vì cứ ngồi bên lò sưởi như bà lão, tôi bắt đầu dẫn cô bé ra ngoài dạo chơi. Nhưng chỉ khi nào có tôi cầm tay Gertrude mới chịu đi. Con bé sợ hãi và ngạc nhiên lúc vừa ra khỏi nhà.. Tuy Gertrude chưa biết trình bày rành

mạch, tôi cũng quá rõ là nó nhút nhát như vậy là vì cho đến bây giờ chưa từng được ra khỏi ngưỡng cửa. Nơi ngôi nhà tranh cũ của bà, nó chưa bao giờ được ai săn sóc ngoài việc cho ăn cho khỏi chết đói, nói gì đến chuyện dưỡng dục. Vũ trụ tối tăm của Gertrude là bốn bức tường của căn phòng chật hẹp mà nó chưa dám rời khỏi. Những ngày hè nó chỉ dám mon men đến thềm, khi cửa nhà mở ra bên ngoài sáng rộng. Về sau Gertrude cho tôi biết là hồi trước nghe chim hót, nó tưởng tiếng chim là do nắng tạo thành cũng như hơi ẩm mơn trớn trên má hay trên da bàn tay nó, và tuy bấy giờ không biết suy nghĩ thấu đáo, nó cho là không khí được nắng sưởi nóng đã hót lên, tương tự nước đun sôi thì reo trong ấm treo trên lò lửa. Thực ra Gertrude bấy giờ không quan tâm đến chuyện gì. Con bé sống cô lập trong hôn mê tê dại, cho đến hôm được tôi mang về săn sóc. Tôi nhớ mãi nó vui mừng ngoài sức tưởng tượng khi được cắt nghĩa là những tiếng hót xinh xắn bé bỏng đó là ngôn ngữ của những sinh vật mà hình như nhiệm vụ độc nhất trong trời đất là cảm thấy hạnh phúc và ca lên niềm vui chan hòa của tạo vật. Từ hôm đó Gertrude có thành ngữ mới là ‘Con vui như chim’.

Nhưng con bé buồn vì không thấy được cái tạo vật huy hoàng mà chim ca ngợi. Gertrude hỏi tôi:

“Mục sư ơi, cuộc đời có đẹp như lời chim kể không. Tại sao loài người không nói về cuộc đời nhiều hơn. Tại sao Mục sư không kể cho con nghe nhiều hơn. Hay Mục sư sợ con tủi thân vì những chuyện con không được thấy.”

“Con không buồn đâu. Chim vẫn kể cho con biết bao nhiêu chuyện. Con tin là con hiểu được những gì chim muốn nói với con.”

Tôi kiếm lời an ủi:

“Những người có thị giác không biết nghe tiếng chim hót như con đâu.”

Cô bé lại hỏi:

“Nhưng Mục sư ơi, sao những sinh vật khác không hót?”

Nhiều lúc Gertrude làm tôi phải suy nghĩ. Gertrude bắt tôi phải phân tích những sự việc tôi đã quen chấp nhận mà không

thắc mắc. Nhờ vậy mà hôm đó tôi nghiệm ra là những sinh vật càng nặng nề, càng sát gần mặt đất bao nhiêu thì càng buồn bã bấy nhiêu. Tôi tìm cách giảng cho cô bé ý niệm vừa mới suy ra; và tôi nhắc tới con sóc nhẹ nhàng chơi đùa tinh nghịch trên cành cao.

Gertrude lại hỏi có phải chỉ có chim mới biết bay không. Tôi trả lời là bướm cũng biết bay.

“Thế bướm có biết hát không?”

Tôi cắt nghĩa:

“Bướm có cách của bướm để bày tỏ vui mừng. Cách ấy vẽ trên cánh bướm...”

Và tôi tả cho con bé những màu sắc huy hoàng của loài côn trùng mỹ miều này.

\*

Ngày 28 tháng Hai,

Tôi phải trở lại đoạn trước. Hôm qua ham viết, tôi đã bỏ sót rất nhiều.

Để dạy Gertrude, tôi đã học mẫu tự của người mù. Nhưng chẳng mấy chốc, cô bé đã thông thạo loại chữ này hơn tôi. Tôi vẫn chưa quen, và vẫn còn dùng mắt nhiều hơn dùng tay để nhận mặt chữ. Ngoài ra, tôi không phải là thầy giáo độc nhất của cô bé. Có thời gian Jacques giúp tôi dạy học Gertrude. Mới đầu tôi cũng mừng, vì mục vụ trong giáo khu khá bận rộn, dân chúng lại ở rải rác, có khi tôi phải đi khá xa để thăm viếng những con chiên nghèo bệnh tật. Thằng Jacques học thần học ở Lausanne, nhân vụ lễ Giáng Sinh về nhà chơi, thế mà cũng đi trượt băng cho ngã gãy tay. Vết gãy không có gì trầm trọng, và bác sĩ Martins tuy không chuyên khoa chỉnh hình cũng bó lại được ngay ngắn. Tuy nhiên cẩn thận vẫn hơn, Jacques nghỉ học ở nhà ít lâu để dưỡng bệnh. Bỗng nhiên thằng bé để ý đến Gertrude mà cho đến bây giờ hẳn vẫn thờ ơ. Jacques bắt đầu dạy Gertrude tập đọc. Jacques chỉ đóng vai phụ giáo được trong thời gian dưỡng bệnh, nhưng trong ba tuần lễ ngắn ngủi đó, Gertrude tiến bộ vượt bậc. Cô bé siêng học hơn. Cái trí tuệ hôm qua còn ngái ngủ bỗng dựng nẩy nở nhanh chóng, tựa hồ như chưa tập đi đã biết chạy. Tôi ngại

khen cô bé có thể tổ chức sắp xếp ý nghĩ một cách dễ dàng. Ngôn ngữ phát triển trông thấy. Đã không còn ăn nói ngây ngô như trẻ nít, Gertrude phát biểu khá chuẩn khi tạo những ý niệm bằng một cách bất ngờ và thích thú, là dùng những đồ vật biết được một cách trực tiếp nhờ xúc giác, hay gián tiếp do được tả lại; chúng tôi dùng phương pháp của người đặc biệt dùng những gì trong tầm tay sờ được với được, để xử lý những gì ở xa.

Tôi nghĩ không cần thiết nhắc lại tất cả những bước đầu việc dạy dỗ Gertrude mà các sách giáo khoa cho người mù nói chung chắc cũng đã ghi chép đầy đủ với chi tiết. Chắc mọi giáo viên dạy người mù đã lúng túng khi giảng cho học trò về màu sắc. (Về vụ này, tôi nhớ lại là Kinh Thánh không có đoạn nào nói đến màu sắc). Tôi không nhớ người khác dùng cách nào. Riêng tôi, lúc đầu tôi tả cho Gertrude những màu của quang phổ, theo thứ tự chúng xuất hiện trên cầu vồng. Cách giảng đó làm Gertrude lẫn lộn ngay màu sắc với độ sáng. Thật là khó khăn cho Gertrude khi lãnh hội rằng mỗi màu có thể đậm nhạt riêng, và các màu có thể pha trộn với nhau cho đến vô cùng. Gertrude bị ám ảnh về chuyện này, và luôn luôn trở lại đề tài khúc mắc đó.



*Tranh Wassily Kandinsky: Contrasting Sounds*

Tuy nhiên một hôm tôi có dịp đưa Gertrude đi Neuchatel nghe hòa tấu. Công dụng của các nhạc cụ khác nhau cho phép tôi trở lại vấn đề phân tích màu sắc mà cô bé vẫn còn bận tâm. Tôi lưu ý Gertrude sự khác nhau về âm thanh của của kèn đồng, đàn, và những nhạc khí bằng gỗ. Rồi mỗi nhạc cụ lại có thể tạo ra âm thanh to nhỏ khác nhau, với cung bậc cao thấp, từ tiếng trong nhất đến tiếng đục nhất. Tôi khuyên Gertrude tưởng tượng màu đỏ hay màu cam trong tạo vật như tiếng tù và hay tiếng kèn trom-bon, màu vàng hay màu lục như tiếng vĩ cầm, hồ cầm và công-bát, màu tím và màu xanh dương như tiếng sáo, tiếng cla-ri-nét, hay tiếng ô-boa. Cô bé sung sướng và không còn ngờ vực gì nữa, màu sắc chắc phải có thật.

Gertrude nhắc đi nhắc lại:

“Như vậy chắc phải đẹp lắm, phải không Mực sư?”

Rồi bất chợt cô bé hỏi:

“Thế còn màu trắng thì sao? Con không hiểu màu trắng thì nghe giống cái gì nhỉ?”

Và tôi thấy ngay cách đối chiếu màu sắc qua âm thanh của tôi không toàn hảo. Tuy nhiên tôi gắng giải thích:

“Màu trắng là cái giới hạn cao nhất của sự hòa tấu giữa các màu tươi. Còn màu đen là giới hạn thấp nhất của những màu tối.”

Cả Gertrude và tôi đều không thỏa mãn với giải thích này. Cô bé nhắc cho tôi là nhạc khí bằng gỗ, bằng đồng, hay đàn vĩ cầm, vẫn khác nhau, dù ở chung những âm bậc cao nhất hay thấp nhất. Cũng như bao nhiêu lần khác, tôi đã phải sừng sờ moi óc tìm những thí dụ cụ thể để giảng cho cô bé.

Sau cùng tôi nói:

“Thế này nhé. Con hãy tưởng tượng màu trắng như một màu thật trong sạch, không lẫn đục bởi một màu nào khác. Tựa như ánh sáng thuần túy. Màu đen đại để là một tình trạng quá nhiều màu, đến nỗi màu nọ lẫn lộn với màu kia làm toàn thể đen ngòm...”

Hôm nay nhớ lại những mẫu chuyện vụn vặt này, tôi bèn kể lại đây như tiêu biểu cho những khó khăn rất thường gặp khi tôi dạy dỗ cô bé. Gertrude có tính tốt là nếu không hiểu thì không bao giờ làm bộ nhận là mình hiểu. Những người như vậy đầu óc đầy những dữ kiện sai lầm hay thiếu sót, nên về sau suy luận không còn chính xác nữa. Gertrude lại khác, có chuyện gì chưa biết đến nơi đến chốn, thì cứ thắc mắc mãi cho đến khi tường tận mới cam.

Lại còn chuyện khó khăn này nữa. Như đã nói ở trên, trong đầu óc Gertrude, không biết từ bao giờ, ánh sáng và nhiệt lượng đã luôn luôn dính liền với nhau, chặt chẽ đến nỗi khi dạy cô bé, tôi không thể tách rời hai ý niệm đó ra được.

Chính nhờ dạy dỗ Gertrude mà tôi mới nghiệm thấy sự khác nhau giữa thế giới thị giác và thế giới thính giác. Đối chiếu hay suy diễn liên hệ qua lại giữa âm thanh và màu sắc quả thật không sao mà tránh khỏi khập khiễng hồ đồ.

\*

Ngày 29 tháng Hai.

Mãi viết về âm thanh và màu sắc, tôi quên chưa kịp kể niềm hân hoan của Gertrude khi được nghe hòa tấu ở

Neuchatel. Tình cờ hôm đó chính vở ‘Bản Đàn Thôn Dã’ được trình diễn. Tôi dùng chữ ‘chính’ vì không có một bản nhạc nào mà tôi lại muốn cho Gertrude nghe hơn là bản nhạc này. Ra khỏi rạp một lúc khá lâu mà Gertrude vẫn còn như đang đắm chìm trong sáng khoái.

Sau cùng cô bé hỏi:

“Những điều mắt thấy có đẹp đến như vậy không?”

“Đẹp như chuyện gì, con?”

“Đẹp như cái cảnh ‘ven bờ suối’ trong bản hòa tấu.”

Tôi không trả lời ngay, vì tôi nghĩ những lời nhạc ấy không vẽ lại thế giới có thực, mà một thế giới lẽ ra có thể có, nếu không có tội lỗi xấu xa chết chóc.

Sau cùng tôi nói:

“Những người có thị giác sướng mà không biết mình sướng.”

Cô bé vội vã lên tiếng:

“Nhưng con đâu có cần có thị giác mà vẫn biết được hạnh phúc của âm thanh.”

Gertrude vừa bước vừa ép sát vào người tôi, tựa nặng trên cánh tay tôi như trẻ con thường làm:

“Mục sư ơi, Mục sư có thấy con hạnh phúc không? Không, con không nói như vậy để làm vui lòng Mục sư đâu. Nhìn con này: có phải khi người ta nói dối thì chỉ cần nhìn mặt là biết liền phải không? Còn con, ai nói dối con nghe giọng nói là con biết liền. Mục sư có nhớ hôm Mục sư nói là Mục sư không khóc khi Dì con (Gertrude thường gọi vợ tôi là Dì) trách Mục sư không bao giờ biết chiều Dì, con đã biết ngay. Chính hôm đó con đã nói là Mục sư nói dối con. Nghe giọng nói của Mục sư là con biết mà. Con đâu có cần sờ má Mục sư để xem có nước mắt hay không.”

Rồi Gertrude bỗng cao giọng, chậm rãi lập lại một mình:

“Không, hôm đó con đâu có cần sờ má Mục sư.”

Tôi lúng túng vì lúc đó chúng tôi chưa ra khỏi khu thị tứ, và câu nói ngây thơ của Gertrude làm mấy người bộ hành quay đầu lại nhìn. Nhưng Gertrude vẫn nói tiếp:

“Mục sư biết không, đừng hòng giấu con chuyện gì. Thứ nhất, dối kẻ mù lòa là điều phải tội...”

Tươi cười, nàng nói thêm:

“Mà thứ hai là con không mắc lừa đâu.”

Gertrude lại hỏi:

“Mục sư ời, nói cho con nghe đi. Bây giờ Mục sư không buồn phải không?”

Như để cho Gertrude hay là một phần `hạnh phúc hiện tại của tôi là nhờ nàng mà có, tôi cầm tay cô bé đưa lên môi:

“Không Gertrude con, ta không buồn. Làm sao mà ta lại buồn được.”

“Vậy mà con biết thỉnh thoảng Mục sư đã khóc.”

“Ta cũng có khóc một đôi lần.”

“Nhưng từ hôm đó Mục sư có còn khóc nữa không?”

“Không, Gertrude cưng.”

“Nói cho con nghe nữa đi. Từ hôm ấy, có bao giờ Mục sư còn muốn nói dối con nữa không?”

“Không cưng.”

“Mục sư có thể hứa là từ giờ sẽ không bao giờ dối con nữa không?”

“Hứa.”

“Vậy thì, trả lời con ngay đi: Con có đẹp không, Mục sư?”

Câu hỏi bất ngờ làm tôi sững sờ. Nhất là cho đến bấy giờ tôi không muốn ghi nhận vẻ đẹp như đập vào mắt của cô bé. Và lại tôi cho rằng nàng biết mình đẹp đâu có ích gì. Tôi hỏi lại Gertrude:

“Con muốn biết lắm sao?”

“Con bận tâm chuyện này lắm. Con muốn biết..., con nói làm sao bây giờ..., con muốn biết bản thân con có làm buổi hòa tấu của cuộc sống xấu xí đi không. Điều này nếu con không hỏi Mục sư thì con hỏi ai bây giờ?”

Gượng chống đỡ, tôi trả lời:

“Người mục sư thường không chú ý đến vẻ đẹp của dung nhan.”

“Tại sao, Mục sư?”

“Tại vì với người mục sư, vẻ đẹp của tâm hồn đã đầy đủ quá rồi.”

“Con biết rồi. Mục sư muốn cho con hiểu rằng con xấu xí lắm phải không?”

Nàng vừa nói vừa bậm môi làm duyên. Không còn chịu nổi, tôi buột miệng nói lớn:

“Gertrude cưng, con cũng biết là con đẹp lắm mà!”

Nàng yên lặng không hỏi thêm gì nữa, và từ đấy cho đến khi tới nhà, nét mặt thật đăm chiêu.

Vừa thấy tôi về nhà là Amélie đã cho tôi hiểu là nàng không tán thành cách tôi sử dụng thì giờ. Lẽ ra nàng nên phản đối ngay từ trước. Tuy nhiên như thường lệ, nàng đã để yên cho tôi dẫn Gertrude đi nghe nhạc, để dành lấy quyền cần nhằn trách móc về sau. Nàng không trách móc thành lời, nhưng sự yên lặng của nàng cũng đã quá rõ ràng. Biết tôi dẫn Gertrude đi nghe nhạc về mà nàng không buồn hỏi thăm về chương trình hòa tấu, đã chẳng là chuyện bất thường rồi sao. Tôi nghiệp con bé, sự vui mừng của nó sẽ tăng gia bội phần, nếu nàng chỉ tỏ ra mảy may lưu tâm đến nó. Nói cho đúng thì vợ tôi không hẳn hoàn toàn lầm lì yên lặng, nhưng nàng chỉ nói những chuyện vặt vãnh không đâu. Đến tối, khi trẻ con đã đi ngủ hết, tôi mới nghiêm nghị hỏi vợ:

“Tôi mang Gertrude đi nghe nhạc mà em cũng bực mình sao?”

Nàng đối đáp:

“Chưa bao giờ em thấy anh lo cho người thân trong gia đình này như vậy.”

Lại vẫn hờn dỗi cũ. Nàng vẫn không chịu hiểu rằng đứa con lạc đàn trở về bao giờ cũng làm cha mẹ vui mừng hơn là đứa con vẫn ở lại nhà. Nàng không thương hại tật nguyền của con bé. Chút vui thú nhỏ nhoi này là món quà vô cùng hiếm hoi trong cuộc đời bất hạnh của nó. Mà đâu có gì cho cam, tôi thường xuyên bận rộn, chỉ hôm đó mới tình cờ được rảnh rang. Nàng thật là hàm hồ, trẻ con hôm ấy không bận chuyện này thì mắc chuyện kia, còn nàng thì có bao giờ thích nghe hòa nhạc đâu. Những hôm rảnh rỗi, dù có hòa tấu ngay trước

nhà nàng cũng không buồn đi dự. Bực mình hơn nữa là nhà tôi cần nhả trách móc ngay trước mặt Gertrude. Tôi có ý dìu vợ ra khỏi tầm tai, nhưng nàng lại chủ ý lên giọng cho Gertrude nghe thấy. Tôi giận hơn là buồn. Lát sau khi Amélie đã vào nhà trong, tôi tới cầm lấy bàn tay bé bỏng của Gertrude đưa lên má tôi:

“Con coi này, lần này ta đâu có khóc.”

Gắt lấy giọng vui, nàng nói:

“Không, lần này là phiên con.”

Nàng gượng cười và ngược lên tìm tôi. Tôi thấy một khuôn mặt chan hòa nước mắt.

\*

Ngày 8 tháng Ba.

Niềm vui độc nhất tôi có thể đem lại cho nhà tôi là đừng làm điều này điều nọ, để nàng khỏi bực mình. Lối yêu thương hoàn toàn tiêu cực, nhưng là lối yêu thương độc nhất mà nàng để tôi làm. Nàng đã thu hẹp cuộc sống của tôi đến như vậy là điều nàng không hề để tâm ghi nhận. Lạy Chúa, hãy để nàng muốn tôi làm chuyện gì khó khăn hơn. Tôi sẽ sung sướng biết mấy nếu nàng đòi hỏi ở tôi những việc hiểm nghèo. Nhưng có thể nói là Amélie ghét bỏ tất cả những gì không thuộc về đời sống đều đặn thường nhật. Đến nỗi cuộc đời với nàng chỉ là gom nhặt những chuỗi ngày nhạt nhẽo sắp tới để chồng lên một quá khứ cũng đã nhạt nhẽo như vậy. Nàng không chờ đợi mà cũng không muốn chấp nhận những đức tính mới, hay gia tăng những đức tính cũ nơi tôi. Nàng sợ hãi nếu không muốn nói là phản đối mọi cố gắng để thấy trong Đạo Chúa một điều gì ngoài việc chế ngự bản năng con người. Nàng lo sợ thấy ai muốn tìm kiếm trong lời Chúa bất cứ chuyện gì ngoài chuyện khuyển răn khổ hạnh.

Tôi thú nhận là khi tới Neuchatel tôi đã quên khuấy lời nàng dặn tới tiệm tạp hóa thanh toán sổ sách cũng như kiếm cho nàng một cuộn chỉ khâu. Nhưng tôi giận tôi còn hơn nàng giận tôi nữa; nhất là lúc rời nhà, tôi đã dặn lòng là không được quên, vì biết câu ‘*ai trung tín chuyện nhỏ sẽ thủy chung chuyện lớn*’, tôi sợ nàng sẽ kết luận như vậy nếu tôi không

nhớ. Thậm chí tôi còn cầu mong nàng lên tiếng trách móc, vì thật ra tôi thấy mình cũng đáng tội. Khổ nỗi thường thường những buồn phiền ở đời tưởng tượng nhiều hơn là có thực. Cuộc sống sẽ đẹp tốt biết bao và các sự bất hạnh sẽ nhẹ hơn biết bao, nếu ta chỉ ghi nhận những sầu muộn có thực, thay vì nghe theo con quỷ hờn dỗi trong trí tưởng tượng của ta... Tôi đã lạc đề, điều này thực ra là đề tài cho một bài giảng (Kinh Matt., XII,29: Đừng nên để tâm hồn bất an). Chủ tâm tôi lúc này là ghi lại sự tiến bộ về trí tuệ cũng như tâm hồn Gertrude. Vậy thì tôi nên trở lại đề tài.

Tôi muốn kể tiếp nơi đây sự tiến triển bộ ấy từng bước một, và tôi đã bắt đầu một vài chi tiết. Nhưng không những tôi không có thì giờ để ghi chú cặn kẽ mọi giai đoạn, hôm nay nhớ lại sự tương quan của chúng với nhau lại vô cùng khó khăn. Theo đà câu chuyện, tôi đã kể trước những suy nghĩ, những đối thoại với cô bé rất gần đây, nên ai tình cờ đọc những trang ấy chắc sẽ ngạc nhiên thấy Gertrude bỗng nhiên có thể phát biểu bằng những tư tưởng chín chắn gãy gọn như vậy. Thật ra cô bé cũng tiến nhanh một cách bất ngờ: tôi thường phải thán phục đầu óc sắc bén của Gertrude khi hấp thụ món ăn trí tuệ tôi mang lại, để tiêu hóa và phát triển không ngừng. Gertrude làm tôi ngạc nhiên, vì nhiều chuyện tôi chưa nghĩ đến thì cô bé đã suy ra, và nhiều khi từ buổi trò chuyện hôm trước tới buổi trò chuyện hôm sau, có khi tôi không nhận ra người học trò cũ của mình nữa.

Ít tháng sau, không ai có thể nghĩ trí khôn cô bé đã có thời tê liệt lâu đến thế. Gertrude còn chững chạc hơn nhiều thiếu nữ mà ngoại giới đã làm cho xao nhãng, và những chuyện tâm vợ đã chiếm hết đầu óc. Tôi nghĩ có lẽ Gertrude lớn hơn là tôi đã ước đoán buổi đầu. Xem ra cô bé cũng như đã lợi dụng được khuyết tật của mình, trên nhiều phương diện mù lòa đã trở thành ưu điểm. Nhiều khi bất giác tôi so sánh Gertrude với con Charlotte. Những khi tôi kèm bài vở cho con gái, thấy nó bị lơ đãng vì con ruồi vừa bay qua, tôi thầm nghĩ:

“Nói đại, nếu mắt nó không thấy đường, chắc nó đã ngồi học với bố chuyên cần hơn.”

Gertrude mê đọc sách. Nhưng để dễ theo sát tâm trí cô bé, tôi không muốn Gertrude đọc quá rộng – ít nhất những khi không có mặt tôi – và nhất là đọc quá rộng Thánh Kinh. Điều này nghe có vẻ bất thường với một tín đồ Cơ Đốc như tôi. Tôi sẽ có dịp cắt nghĩa lý do của quyết định này. Trước khi đề cập đến một câu chuyện quan trọng như vậy, tôi muốn kể một sự việc nhỏ có liên hệ đến âm nhạc, cũng vào thời gian buổi hòa tấu ở Neuchatel.

Phải rồi, chuyện này xảy ra độ ba tuần trước vụ nghỉ hè (thời gian Jacques về sống với gia đình). Bữa đó tôi dẫn Gertrude đến ngồi trước cây đàn phong cầm của nhà thờ thường thường do cô De la M. phụ trách. Gertrude chưa học nhạc với cô và cũng chưa dọn tới nhà cô ở. Tôi tuy yêu nhạc nhưng không giỏi môn này, và ngồi trước đàn tôi cảm thấy không đủ khả năng đóng vai thầy giáo. Hôm đó vừa đặt tay trên phím, cô bé đã xin với tôi:

“Mục sư cho con thử tập một mình.”

Tôi sẵn lòng chiều ý. Ngồi chung một mình với Gertrude trong nhà thờ vắng vẻ, với miệng tiếng thị phi, không phải là không bất tiện. Về sau, hôm nào có dịp đi ngang giáo đường, tôi thả Gertrude ở đấy có khi suốt buổi, xong công việc mới trở lại đón. Cô gái kiên nhẫn tập đàn một mình, lần mò ra những hài âm trên phím, và chiều về, có khi tôi thấy Gertrude bận rộn với một vài cộng âm và tỏ ra hoàn toàn thích thú.

Một ngày vào khoảng đầu tháng tám, chưa đến sáu tháng sau, tôi trở về nhà thờ đón Gertrude trước giờ vì người góa phụ khốn khổ tôi tính viếng thăm lại vắng nhà. Gertrude không dè tôi về sớm, và tôi vô cùng ngạc nhiên thấy thằng Jacques đang ngồi bên Gertrude trước đàn. Vì tiếng đàn che tiếng bước chân tôi, cả hai đều không biết tôi đang đi vào. Bản tính tôi không ưa rình mò, nhưng chuyện liên can đến Gertrude, tất nhiên tôi phải để tâm: rón rén, tôi nhẹ chân leo mấy bậc tam cấp lên bệ thờ; vị trí rất tiện cho việc quan sát. Tôi thú thật suốt thời gian ngồi đó, tôi không nghe được một lời gì mà hai người không thể nói với nhau đằng hoàng trước mặt tôi. Nhưng Jacques ngồi sát bên Gertrude, và tôi thấy

nhiều lần nó cầm tay Gertrude để hướng dẫn trên phím đàn. Quả là kỳ lạ vì cô gái chấp nhận sự chỉ dẫn mà cô đã từ chối với tôi. Tuy lúc đó tôi không chịu nhìn nhận như vậy, nhưng tôi rất ngạc nhiên và buồn bực, và đang định bước ra can thiệp thì may thay, Jacques đã rút đồng hồ ra coi giờ và nói:

“Có lẽ anh về thì vừa. Chắc Ba anh cũng sắp tới.”

Tôi thấy Jacques cầm tay Gertrude lên môi hôn rồi cáo từ. Lát sau tôi rón rén xuống bậc thang, ra ngoài để lại ồn ào trở vào mở cửa, làm như mới tới:

“Gertrude, tập đàn có thích không con?”

Gertrude trả lời, giọng hoàn toàn tự nhiên:

“Đạ thích lắm. Hôm nay con tập được nhiều lắm.”

Nỗi buồn to lớn chiếm lấy tim tôi, nhưng cả tôi và Gertrude không ai nhắc đến chuyện vừa mới xảy ra.

Sau cùng tôi có dịp nói chuyện riêng với Jacques. Lúc đó nhà tôi, Gertrude và trẻ con đã đi ngủ sớm như thường lệ, chỉ còn hai cha con ngồi đọc sách ở nhà ngoài. Tôi chờ phút này đã lâu. Vậy mà trước khi nói với con, lòng tôi trĩu trĩu bởi những tình cảm lộn xộn, đến nỗi tôi đâm ra ngại ngùng không biết cách hay không dám đề cập đến vấn đề đang giày vò tâm can. Chính thằng Jacques lại khai mào câu chuyện, cho hay là nó tính ở nhà với gia đình trọn vụ hè này. Vậy mà chỉ ít bữa trước nó đã thưa với cha mẹ là muốn du lịch miền núi Alpes, điều cả hai vợ chồng tôi vui vẻ chấp thuận. Tôi biết T. bạn đồng hành nó chọn đang đợi nó cùng đi; tôi thấy ngay sự thay đổi chương trình đột ngột không phải là không liên hệ đến cảnh tôi đã chứng kiến sáng nay tại giáo đường. Mới đầu tôi nổi nóng, nhưng lại sợ làm vậy nó sẽ không tâm sự với bố, cũng không muốn vì giận dữ mà quá lời mắng con, tôi hết sức tự kiềm chế và lấy giọng thản nhiên:

“Ba tưởng T. mong con cùng đi leo núi với nó.”

Nó trả lời:

“Ồ, T. không tuyệt đối trông cậy vào con trong vụ leo núi này. Kiếm người thay thế con cũng không khó khăn gì. Con ở nhà nghỉ ngơi cũng tốt chán, đâu có cần lên núi Oberland.

Con nghĩ ở nhà có nhiều chuyện làm có ý nghĩa cho con hơn là trèo núi.”

“Té ra con kiếm được chuyện làm cho vụ hè này rồi sao?”

Nó nhìn tôi, chắc thoáng thấy ý mỉa mai, nhưng chưa hiểu tại sao. Nó trả lời:

“Như Ba biết, con bao giờ cũng thích sách vở hơn là gậy leo núi.”

Nhưng nhìn thẳng vào mắt nó, tôi nói:

“Ba biết. Nhưng con ơi, con không nghĩ là dạy đàn phong cầm còn hấp dẫn với con hơn là đọc sách sao?”

Có lẽ nó cảm thấy mặt nó đỏ. Nó đưa tay lên che trán, như tránh né ánh đèn. Nhưng nó bình tĩnh trở lại, giọng nó tự nhiên hơn là tôi mong muốn:

“Thưa Ba, xin Ba đừng vội kết tội con. Lòng con không bao giờ dám giấu Ba chuyện gì. Con sắp thưa, thì Ba đã hỏi tới.”

Thằng bé ăn nói gãy gọn, giọng như người đọc sách, mà khi hết lời cũng bình tĩnh chững chạc, như đang bàn chuyện ai. Sự tự chủ tuyệt vời của nó làm tôi bức tức. Cảm thấy sắp bị tôi ngắt lời, nó đưa tay lên như muốn nói, không, xin Ba cho con thưa hết câu chuyện... Nhưng chụp lấy tay nó lắc mạnh, tôi to tiếng:

“A, chẳng thà Ba không thấy mặt con nữa còn hơn để cho con làm vẩn đục tâm hồn trong trắng của con Gertrude. Con không cần phải thú tội với Ba. Ba đã biết rồi. Lợi dụng tật nguyền của nó, lợi dụng nó gây thơ khờ khạo, lợi dụng lòng thành thật của nó, Ba không ngờ con có thể làm những chuyện tồi bại như vậy. Ba trách nhiệm cuộc đời con Gertrude, và Ba không muốn thấy con trò chuyện với nó, cầm tay nó, gặp gỡ nó thêm một ngày nữa...”

Vẫn với giọng bình tĩnh tự tin đã làm tôi nổi điên, Jacques trả lời:

“Nhưng thưa Ba, Ba tin con là con rất kính trọng Gertrude. Ba lầm nhiều lắm nếu Ba cho rằng có gì đáng khinh bỉ không những trong hành vi mà còn trong dự tính hay cả trong đáy lòng con. Con yêu Gertrude, con xin thưa với Ba rằng con kính trọng nàng cũng nhiều như con yêu nàng. Cũng như với Ba, ý

ngĩ làm vấn đục nàng, lợi dụng nàng ngây thơ và tận nguyện là chuyện hèn hạ ngoài sức tưởng tượng của con.” Rồi nó thừa với tôi hảo ý của nó dành cho Gertrude, nguyện là người nâng đỡ nàng, bạn nàng, chồng nàng. Trước kia nó chưa thừa chuyện với tôi là vì bấy giờ nó chưa làm xong quyết định lấy nàng làm vợ; và quyết định bấy giờ của nó, nó chưa chia sẻ với Gertrude, vì nó định trình tôi trước rồi sau mới thổ lộ với nàng. Sau cùng nó nói:

“Thưa Ba, đó là tất cả chuyện con phải thú thật với ba. Ngoài ra xin Ba tin con là con không còn gì giấu Ba nữa.”

Lời con làm tôi sửng sờ. Tôi nghe mạch máu thái dương đang đập liên hồi. Tôi chỉ sửa soạn để la mắng nó, và khi nó cho tôi tất cả những lý do để hết nóng giận, thì tôi càng cảm thấy bất an, nên khi nó nói xong tôi không biết nói gì. Sau một phút yên lặng, tôi đứng dậy đặt tay lên vai nó:

“Thôi chúng ta đi ngủ. Sáng mai Ba sẽ cho con biết quyết định của Ba.”

“Nhưng ít ra Ba không còn giận con nữa, phải không Ba?”

“Ba cần suy nghĩ đêm nay.”

Sáng sau thấy con, tôi tưởng như mới thấy nó lần đầu. Tôi bỗng nhận thấy con mình không còn trẻ dại nữa mà đã hoàn toàn trưởng thành; nếu nghĩ nó là con nít, thì mối tình tôi bắt gặp hôm qua thật là quá quắt. Suốt đêm qua tôi tự thuyết phục là mọi chuyện trái lại tự nhiên và bình thường. Vì đâu mà sự bất mãn của tôi lại gia tăng? Chuyện này về sau tôi mới sáng tỏ nguyên do. Trong khi chờ đợi, tôi phải cho Jacques hay quyết định của tôi. Vậy mà một bản năng ráo riết như lương tâm bắt tôi phải ngăn cản cuộc hôn nhân này bằng mọi giá.

Tôi đã dẫn Jacques ra cuối vườn. Tại đây tôi hỏi nó trước:

“Con đã cho Gertrude hay chưa?”

“Dạ thưa Ba chưa. Con nghĩ em biết con yêu em. Nhưng thổ lộ với em thì con chưa thổ lộ.”

“Nếu vậy thì con phải hứa với Ba là con chưa được cho nó hay chuyện đó bấy giờ.”

“Thưa Ba, con xin hứa với Ba. Nhưng có thể nào Ba cho con biết lý do.”

Tôi ngần ngại suy nghĩ. Không biết những lý do vừa đến trong đầu tôi có phải là những lý do đáng nêu ra không. Thật tình, tâm hồn thay vì lý trí đã dẫn dắt hành động của tôi trong lúc này. Sau cùng tôi nói:

“Gertrude nó còn trẻ dại lắm. Con nghĩ coi, nó bây giờ cũng chưa rước lễ thông công. Con dư biết nó không như những trẻ khác. Tiếc thay, sự phát triển của nó đã bị trì trệ khá nhiều. Nó dễ tin, chắc dễ rung động với những lời yêu đương mới được nghe lần đầu; chính vì vậy mà điều quan trọng là chưa nên nói với nó những lời yêu đương đó. Chiếm đoạt những gì chưa biết tự vệ là điều hèn nhát; Ba biết con không hèn. Con nói tình con dành cho nó không có gì đáng khinh bỉ. Nhưng Ba cho là tình đó vẫn có tội, vì đã tới trước hạn kỳ. Gertrude chưa khôn ngoan già dặn, vậy ta phải khôn ngoan giùm cho nó. Đây là một vấn đề lương tâm.”

Thằng Jacques có điểm tốt là muốn khuyên can nó điều gì chỉ cần câu nói giản dị “Ba kêu gọi đến lương tâm của con” mà tôi nhiều lần đã dùng khi nó còn nhỏ. Nhưng nhìn con, tôi chợt nghĩ nếu Gertrude có thị giác, chắc nàng sẽ ngấm mà không chán mắt cái tấm thân cao ráo vừa rắn rỏi vừa mềm mại, cái vầng trán phẳng đẹp không nếp nhăn, cái nhìn ngay thẳng, cái khuôn mặt còn trẻ thơ nhưng đã thoáng bóng nghiêm nghị của tuổi trưởng thành. Jacques đầu trần, tóc màu tro để dài, mấy lọn tóc lùng bùng ngang thái dương che nửa vành tai.

Tôi đứng dậy, nói tiếp:

“Ba còn có điều muốn yêu cầu con. Con đã định ngày mai lên đường. Vậy thì con đừng trì hoãn nữa. Con cần vắng mặt một tháng; Ba mong con đừng về sớm một ngày. Con hiểu ý Ba?”

“Dạ. Con xin vâng lời Ba.”

Jacques tái xanh thần sắc, đến nỗi môi nó cũng nhợt nhạt. Nhưng tự trấn tâm, tôi nghĩ rằng nếu nó phục tòng lệnh cha một cách dễ dàng như vậy, thì tình yêu của nó chắc cũng

không mãnh liệt gì; và tôi cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm. Vả lại thấy con dễ bảo tôi cũng mát lòng.

“Con vẫn là đứa con mà Ba yêu quý,” tôi nói nhỏ với nó. Tôi kéo nó lại hôn lên trên trán, có cảm tưởng nó hơi ngả đầu lại phía sau như muốn né tránh; nhưng lúc đó tôi không muốn bận tâm vì những chi tiết như vậy.

\*

Ngày 10 tháng Ba.

Ngôi nhà chúng tôi nhỏ hẹp, chuyện riêng tư thật khó khăn, có khi cũng thật bất tiện để làm việc dù tôi đã dành riêng một phòng nhỏ trên gác làm bàn giấy mà cũng để tiếp khách. Bất tiện nhất là khi tôi muốn nói riêng với ai trong nhà; câu chuyện trở thành nghiêm trọng quá trong phòng làm việc này mà tụi trẻ con gọi đùa là Thánh Địa, vì chúng tuyệt đối không được vào. Nhưng sáng hôm nay Jacques lên Neuchatel mua giày đi núi. Thấy trời đẹp, ăn sáng xong lũ trẻ lại ra ngoài dạo chơi với Gertrude (Charlotte ân cần với Gertrude làm tôi mát ruột). Thành thử tới lúc uống trà như thường lệ trong căn phòng lớn, thì chỉ còn hai vợ chồng ở nhà. Đây cũng là điều tôi muốn, vì tôi cũng cần nói chuyện với vợ. Ít khi tôi có dịp nói chuyện riêng với nàng nên cảm thấy như rứt rứt, và tầm quan trọng những điều sắp nói với nàng làm tôi lúng túng, tựa hồ như sắp phải bàn về chuyện riêng của chính tôi thay vì tâm sự mới thổ lộ của con. Tôi ghi nhận là vợ chồng chung sống suốt đời, yêu nhau mà vẫn có thể là xa lạ cách biệt (hay sự cách biệt này về sau mới tới); câu chuyện vợ chồng trao đổi nghe lạc lõng như những tiếng cồng dọ dầm, bị dội lại vì một bức tường ngăn cách, nếu không coi chừng mỗi ngày một bứt bùng thêm.

Tôi nói lúc vợ tôi rót trà:

“Thằng Jacques vừa nói chuyện với anh chiều qua. Nó bảo nó yêu con Gertrude.”

Hôm qua giọng thằng Jacques chững chạc bao nhiêu thì hôm nay giọng tôi lại ngập ngừng bấy nhiêu. Vợ tôi tiếp tục rót trà, trả lời mà mắt không nhìn tôi:

“Nó thưa với anh là phải.”

Giọng nàng bình thản, làm như câu chuyện vừa nói hoàn toàn bình thường, hay đúng ra không có gì mới.

“Nó bảo nó muốn cưới con bé làm vợ. Nó quyết định...”

Nàng nhún vai, khẽ nói:

“Chuyện này thì ai cũng đã tiên đoán.”

“Em cũng đã ngờ vậy sao?”

“Ai cũng thấy trước từ lâu là chuyện sẽ đến. Chỉ có điều là loại việc này đàn ông không biết để ý.”

Tôi thấy không được việc gì cãi với nàng về đàn ông thế này thế khác, vả lại ý nàng cũng có phần đúng, tôi chỉ trách nhẹ:

“Nếu thấy vậy, lẽ ra em nên cho anh hay.”

Nàng cười mím góc môi, nụ cười quen thuộc mỗi khi nàng không muốn bàn thêm về một chuyện gì. Rồi khẽ lắc đầu, nàng nói:

“Đi theo mà nhắc anh những chuyện anh không để ý thì bao giờ cho hết.”

Nàng định ám chỉ gì đây. Tôi không biết mà cũng không muốn biết. Tôi làm làm lơ như không để ý:

“Anh muốn biết ý kiến em về việc này.”

Nàng thở dài:

“Như anh vẫn biết, em không bao giờ ưng thuận chuyện mang con bé về nhà.”

Thấy nàng lại nhắc đến chuyện cũ, tôi gắng dần nóng giận. Tôi nhắc nàng:

“Anh đâu có hỏi ý kiến em về con Gertrude.”

Nhưng Amélie vẫn nối tiếp ý cũ:

“Ngay từ ngày đầu, em đã nghĩ là con bé chỉ đem lại những điều đáng tiếc cho nhà này.”

Nắm lấy cơ hội, tôi nói theo đà:

“Thì ra em cũng không tán thành hôn nhân này. Thực ra, anh cũng mong em nghĩ vậy. Anh sung sướng thấy vợ chồng mình đồng ý điểm này.”

Tôi cũng cho nàng hay là Jacques đã ngoan ngoãn vâng lời cha, và nàng không còn phải bận tâm về việc này nữa. Mọi

chuyện đã thỏa thuận là ngày mai nó sẽ lên đường để đi du lịch một tháng.

Sau cùng tôi nói thêm:

“Anh cũng như em, anh không muốn chúng nó còn gặp nhau nữa khi Jacques du lịch trở về. Anh nghĩ tốt nhất là gửi Gertrude cho cô Louise de la M. nuôi. Anh vẫn có thể tiếp tục đến thăm con bé. Anh có trách nhiệm với Gertrude. Cô Louise sẵn sàng chiều ý vợ chồng mình. Như vậy, em cũng khỏi bực mình, không còn phải hàng ngày thấy mặt Gertrude. Cô Louise sẽ sẵn sàng cho con bé. Cô ta rất hài lòng vì vụ sắp xếp này. Cô ta đang náo nức vì sẽ được dạy nhạc cho nó.”

Thấy Amélie nhất định không chịu hé răng, tôi nói tiếp:

“Anh muốn ngăn ngừa chuyện Jacques sẽ thì thụt chạy sang nhà cô Louise tìm gặp Gertrude. Anh tính cho cô Louise biết hết câu chuyện. Em nghĩ có nên không?”

Tôi trực tiếp hỏi ý kiến nàng, dụng ý buộc nàng nói chuyện. Nhưng nàng mím môi nhất định không góp ý. Tôi lại nói, không phải có điều gì quan trọng, mà vì thái độ yên lặng của vợ làm tôi khó chịu:

“Có thể khi Jacques du lịch về, nó không còn si mê nữa. Ở tuổi nó, người ta nhiều khi không biết mình muốn gì.”

Đến đây, Amélie chêm vào một câu kỳ cục tối nghĩa:

“Ô, nói chi tuổi nó. Già nữa mà có khi cũng không biết mình muốn gì nữa là.”

Bản tính ngay thẳng ghét chuyện úp mở, tôi bực mình vì giọng điệu bí hiểm và nghe như có ẩn ý kết tội của vợ. Tôi quay lại, bảo Amélie muốn ám chỉ điều gì thì cứ việc nói thẳng ra. Buồn bã, nàng chậm rãi:

“Không, em không muốn ám chỉ gì cả. Chỉ tại em tưởng anh dặn em phải cảnh giác anh những chuyện anh vô tâm không để ý đến thôi.”

“Rồi sao nữa?”

“Rồi em thấy không dễ gì mà cảnh giác được ai.”

Như đã nói, tôi ghê sợ bóng gió úp mở, và như một nguyên tắc, tôi nhất định không bận tâm vì những những lời nói mách. Tôi đối đáp, giọng có hơi phũ phàng:

“Khi nào em muốn anh hiểu em, thì hãy gắng nói cho mình bạch rõ ràng.”

Vừa lờ miệng, tôi đã ân hận. Tôi nhận thấy môi nàng run run. Nàng quay mặt, rồi ngập ngừng đứng dậy, nàng bước đi mấy bước lảo đảo. Tôi nói với theo:

“Amélie, anh không hiểu sao em còn buồn bực. Mọi việc đã chẳng thu xếp êm đẹp rồi sao?”

Nàng ngại ngùng tránh mắt tôi. Lưng quay lại vợ, khuỷu tay chống bàn, hai tay ôm đầu, khốn khổ, tôi nhỏ nhẹ với nàng:

“Xin lỗi em, anh đã nặng lời với em.”

Tôi nghe tiếng nàng bước trở lại, rồi những ngón tay nàng nhẹ nhàng vuốt nhẹ trán tôi. Nàng dịu dàng, giọng đầy nước mắt:

“Tôi nghiệp chồng em.”

Rồi nàng bước ra khỏi phòng. Lúc đó tôi không hiểu những lời bí ẩn của Amélie. Mãi về sau tôi mới vỡ nghĩa. Trước tiên tôi chỉ ghi lại cho đúng nguyên văn. Hôm đó chỉ có điều rõ ràng cho tôi là đã đến lúc Gertrude phải rời khỏi nhà này.

\*



*Tranh Paul Gauguin – The Swineherd, Brittany*

Ngày 12 tháng Ba.

Tôi tự cho mình bốn phận phải dành thì giờ cho Gertrude mỗi ngày; có khi là vài giờ, có khi là vài khắc, tùy theo công

việc hàng ngày bận bịu hay rảnh rang. Sau hôm nói chuyện với Amélie, thời tiết tốt như mời mọc, lại được dịp nhàn rỗi, tôi đưa Gertrude vào rừng dạo chơi. Tôi dẫn nàng tới một vùng gần đỉnh Jura, nơi mà nhìn qua hàng cây lơ thơ, quá cánh đồng mênh mông bát ngát dưới bóng núi, khi trời quang có thể bao quát được tất cả dãy núi Alpes phủ tuyết hiện ra phía trên màn sương mù. Tới góc rừng quen thuộc nơi chúng tôi thường tới ngồi chơi, thì mặt rời đã chênh chếch về phía trái. Dưới chân chúng tôi trải dài nội cỏ thấp và dầy; xa hơn nữa vài ba con bò gặm cỏ; như bò miền núi chúng đều đeo chuông ở cổ. Lắng nghe tiếng chuông leng keng, Gertrude nói:

“Đàn bò đang kể lại cảnh vật cho con.”

Và như thường lệ, nàng đòi tôi tả cho nàng phong cảnh trước mặt. Tôi nhắc nàng:

“Nhưng chỗ này con biết rồi mà. Chính là khoảng rừng thưa nhìn ra núi Alpes đó con.”

“Núi hôm nay trông có rõ không?”

“Hôm nay núi Alpes hiện ra cực kỳ huy hoàng hùng vĩ.”

“Nhưng Mục sư bảo con là cảnh núi thay đổi mỗi ngày mà.”

“Vậy để ta thử nhé. Lấy gì mà ví nhỉ? À, ví với cơn khát giữa ngày hè. Lát nữa đến chiều, chắc núi sẽ tan vào không trung mất.”

“Con muốn Mục sư cho con hay là có thấy hoa huệ đồng nở trong nội cỏ trước mặt mình không.”

“Gertrude con, huệ không mọc trên núi cao thế này. Họ chẳng chỉ một vài loại hiếm hoi mà thôi.”

“Ngay cả những cánh đồng gần Neuchatel cũng không có huệ sao?”

“Huệ không mọc ngoài đồng.”

“Thế sao Chúa lại phán rằng: Các con hãy chiêm ngưỡng những bông huệ của đồng nội?”

“Chắc thời Chúa, hoa huệ còn mọc đại ngoài đồng. Có lẽ về sau người ta khẩn hoang canh tác nên không còn nữa.”

“Con nhớ Mục sư thường giảng là Tin và Yêu là những điều vô cùng cần thiết cho thế gian này. Mục sư có nghĩ là chỉ cần tin một chút, người ta có thể thấy hoa huệ lại nở trên cánh

đồng không? Mục sư biết không, sau khi nghe lời Phúc Âm này, con quả quyết là con đã thấy được hoa. Mục sư có muốn con tả cho Mục sư nghe không? Đây này, hoa đẹp tuyệt vời, hoa giống như những chuông màu lửa đỏ, hay màu thiên thanh, ăm ắp hương thơm của tình thương, những cái chuông xinh xắn mà gió chiều rung rinh mơn trớn. Vậy mà sao Mục sư lại bảo con là cánh đồng không có hoa. Con nghĩ được hương hoa mà. Con thấy hoa nở đầy ắp cánh đồng...

“Gertrude cưng, hoa thật không thể đẹp hơn hoa con thấy.”

“Mục sư nói đi, hoa thật ít ra cũng không xấu hơn phải không?”

“Hoa đẹp in hệt như ý con muốn.”

Nàng đọc lớn, kể lại đoạn Phúc Âm:

“Và ta nói thật cùng các con, rằng ngay cả vua Salomon dù lúc cực kỳ hiển vinh, phục sức cũng không thể huy hoàng hơn...”

Tiếng nàng du dương như âm nhạc, và tôi có cảm tưởng như được nghe đoạn Phúc Âm ấy lần đầu. Đọc xong, nàng lẩm nhẩm một mình ‘Cực kỳ hiển vinh’, rồi yên lặng giây lâu.

Tôi nối tiếp câu chuyện:

“Gertrude, ta vẫn nói với con, những kẻ có thị giác lại chính là những kẻ không biết nhìn.”

Và từ đáy lòng, tôi nghe dâng trào lên lời kinh cầu “Con đội ơn Chúa đã chỉ cho kẻ ngu độn những điều mà ngài đã giấu những người tinh thông.” Nàng bỗng cất tiếng, giọng thích thú và đầy cao hứng:

“Mục sư ơi, nếu Mục sư biết, nếu Mục sư có thể biết con có thể hình dung dễ dàng làm sao tất cả phong cảnh trước mặt. Dễ lắm. Đây này, để con tả cho Mục sư nhé... Đằng sau chúng mình, bên trên, cũng như xung quanh, là rừng bách với những cây Mã Vĩ Tùng cổ thụ, thơm mùi nhựa thông, thân cây màu thạch lựu, có những tàn lá xò ngang ra bên, rên rĩ nhẹ mỗi khi gió thổi uốn cành. Còn dưới chân chúng mình là nội cỏ bao la, xanh ngát, tựa như một quyển sách mở rộng, dựa nghiêng nghiêng trên sườn đồi chân núi. Trên trang sách, có chỗ tô màu lục đậm vì bóng mây, có chỗ lại tô màu vàng vì

ánh nắng. Trang sách đầy chữ, mỗi chữ là một bông hoa. Nào hoa khổ-sâm, nào hoa bạch-đầu-ông, nào hoa mao-lương, và tất nhiên là có hoa huệ đồng của vua Salomon. Và có những con bò cổ đeo chuông, bước tới đánh vần từng chữ, và thiên thần cũng bay tới đọc, vì như Mục sư nói, mắt người trần gian khép kín không đọc được sách này. Dưới trang sách con thấy vẽ một con sông sữa trắng bốc khói, phủ sương mù, che giấu một vực thẳm huyền bí, một con sông rộng không thấy bờ bên kia, trong khi ngoài cõi xa xăm trước mặt là núi Alpes lộng lẫy hùng vĩ... Anh Jacques phải đi đến đó phải không Mục sư. Mục sư nói cho con đi. Ngày mai anh ấy phải lên đường phải không?”

“Đúng, mai anh ấy phải đi. Anh ấy nói với con sao?”

“Anh ấy không nói, nhưng con hiểu. Anh ấy phải vắng nhà bao lâu?”

“Khoảng độ một tháng... Gertrude con, ta muốn hỏi con... là sao con không cho ta hay khi Jacques tới gặp con ở nhà thờ.”

“Anh ấy đến gặp con cả thảy hai lần. Ô! Con đâu có muốn giấu Mục sư chuyện gì. Con chỉ sợ làm Mục sư phiền lòng.”

“Con không nói, ta mới phiền lòng.”

Tay nàng tìm tay tôi:

“Phải ra đi, anh ấy buồn lắm.”

“Gertrude con, anh ấy có nói với con là anh ấy yêu con không?”

“Anh ấy không nói. Nhưng chuyện như vậy, dù không nói con cũng biết. Anh ấy không yêu con bằng Mục sư yêu con.”

“Còn con, anh ấy phải lên đường, con có đau khổ không?”

“Mục sư biết quá rồi còn hỏi con. Con chỉ yêu có Mục sư thôi... Ô, sao Mục sư lại rút tay lại. Nếu Mục sư chưa vợ, con đâu dám nói với Mục sư như thế này. Nhưng mà ai mà lấy người mù làm vợ. Vậy thì tại sao chúng mình lại không được yêu nhau. Mục sư ơi, nói con nghe đi. Mục sư có nghĩ như vậy là xấu không?”

“Tình thương không bao giờ xấu.”

“Trong lòng con con chỉ thấy tốt lành. Con không muốn làm cho Jacques đau khổ. Con cũng không muốn làm cho bất cứ ai đau khổ. Con chỉ muốn mang hạnh phúc lại cho mọi người.”

“Jacques muốn hỏi con làm vợ.”

“Mục sư có cho phép con nói chuyện với anh ấy trước khi anh ấy lên đường không? Con muốn anh ấy hiểu là anh ấy phải quên con đi. Mục sư hiểu con. Mục sư biết là con không thể lấy chồng được. Mục sư để cho con nói với anh ấy đi.”

“Ngày chiều nay nhé?” Không, ngày mai, chính lúc anh ấy lên đường...”

Mặt trời đi ngủ trong một buổi hoàng hôn cực kỳ lộng lẫy. Không khí ấm áp. Chúng tôi đứng dậy, và vui vẻ trò chuyện trên đường về đang dần bóng chiều.



*Tranh Paul Gauguin – Les Alyscamps, Arles*

## Tập II

Ngày 28 tháng Tư.

Đã lâu tôi bận nên không viết tiếp.

Tuyết đã tan và đường xá đã lưu thông trở lại, tôi phải thanh toán xong một số công việc bấy lâu ứ đọng khi làng bị tuyết cô lập. Mãi hôm qua tôi mới được chút rảnh rang.

Đêm qua tôi ngồi đọc lại những điều đã viết...

Hôm nay mới dám gọi đúng tên cái tình cảm tôi đã không chịu nhìn nhận suốt thời gian qua, tôi ngạc nhiên làm sao tôi đã có thể lầm lẫn lâu như vậy; làm sao tôi đã không cảnh giác với những lời bóng gió tối nghĩa của vợ; làm sao sau những tỏ tình thơ ngây của Gertrude, tôi còn hồ nghi tình yêu tôi dành cho nàng.

Có lẽ không chấp nhận yêu đương ngoài hôn nhân, tôi không muốn thấy luyến ái đam mê đang kéo tôi về Gertrude là điều gì cấm kỵ. Sự ngây thơ khi nàng tỏ tình, cũng như sự thật thà của sự tỏ tình ấy làm tôi yên bụng. Tôi tự nhủ, nàng chẳng qua là đứa trẻ. Nếu là chính thực yêu đương, làm sao lại không có then thùng xấu hổ? Còn phần tôi, tôi đã tự thuyết phục rằng chẳng qua là mình xót thương một em bé tật nguyền. Tôi nghĩ tôi săn sóc Gertrude như người ta săn sóc bệnh nhân, và từ sự dạy dỗ nàng tôi đã tạo ra một trách nhiệm tinh thần, một bổn phận. Đúng, sau hôm nói chuyện với nàng như tôi đã kể, tôi vì thấy lòng nhẹ nhàng và hạnh phúc nên lại lầm lẫn nữa khi ghi lại những lời nàng tỏ tình. Tôi nghĩ, yêu nàng trong cảnh tôi là điều đáng khinh bỉ, và chuyện gì đáng khinh bỉ tất làm tâm hồn nặng nề trĩu trĩu. Nên chi, không thấy tâm hồn trĩu trĩu nặng nề, tôi đã tưởng là mình không yêu.

Hôm đó ngồi ghi nhật ký, tâm hồn trong sáng thanh thoi, tôi đã không nhận ra; giờ đây đọc lại những hàng chữ đó tôi mới hiểu lòng mình...

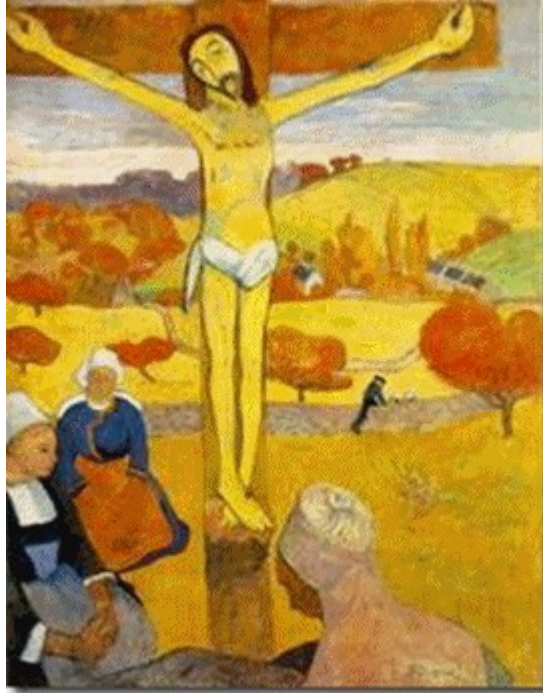
Kể từ hôm Jacques đi – tôi đã để Gertrude nói chuyện với con trai tôi, và nó chỉ về nhà mấy ngày cuối hè, làm bộ tránh né hay chỉ nói chuyện với Gertrude những lúc tôi có mặt – cuộc sống chúng tôi trở lại bình thường. Còn Gertrude, như đã thu xếp, dọn tới nhà cô Louise ở. Ngày ngày, tôi đến thăm nàng. Nhưng vẫn còn e dè tình yêu, tôi làm bộ tránh nói với nàng những điều có thể làm chúng tôi xúc động. Tôi nói chuyện như Mục sư nói với con chiên, thường thường trước mặt cô Louise. Tôi chuyên tâm dạy nàng giáo lý, sửa soạn lễ thông công cho nàng vào dịp lễ Phục Sinh vừa rồi.

Hôm lễ Phục Sinh, chính tôi cũng rước lễ. Sự việc xảy ra đã mười lăm hôm. Tôi ngạc nhiên, Jacques đang nghỉ lễ ở nhà một tuần, không theo tôi ra ban thờ Chúa. Tôi cũng rất buồn phải nói là Amélie, lần đầu tiên từ ngày lấy nhau, đã không theo chồng làm lễ. Hình như cả hai mẹ con đã hẹn nhau tẩy chay không tới tham dự, chủ tâm làm giảm niềm vui của tôi. Cũng mừng là Gertrude mù lòa, nên tôi một mình được gánh vác nỗi buồn. Tôi quá biết Amélie để không hiểu thái độ trách móc gián tiếp của nàng. Không bao giờ nàng chống đối chồng ra mặt, nhưng dùng sự xa lánh để tỏ ý bất mãn.

Tôi rất buồn chỉ vì bực dọc chừng ấy – tôi muốn nói tầm thường đến nỗi không đáng đếm xỉa – mà Amélie đã hạ tâm hồn tới mức quên mất những chuyện cao cả. Hôm đó về nhà tôi chân thành cầu nguyện cho nàng.

Còn Jacques tẩy chay lễ rửa tội vì một lý do hoàn toàn khác biệt, mà mãi về sau nói chuyện với con tôi mới hiểu.

\*



*Tranh Paul Gauguin – The Yellow Christ*

Ngày 3 tháng Năm.

Nhân dịp dạy dỗ giáo lý cho Gertrude, tôi có dịp đọc lại Phúc Âm với nhãn quan mới. Tôi thấy rõ là những cấm kỵ trong giáo điều không phải từ lời Chúa, mà do thánh Paul đặt ra.

Đây chính là đề tài thảo luận sôi nổi giữa tôi và Jacques. Tính tình hơi khô khan, trái tim nó thiếu tình thương để nuôi dưỡng suy tư; nó trở nên bảo thủ và nặng giáo điều. Nó trách tôi đã chọn trong giáo lý những điều tôi thích. Nhưng tôi đâu có dám gạt bỏ lời Chúa, để lựa riêng ra điều này điều nọ. Tôi chỉ chọn Chúa thay vì chọn thánh Paul.

Còn con trai tôi sợ thấy đối lập giữa Chúa và Thánh, đã không chịu ghi nhận sự khác biệt về mặt khái giữa hai vị, và phản đối khi tôi bảo rằng một đấng là người trần gian, còn một đấng là Chúa. Nó càng cãi lý thì tôi càng thấy rõ là Jacques không nhạy bén với những gì thiêng liêng trong lời Chúa dạy.

Tôi lục tìm trong Phúc Âm mà không thấy được dù một mệnh lệnh hay một đe dọa hay một cấm đoán nhỏ... Tất cả những thứ ấy đều từ Thánh Paul mà ra.

Jacques lúng túng vì không tìm được mệnh lệnh hay đe dọa trong lời Chúa. Những linh hồn như nó thường hốt hoảng nếu không được dìu dắt, nếu thiếu lan can để vịn cho khỏi sa ngã lầm lạc. Hơn nữa, họ khó chịu khi thấy kẻ khác dám hưởng quyền tự do mà họ đã tự chối bỏ. Lúc nào họ cũng gò bó, bắt buộc, để đoạt được những mục tiêu mà lẽ ra có thể thu hoạch dễ dàng qua tình thương. Nó bảo tôi:

“Nhưng thưa Ba, con đâu có chối bỏ hạnh phúc của tâm hồn.”

“Không phải đâu. Con muốn tâm hồn phải phục tùng.”

“Hạnh phúc nằm trong phục tùng giáo điều.”

Tránh cãi lý giằng co với con, tôi không đáp lại; tuy nhiên tôi biết rõ rằng hạnh phúc sẽ bị sút mẻ nếu ta đòi hỏi phải phục tùng trước mới được hưởng hạnh phúc sau, thay vì coi sự phục tùng là kết quả tất nhiên một khi có hạnh phúc – và rằng một tâm hồn yêu thương sẵn lòng phục tùng, nhưng không có gì có thể xa cách hạnh phúc hơn là phục tùng mà không yêu thương.

Ngoài ra Jacques lập luận rất vững chãi. Nếu không vì buồn lòng thấy nó còn trẻ mà đã quá cứng cỏi về giáo lý, thì tôi phải công nhận lập luận của nó rất chính và luận lý của nó rất nhất quán. Nhiều khi tôi thấy mình còn trẻ hơn con; trẻ hơn chính bản thân mình so với hôm qua, và tôi lẩm nhẩm lời Phúc Âm, rằng ‘Nếu các người không trở lại thành trẻ nhỏ, làm sao các người được nhận vào nước Chúa?’

Thấy trong Phúc Âm con đường dẫn tới cuộc sống hạnh phúc, đâu có phải là phản Chúa, là phản Thánh Kinh? Hạnh phúc mà tính ngờ vực và trái tim chai sạn cấm đoán, hạnh phúc đó chính là bốn phận của con chiên. Ai cũng có khả năng hạnh phúc. Về điều này, tôi học được từ nụ cười của Gertrude nhiều hơn là nàng học được từ tất cả những bài giáo lý tôi đã dạy nàng.

Và lời Chúa sừng sững sáng ngời trước mắt tôi, ‘Nếu con mù lòa, con sẽ không có tội’. Tội lỗi là những điều làm cho tâm hồn vẫn đục, những điều đối kháng với hạnh phúc. Hạnh phúc viên mãn và tỏa ra nơi Gertrude như hào quang như thế

là vì nàng không hề biết tội lỗi là gì. Ở nàng chỉ có sự trong sáng và tình yêu.

Tôi trao nàng bốn cuốn Phúc Âm, mấy cuốn Thánh Thi, cuốn Mạc Thị Lục, và ba tập Sứ Đồ của thánh Jean, trong đó nàng tìm thấy những lời vàng ngọc như ‘Chúa là ánh sáng, và trong Chúa không có âm u tối tăm.’ Qua Thánh Kinh, nàng có thể nghe lời Chúa dạy ‘Ta là ánh sáng, kẻ theo ta không sợ tối tăm’ như nàng đã nghe được lời Chúa rằng ‘Ta là ánh sáng của thế gian; ai đi với ta không phải bước trong tăm tối.’ Tôi nhất định không cho nàng xem kinh của thánh Paul, vì mù lòa, nàng đâu cần biết đến tội lỗi, ích gì làm cho nàng lo lắng phải đọc những câu như ‘Tội lỗi đã thu hoạch được những sức lực mới... như trong kinh Romaines VII, 13, v..v..’

\*

Ngày 8 tháng Năm.

Bác sĩ Martins chiều qua từ La Chaux de Fonds đến thăm tôi. Anh lấy võng mô kính ra khám mắt rất lâu cho Gertrude. Anh cho hay anh có trình bày trường hợp Gertrude với bác sĩ Roux, vị danh y nhãn khoa ở Lausanne. Cả hai vị đều đồng ý là mắt Gertrude có thể mở sáng lại được. Nhưng chúng tôi quyết định là đợi sự việc chắc hơn mới cho nàng biết. Sau khi họp với bác sĩ Roux, Martins sẽ cho tôi hay. Làm nàng hy vọng hụt, đâu có ích gì? Vả lại ngay cả bây giờ, nàng đã chẳng hạnh phúc rồi sao?

\*

Ngày 10 tháng Năm.

Lễ Phục Sinh, Jacques và Gertrude gặp nhau lại dưới sự chứng kiến của tôi – ít ra Jacques đã tìm gặp lại Gertrude và đã nói chuyện với nàng, tuy chỉ là những câu chuyện thông thường. Nó không tỏ ra xúc động nhiều như tôi đã tưởng. Tôi lại tự trấn tâm là nếu đã nồng nhiệt, thì dù năm ngoái có bị Gertrude cho hay là tình nó vô vọng chẳng nữa, tình đó đã không dễ dập tắt như vậy. Nó xưng hô ‘cô, tôi’ với nàng, như vậy thật ra chính hơn; tôi đã không ép nó phải làm vậy, nên rất hài lòng khi thấy nó biết tự giác. Không thể phủ nhận là thằng bé có nhiều điểm tốt lành.

Tuy nhiên, tôi vẫn nghĩ là sự phục tòng của Jacques khắc khoải khó khăn. Chỉ tiếc rằng nó cho gò bó con tim như vậy là thánh thiện; nó muốn tất cả mọi người cũng gò bó như nó; tôi nhận thấy điều này trong cuộc bàn cãi vừa qua với con mà tôi đã kể lại trước đây. Hình như La Rochefoucauld có nói, trí tuệ thường bị con tim đánh lừa. Tất nhiên tôi không dám nhắc nó điều này bây giờ. Biết tính con bướng bỉnh, khi thảo luận bị trái ý lại càng bướng bỉnh hơn; nhưng ngay chiều hôm đó, lấy ngay trong kinh thánh Paul (phải lấy độc trị độc) câu trả lời cho nó, tôi để lại trong phòng con mảnh giấy nhỏ chép ‘Rằng kẻ nào không ăn đừng phán xét kẻ đã ăn, vì Chúa đã đón nhận người này’. (Romains, XIV, 2).

Và tôi cũng định chép luôn câu tiếp theo ‘Tôi biết vì tôi được Chúa Ky Tô dạy rằng sự vật tự nó không tội lỗi, và chỉ tội lỗi cho những kẻ muốn thấy tội lỗi’. Nhưng tôi lại đổi ý, sợ rằng Jacques sẽ có những suy diễn xúc phạm liên quan đến Gertrude, điều nó không được phép nghĩ tới. Tất nhiên đoạn kinh này nói về thực phẩm. Nhưng trong kinh thánh, có biết bao nhiêu đoạn có thể hiểu theo đôi ba ngả khác nhau... (Như đoạn ‘Nếu mắt con’, hay đoạn làm bánh mì biến hóa một thành nhiều, hay đoạn đám cưới Cana, vân vân). Ở đây không phải chuyện chẻ sợi tóc làm tư; ý nghĩa đoạn kinh trên rộng và sâu rằng không nên lấy luật mà đòi hỏi giới hạn hay cấm đoán, mà phải lấy tình thương... và thánh Paul đã dũng dạc nói rằng: ‘nếu vì một món đồ ăn mà buồn phiền, thì con đã không theo đạo của tình thương.’ Quý dĩ tấn công chúng ta vì thiếu tình thương. Lạy Chúa, xin gạn lọc khỏi tim con tất cả những điều gì không phải là tình thương... Vì tôi đã lầm khi trêu tức Jacques. Ngày hôm sau tôi tìm thấy trên bàn tôi miếng giấy tôi viết cho nó. Nó viết lại mặt sau, một câu kinh khác, cũng chương đó rằng ‘Đừng vì món ăn của con mà làm hại đến kẻ Chúa đã xả thân cứu rỗi’. (Romains XIV, 15).

Tôi đọc lại cả chương sách một lần nữa. Thật ra đề tài này mà cãi lý thì không bao giờ hết. Nhưng tội gì lại vẫn đục cả bầu trời trong sáng của Gertrude với những thắc mắc dằn vặt loại này. Hai chúng tôi gần gũi với Chúa biết bao, khi tôi dạy

Gertrude là tội lỗi nặng nhất là làm phương hại đến hạnh phúc của người khác cũng như của chính mình.

Buồn thay, có những linh hồn không có khả năng chấp nhận hạnh phúc; vì kém cõi vụng về... Tôi chạnh lòng nghĩ đến vợ. Tôi luôn luôn chào mời nàng hưởng lấy hạnh phúc, xô đẩy nàng về phía hạnh phúc, gần như cưỡng ép hạnh phúc lên nàng. Đúng, lòng tôi muốn nâng mọi người lên cao để hưởng ơn phước Thượng Đế. Nhưng nàng vẫn khăng khăng trốn chạy, tâm hồn luôn luôn khép kín như những loài hoa sầu muộn, mà không nắng nào có thể mãi khai. Chuyện gì cũng có thể làm cho nàng lo lắng bận tâm.

Một hôm nàng nói với tôi:

“Biết làm sao đây? Em không có may mắn được mù lòa.”

Chao ôi, lời nàng mai mỉa cay đắng làm sao. Đạo đức nào che chở cho tôi khỏi bị tổn thương bởi miệng lưỡi độc ác này. Tối thiểu nàng cũng phải biết tôi đau đớn dường nào, nếu ai ám chỉ đến tội nguyên của Gertrude. Nhưng hành động của vợ tôi làm tôi cảm thấy lòng vị tha nơi Gertrude lại càng cao quý hơn. Gertrude chưa hề mở miệng trách móc hay oán hờn bất cứ một ai bao giờ. Thật ra tôi không để nàng biết những chuyện có thể thương tổn nàng.

Nếu một tâm hồn hạnh phúc tỏa hào quang ra và reo rắc tình thương và niềm vui, thì xung quanh Amélie chỉ có tối tăm bệnh hoạn. Nếu Amiel nhà văn chuyên về bất an của đời sống tả nàng, chắc ông ta đã viết rằng tâm hồn Amélie phát ra những tia sáng đen. Sau một ngày thăm viếng những kẻ ốm đau tội nguyên, tôi về nhà mệt mỏi từ tâm hồn đến thể xác, mong đợi một tình yêu đầm ấm... vậy mà tôi chỉ tìm được những lo lắng buồn phiền hay đay nghiến oán trách. Mưa lạnh gió buốt bên ngoài còn muôn vàn dễ chịu hơn. Tôi biết vú già Rosalie nhiều khi cứng đầu chỉ muốn làm theo ý mình, tuy nhiên không phải bao giờ vợ tôi cũng đúng mà người làm cũng sai. Tôi cũng thừa biết là thằng Gaspard và con Charlotte là hai đứa trẻ tinh nghịch, nhưng nàng có thể thành công hơn nếu bớt to tiếng và kềm kẹp chúng suốt ngày. Lúc nào cũng mắng, lúc nào cũng phạt, thét ra rồi chúng chai lì rần rần rần

mặt như sỏi đá. Kết quả là nhà tôi mắng chửi con mà chỉ có mình tôi khó chịu. Tôi cũng biết thằng út Claude mọc răng, nhưng nó vừa o oe là Amélie hay Sarah lại chạy lại bế ẵm... như thế có khác gì là khuyến khích cho nó hay nè. Tôi tin rằng nó sẽ ít hét hơn nếu cứ để hét vài lần cho thỏa thích khi tôi không có ở đấy. Nhưng tôi biết chỉ những lúc tôi có mặt hai mẹ con mới vội vã bế nó.

Sarah càng lớn càng giống mẹ, làm tôi muốn bỏ nó vào nội trú. Sarah không giống mẹ khi Amélie còn trẻ vào cỡ tuổi nó khi chúng tôi mới đính hôn. Không, nó giống như mẹ nó bây giờ, sau tất cả những lo lắng và bận tâm của đời sống vật chất, tôi muốn nói sau cái thú nuôi dưỡng lo âu phiền muộn (vì quả thật Amélie có cái thú này). Nhìn vợ bây giờ, tôi không thể tưởng tượng lại hình ảnh nàng tiên mỉm cười với mỗi ước vọng hướng thượng của tôi, người con gái mà tôi muốn gắn bó tất cả cuộc đời, vị thiên thần đi trước và kéo tôi về phía ánh sáng \_ Phải chăng tình yêu thừa đó đã làm tôi mù quáng? Bây giờ nơi con gái, tôi chỉ thấy những bận tâm nhỏ nhen tẹp nẹp như mẹ nó. Ngay cả dung nhan nó thiếu cái ấm tình nội tâm, sao mà cứng cõi buồn bã. Nó không thích thi ca, mà cũng chẳng ham sách vở; tôi chưa từng bắt gặp hai mẹ con bàn bạc chuyện gì mà tôi muốn dự vào; bên cạnh vợ con tôi còn thấy cô đơn hơn là khi lui vào phòng làm việc, điều mà mỗi ngày tôi làm mỗi nhiều hơn.

Từ độ sang thu ngày ngắn dần, tôi hay sang nhà cô Louise dùng trà, mỗi khi mục vụ xong sớm và có dịp rảnh rỗi. Tôi quên chưa kể từ tháng mười một, cô Louise đã nhận thêm mấy em bé mù do bác sĩ Martins gửi tới; Gertrude bây giờ trở thành cô giáo kèm học các em, và kết quả thật khả quan.

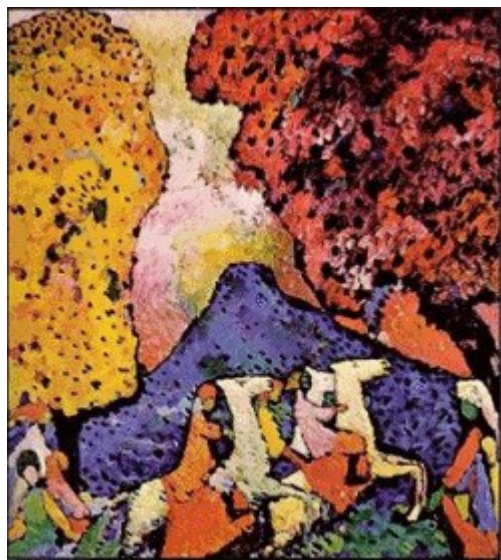
Biệt thự La Grange đầm ấm và an bình biết bao. Nếu hai ba hôm liền mà không tới được, tôi thấy khổ sở thiếu thốn làm sao. Cô Louise thật ra không phải vất vả lắm khi chăm sóc cho Gertrude và ba em bé mù; ba người làm tận tâm phục vụ, đỡ dần cô chủ những việc nặng nhọc. Nhưng phải nói là tiền của và thời gian xử dụng như vậy không thể còn cách nào xứng đáng hơn. Cô luôn luôn tỏ lòng thương người khổ khó. Thật

là một tâm hồn ngoan đạo, một thiên thần tạm lưu lại cõi trần chỉ vì yêu thương và muốn giúp đỡ kẻ khác; dù cô đã có tuổi, mái đầu đã bạc trắng, nhưng không có gì trẻ trung hơn nụ cười của cô, hài hòa hơn dáng điệu của cô, êm đềm hơn giọng cô nói. Gertrude đã học được nơi cô, không những về lời ăn tiếng nói, mà còn về đường lối suy nghĩ cũng như cung cách toàn diện con người. Tôi hay trêu hai người về sự giống nhau này, nhưng cả hai không nhận thấy như tôi. Thật là êm đềm cho tôi, nếu hôm nào có thì giờ ở lại trễ với họ, ngắm họ ngồi bên nhau, Gertrude tựa đầu vào vai cô Louise, hay để cô cầm tay, nghe tôi đọc thơ Lamartine hay Hugo; sung sướng tuyệt vời cho tôi khi được ngắm ý thơ mỹ miều phản chiếu lại từ hai tâm hồn trong sáng. Tốt lành lan tràn đến ba em bé mù. Trong môi trường an bình và ấm tình thương, chúng tiến bộ nhanh chóng. Mới đầu tôi không tin, khi cô Louise nói đến chuyện cho các em học khiêu vũ, vừa giải trí mà lại tốt cho sức khỏe; nhưng bây giờ tôi phải thán phục tài vũ của các em, khi ngắm những bước điệu uyển chuyển các em thực hiện được. Chỉ tiếc các em không có thị giác để biết mình nhảy khéo đến đâu. Tuy nhiên cô Louise thuyết phục tôi rằng tuy không thấy được bằng mắt cái đẹp của những động tác khéo léo, các em vẫn cảm được qua cơ bắp mình. Gertrude cũng tham dự vào những điệu vũ này với duyên dáng, và cũng tỏ ra rất thích thú. Có lúc cô Louise nhảy chung với các em, trong khi Gertrude ngồi đàn dương cầm. Tiến bộ của nàng về âm nhạc thật là bất ngờ; bây giờ nàng phụ trách cây phong cầm mỗi chủ nhật, và đệm cho những buổi cầu kinh sáng chủ nhật bằng những đoạn ngắn tùy hứng.

Gertrude thường tới tôi ăn trưa với gia đình; đám con tôi rất mừng mỗi khi nàng tới, tuy rằng sở thích và thẩm mỹ của nàng mỗi ngày mỗi khác với chúng. Amélie nói chung, không tỏ ra khó chịu lắm, và bữa ăn thường thường trôi qua êm đẹp. Xong bữa, chúng tôi tiễn Gertrude về lại biệt thự La Grange, và chúng tôi ở đó tới chiều để uống trà. Đúng là một dịp vui hiếm có cho đám con tôi, và cô Louise có gì ngon ngọt là đem ra đãi chúng. Cả Amélie, thường không nhạy ứng với sự tiếp

đón ân cần nói chung, cũng thư giãn, và sau cùng cũng như có phần trẻ lại trong những dịp thăm viếng này. Tôi nghĩ nàng cũng thích thói quen mới này, như một chút nhàn hạ cho cuộc sống vội vàng tất bật của nàng, và nếu phải bỏ chắc nàng sẽ thấy cũng hơi khó khăn.

\*



*Tranh Wassily Kandinsky – Blue Mountain*

Ngày 18 tháng Năm.

Bây giờ thời tiết đã ấm áp, và tôi lại có dịp dẫn Gertrude ra ngoài, việc đã không làm khá lâu (vì tuyết lại rơi, và mãi gần đây đường xá ở trong tình trạng lầy lội). Vả lại lâu lắm tôi cũng không có dịp gặp riêng nàng.

Ra khỏi nhà, chúng tôi vui vẻ rảo bước; gió lạnh làm nàng đỏ má, thổi mấy lọn tóc vàng phất phơ trước trán. Lúc đi dọc theo một đầm lầy, tôi với tay hái vài bông cỏ mới nở cho nàng gài dưới mũ và bím vào mái tóc để giữ cho khỏi bay.

Một lát rồi mà chúng tôi vẫn chưa nói chuyện, như còn ngạc nhiên sung sướng vì thú vui được gặp riêng nhau, khi Gertrude bỗng ngoảnh lại hỏi tôi:

“Mục sư có nghĩ là anh Jacques còn yêu con không?”

Tôi vội trả lời:

“Anh ấy đã cam kết không theo đuổi con nữa.”

Nàng lại hỏi:

“Mục sư có nghĩ là anh ấy biết Mục sư yêu con không?”

Từ câu chuyện mùa hè năm ngoái tôi đã kể, từ sáu tháng nay chúng tôi không nói đến yêu đương. Chúng tôi không có dịp gặp riêng nhau, mà kể như vậy cũng là điều hay... Bây giờ câu hỏi của Gertrude làm tim tôi đập liên hồi, đến nỗi tôi phải chậm bước lại. Tôi đáp:

“Ai chả biết là ta thương con.”

Nàng không chịu thua:

“Không đâu. Như vậy là Mục sư không trả lời câu con hỏi.”

Một giây yên lặng trôi qua, nàng cúi đầu khẽ nói:

“Dì Amélie biết. Mà con biết là biết điều này, Dì con buồn lắm.”

“Không có chuyện này thì Dì cũng vẫn buồn. Bản tính Dì không bao giờ vui.”

Nàng có vẻ bực mình:

“Ô! Mục sư luôn luôn tìm cách làm con an lòng. Con không muốn an lòng như vậy. Con biết có nhiều chuyện Mục sư giấu con, sợ con buồn. Vì có nhiều chuyện con không được biết, nên nhiều khi con nghĩ...”

Giọng nàng nhỏ dần rồi tắt, tựa hồ như hụt hơi. Bắt lấy mấy chữ cuối cùng nàng vừa nói, tôi hỏi:

“Nên nhiều khi làm sao hở cứng?”

Nàng tiếp lời, buồn bã:

“Thỉnh thoảng con thấy như thế là tất cả niềm hạnh phúc Mục sư dành cho con là dựa trên việc con không được biết hết cả mọi chuyện.”

“Gertrude con, nhưng mà...”

“Không, Mục sư để cho con nói hết: Con không muốn hạnh phúc như vậy. Hãy hiểu cho con là... Con không cần hạnh phúc. Con muốn biết sự thật hơn. Có rất nhiều chuyện, nhiều chuyện buồn mà con không thấy được, nhưng Mục sư không được giấu con. Mấy tháng mùa đông, con đã suy nghĩ rất nhiều. Mục sư, con sợ rằng thế giới không đẹp như Mục sư muốn con nghĩ, thậm chí còn xấu hơn nhiều lắm.”

Sợ hãi, tôi gắng biện minh:

“Thật ra thì loài người nhiều khi làm thế giới này xấu đi.”

Đà suy nghĩ của nàng làm tôi lo sợ. Như tuyệt vọng, tôi tìm cách đổi hướng câu chuyện. Nàng bắt lấy lời tôi nói, như một chiếc chìa khóa để cởi mở mỗi bận tâm. Nàng nói:

“Chính vậy. Con không muốn thân phận con lại làm cho cuộc đời thêm xấu.”

Trong giây lâu, chúng tôi yên lặng rảo bước. Những lời tôi có thể nói với nàng chưa nói đã cảm thấy vấp phải những điều nàng đang nghĩ; tôi sợ nói lỡ ra một câu nào đó có khả năng quyết định số phận chúng tôi. Nghĩ đến lời anh bạn Martins cho hay mắt nàng nếu mở có thể nhìn lại được, lòng tôi bỗng vô cùng bất an.

Sau cùng nàng nói:

“Con có chuyện muốn hỏi Mục sư, nhưng không biết nói làm sao...”

Tất nhiên là nàng đang vận động tất cả can đảm để nói, mà tôi cũng đang vận động tất cả can đảm đợi nghe. Nhưng làm sao mà tôi đoán nổi câu hỏi của nàng:

“Con cái người mù đẻ ra, có bắt buộc phải mù không?”

Trong chúng tôi, tôi không biết ai ngọt ngào hơn ai; nhưng đã đến thế này thì chỉ còn cách tiếp tục. Tôi nói:

“Không Gertrude, trừ trường hợp bất thường lắm. Thật ra không có lý do gì mà con cái người mù, bẩm sinh là đã phải mù.”

Câu trả lời làm nàng hoàn toàn yên tâm. Tôi muốn hỏi tại sao nàng lại thắc mắc chuyện này. Không đủ can đảm hỏi thẳng, tôi vụng về nói quanh:

“Gertrude ạ, phải có chồng rồi mới có con được.”

“Mục sư đừng nói dối con. Con biết sự thật đâu có phải như vậy.”

“Ta chỉ nói những điều đàng hoàng trang trọng. Thật ra có nhiều chuyện thiên nhiên cho phép, mà phong tục loài người cũng như luật Chúa không cho.”

“Thế sao Mục sư lại dạy con là luật Chúa chính là luật của Tình Thương?”

“Tình Thương đây là tình thương tế độ.”

“Mục sư thương con với tình thương tế độ sao?”

“Gertrude cương. Con dư biết là không phải vậy.”

“Vậy Mục sư cho là tình chúng ta vượt ra ngoài phép Chúa sao?”

“Con muốn nói gì?”

“Mục sư biết mà. Lẽ ra con không phải là người nói ra chuyện này.”

Tôi đã hoài công lẩn trốn. Tim tôi đổ hồi, và những lý lẽ nêu ra lúng túng bất thông. Như điên dại, tôi nói lớn:

“Gertrude... con nghĩ tình con tội lỗi?”

Nàng sửa lời tôi:

“Mục sư muốn nói ‘tình chúng mình’... Con nghĩ là có tội lỗi.” “Vậy tính sao hở con?”

Tôi ngạc nhiên thấy trong giọng mình có van xin năn nỉ. Như hụt hơi, nàng nói tiếp:

“Nhưng dù sao đi nữa, con không thể ngừng yêu Mục sư được.”

Câu chuyện xảy ra hôm qua. Tôi ngần ngại không ghi chép ngay. Tôi không còn nhớ buổi văn cảnh đó kết thúc làm sao. Chúng tôi rảo bước như trốn chạy. Tôi ghì chặt cánh tay nàng. Linh hồn như đã lìa khỏi xác, và chỉ một viên sỏi nhỏ trên đường cũng đủ làm chúng tôi vấp ngã.

\*

Ngày 19 tháng Năm.

Sáng nay Bác sĩ Martins trở về. Mắt Gertrude có thể mở được.

Bác sĩ Roux chuẩn y việc giải phẫu, và yêu cầu đưa nàng lên Lausanne để trị liệu. Tôi không thể phản đối, tuy vậy vẫn hèn nhát tìm cách trì hoãn để suy nghĩ. Tôi xin cho thư thả, lấy cớ để sửa soạn nàng về mặt tâm lý... Lẽ ra tôi phải vui mừng, vậy mà một nỗi hoang mang không tả nổi đè nặng tim tôi. Cứ nghĩ đến việc cho Gertrude hay là nàng có thể nhìn lại được, lòng tôi lại muôn vàn lo sợ...

Đêm 19 tháng Năm.

Tôi đã gặp lại Gertrude, và tôi đã không nói với nàng. Chiều nay tôi đến biệt thự La Grange, không gặp ai ở phòng

khách, tôi lên cầu thang tới thẳng buồng nàng. Cả nhà vắng vẻ chỉ có hai chúng tôi.

Tôi ôm nàng vào lòng, yên lặng giây lâu. Nàng không chống cự. Và lúc nàng ngẩng lên, môi chúng tôi chạm nhau...



*Tranh Kandinsky- Winter Landscape with Church*

\*

Ngày 21 tháng Năm.

Lạy Chúa, phải chăng Chúa đã cho chúng con đêm bao la và đẹp đến ngần này. Phải chăng Chúa đã vì con... Khí trời ấm áp, ánh trăng bên ngoài chiếu qua khung cửa sổ mở rộng, và con lắng nghe cái tịch mịch bao la của những vùng trời thăm thẳm. Ôi, tim con tan vào niềm thương yêu thờ phụng con dâng lên tất cả tạo vật, trong niềm hoan lạc không lời. Con chỉ còn biết hết lòng nguyện cầu. Con hiểu rồi, nếu tình yêu phải trói buộc trong một giới hạn, thì lỗi là tại loài người, chứ không phải vì ý Chúa. Dù tình con với nàng có mang tội với nhân loại, nhưng trăm lạy Ngài, hãy phán cho con là dưới mắt Ngài, tình này vẫn thánh thiện trong lành.

Con muốn vượt lên trên ý niệm tội lỗi. Con không chịu nổi ý niệm tội lỗi, và con không muốn bỏ Chúa Ky tô. Không, khi yêu nàng, con không chấp nhận đây là tội lỗi. Trừ phi phải moi trái tim con vứt bỏ, con mới hết yêu nàng. Nhưng tại sao? Dù có không yêu nàng đi nữa, con vẫn phải yêu nàng vì xót thương. Không yêu nàng nữa, có khác gì là phản bội nàng: nàng không thể thiếu được tình con...

Lạy Chúa, con không còn biết gì nữa. Con chỉ còn biết có Chúa. Chúa dìu dắt con. Nhiều lúc con ngộp lặn trong tăm tối, như thể trong khi người ta sắp trả lại thị giác cho nàng, thì chính con lại thành kẻ mù lòa.

Hôm qua Gertrude nhập viện, và sẽ điều trị ở đó độ hai chục ngày. Tôi vô cùng lo sợ chờ đợi nàng về. Martins sẽ mang nàng về khi cuộc điều trị hoàn tất. Nàng bắt tôi hứa là phải đợi nàng ở nhà, và không được tới bệnh viện thăm nàng.

\*

Ngày 22 tháng Năm.

Thơ của Martins cho hay: cuộc giải phẫu thành công mỹ mãn.

Lạy Chúa, con tạ ơn Ngài.

\*

Ngày 24 tháng Năm.

Tôi vô cùng ngượng ngùng và bất an nghĩ đến chuyện trình diện với người đã yêu tôi cho đến bây giờ mà chưa thấy mặt tôi. Không biết nàng có nhận ra tôi không. Lần đầu tiên trên đời, tôi lo lắng ngắm mình trong gương. Tôi sẽ như thế nào nếu thị giác nàng không độ lượng, không yêu đương như trái tim nàng. Chúa ơi, con cần tình thương của nàng để con yêu kính Chúa.

\*

Ngày 27 tháng Năm.

Mấy hôm nay giáo khu bất ngờ lắm việc phải giải quyết, giúp tôi khuây khỏa ít nhiều. Tôi mừng rỡ tìm được nhiều chuyện bận rộn để khỏi nghĩ đến nàng. Nhưng hình ảnh nàng vẫn luôn luôn theo tôi ám ảnh.

Ngày mai nàng sẽ trở về. Suốt tuần qua, Amélie biểu lộ những diện tốt lành nhất của mình và để tâm giúp tôi quên kẻ vắng mặt, bây giờ cùng đám trẻ sửa soạn đón nàng về.

\*

Ngày 28 tháng Năm.

Thằng Gaspard và con Charlotte đã hái tất cả hoa dại ngoài rừng và trong nội cỏ. Vú già Rosalie làm một chiếc bánh

khổng lồ, và Sarah cắt những mẫu giấy vàng để trang hoàng bánh. Trưa nay cả nhà trông ngóng nàng về.

Tôi lấy giấy bút ra viết để bận rộn trí óc trong những phút đợi chờ. Đồng hồ chỉ mười một giờ. Lúc lúc, tôi lại nhìn ra đường tìm bóng cỗ xe của bác sĩ Martins. Tôi quyết định không chạy ra tận xe đón nàng. Tôi không muốn sự đón mừng của tôi có tính cách riêng tư trước mặt Amélie. Tim tôi nhói lên... A! Họ đã về.

Chiều ngày 28.

Tôi rơi vào cái đêm tối hãi hùng nào đây. Lạy Chúa, hãy thương xót con, con xin van Chúa. Con xin hứa sẽ không thương yêu nàng nữa. Nhưng lạy Chúa, con van xin Ngài đừng để cho nàng chết!

Bây giờ tôi mới biết tại sao tôi lo sợ bấy lâu. Nàng toan làm chuyện gì đây? Khổ quá, nàng đã toan làm chuyện gì? Amélie và Sarah cho tôi hay là đã tiễn nàng về tới cổng biệt thự La Grange, tận tay giao nàng lại cho cô Louise. Tức là nàng vào nhà rồi lại trở ra... Chuyện gì đã xảy ra? Tôi cố gắng sắp xếp đầu óc cho thứ tự. Nhưng tôi không thể nào hiểu nổi, sự việc đầu đuôi trái ngược. Đầu óc tôi rối mù... Bác làm vườn của cô Louise mang nàng về nhà bất tỉnh. Bác kể lại thấy nàng đi dọc theo bờ sông, qua cầu, rồi cúi xuống, rồi mất dạng... nhưng không nghĩ nàng ngã xuống nước, nên bác đã không chạy tới cứu. Lát sau bác tìm thấy nàng trôi về chỗ gần đập nước. Lúc tôi tới thì nàng đang mê man; hay mới mê lại, vì nghe nói nàng đã hồi tỉnh một lát nhờ cứu cấp. May sao, anh Martins vẫn chưa rời làng; anh thấy khó hiểu vì cơn mê kéo dài quá lâu; anh gạn hỏi nhưng nàng không trả lời; nàng như không nghe mà cũng không thấy gì, hay nghe thấy nhưng nhất định không hé răng. Nàng vẫn thở một cách mệt nhọc nặng nề, và anh nghĩ nàng bị sưng phổi; anh đặt chén hút máu tụt, và cho chườm hột cải, rồi hẹn ngày mai trở lại. Chỉ tại lúc cấp cứu, mọi người vô ý, để nàng mặc quần áo lạnh quá lâu trong khi tìm cách làm nàng hồi tỉnh. Nước sông băng giá, cô Louise là người độc nhất được nói chuyện với nàng vài câu cho hay là nàng định hái mấy bông lưu-ly-thảo mọc ven sông, và còn

vụng về khi ước lượng khoảng cách, hay tưởng lầm đám hoa nổi là đất liền, nàng đã xảy chân... Ước gì tôi tin được giải thích này. Nếu quả thật là một tai nạn, thì lòng tôi nhẹ nhõm biết bao. Nghĩ lại, tôi nhớ suốt bữa ăn trưa nay, mọi chuyện kể như vui vẻ, chỉ có nụ cười bất thường như không rời môi nàng làm tôi lo âu; nụ cười tôi chưa thấy nơi nàng, cũng như ánh mắt mới của nàng; một nụ cười buồn như nước mắt chảy xuống má nàng, làm tôi khó chịu với sự vui nhộn xô bồ của cả nhà. Nàng không dự phần vào cuộc vui. Nàng như khám phá ra chuyện gì, nếu chỉ có riêng tôi chắc nàng đã chia sẻ. Nàng gần như không nói gì, nhưng không ai để ý, vì tính nàng vốn trầm tĩnh, mọi người xung quanh càng vui nhộn bao nhiêu thì nàng lại càng yên lặng bấy nhiêu.

Lạy Chúa, con van xin Ngài, cho con được nói chuyện với nàng. Con phải biết rõ đầu đuôi, nếu không, làm sao con sống nổi... Tuy nhiên, nàng đã quyết từ trần, phải chăng là nàng đã biết? Em yêu, em biết chuyện gì mà hải hùng đến thế? Tôi đã giấu em chuyện kinh hoàng gì mà bây giờ em mới thấy?

Tôi ngồi đầu giường nàng, suốt hai giờ đồng hồ, dăm dăm nhìn vùng trán xinh đẹp, đôi má xanh xao, và đôi mi thanh tú úp xuống một trời buồn thảm, và mái tóc ướt nước sông lòa xòa như rong rêu rũ trên mặt gối... Và lắng nghe nhịp nàng thở, nặng nhọc, khi ngắn khi dài...

\*

Ngày 29 tháng Năm.

Tôi sắp qua bên biệt thự La Grange, thì cô Louise cho người tới tìm. Sau một đêm khá yên tĩnh, Gertrude đã tỉnh lại.

Nàng cười với tôi khi tôi bước vào phòng. Tôi không dám hỏi chuyện, và nàng cũng như e sợ những câu hỏi của tôi vì nàng nói trước:

“Mục sư gọi những bông hoa màu xanh da trời mọc ngoài sông mà con định hái là hoa gì nhỉ? Mục sư khéo tay hơn con, Mục sư đi hái cho con một bó đi. Con muốn bày hoa ở chỗ này này, gần giường đó...”

Nàng vui gượng làm tôi xót xa. Có lẽ cũng thấy như vậy, nàng lấy giọng nghiêm trang nói với tôi:

“Sáng nay con không nói chuyện với Mục sư được, vì con mệt quá. Mục sư đi hái hoa cho con đi. Đừng đi lâu nhé.”

Độ một giờ sau tôi mang hoa về. Cô Louise cho hay là Gertrude đã ngủ lại và đến chiều mới tiếp tôi được.

Chiều tôi lại đến gặp nàng. Nàng ngồi tựa lưng lên chông gối cao. Tóc nàng đã bím lại gọn ghẽ, và phía trước cài mấy bông lưu-ly-thảo tôi hái lúc sáng.

Rõ ràng là nàng vẫn sốt và hơi thở vẫn khó khăn. Tôi đưa tay cho nàng. Nàng nắm lấy tay tôi, bàn tay nàng hừng hực như lửa. Tôi đứng cạnh nàng như vậy giây lâu. Gertrude lên tiếng:

“Con phải thú tội với Mục sư, vì con sợ không qua khỏi chiều nay. Ban sáng, con đã nói dối Mục sư... Không phải con hái hoa, rồi vô ý lâm nạn... Mục sư có tha lỗi cho con, nếu con nói với Mục sư là con định tự vẫn?”

Tôi quỳ xuống bên giường, tay tôi vẫn giữ bàn tay nàng bé bỏng của nàng, mặt úp xuống đệm để giấu cơn khóc. Nhưng nàng gỡ tay ra để vuốt trán tôi.

Nàng dịu dàng nói:

“Mục sư thấy như vậy tội lỗi lắm sao?”

Thấy tôi không trả lời, nàng bỗng nói tiếp:

“Anh! Anh cũng phải thấy rằng em chiếm một chỗ quá lớn trong tim anh, cũng như trong cuộc đời anh. Chỗ em chiếm là chỗ của một người đàn bà khác, và người đó vô cùng sâu muộn. Tội lỗi của em là đã không linh cảm được điều này từ trước. Hay đúng ra – vì thực ra em đã biết trước – tội của em là đã biết vậy mà vẫn để cho anh yêu em. Nhưng bỗng thấy mặt vợ anh, thấy biết bao sâu muộn trên gương mặt ấy, em không thể nào chịu nổi là chừng ấy sâu muộn là do em gây ra... Không, em không trách gì anh, nhưng để cho em đi, và anh hãy trả lại cho vợ anh niềm hạnh phúc cũ của người.”

Nàng không còn vuốt ve trán tôi nữa. Tôi cầm lấy bàn tay nàng hôn như mê dại, những nụ hôn đầm nước mắt. Nàng bỗng phũ phàng rút tay lại, toàn thân giao động với niềm cảm phần bất ngờ:

“Không, chuyện này không phải là chuyện em muốn nói với anh chiều nay.”

Và nàng lặp lại, vâng trán lấp xấp mồ hôi:

“Không, không phải chuyện này.”

Và nàng nhắm mắt giây lâu như cố tập trung tư tưởng, như gắng tìm lại tình trạng mù lòa trước kia. Rồi nàng nói, mới đầu giọng lê thê buồn bã, rồi nàng từ từ mở mắt, tiếng nói lớn dần, sau cùng như la hét:

“Khi anh cho lại em thị giác, em mở mắt thấy một thế giới đẹp hơn cả mơ ước của em; đúng, em không ngờ ngày lại trong, không khí lại sáng, và trời lại bao la như vậy. Nhưng em cũng không ngờ vùng trán con người lại có thể nặng nề đến thế; bước chân vào nhà anh, anh có biết em thấy gì trước không... Chao ôi! Nhưng dù sao em cũng phải nói với anh: cái đầu tiên em thấy là lỗi lầm của chúng mình, là tội lỗi của chúng mình. Không, anh đừng cãi em. Anh có nhớ lời Chúa dạy không? *‘Nếu con mù lòa, con không có tội’*. Nhưng em không còn mù lòa nữa... Mục sư đứng dậy đi. Ngồi đây này. Gắng nghe em mà đừng ngắt lời. Thời gian ở bệnh viện, em đã đọc, hay đúng ra, đã được đọc cho nghe những đoạn Phúc âm mà em chưa từng được biết, mà Mục sư cũng chưa bao giờ dạy cho em. Có câu kinh của thánh Paul mà em đã nhắm đi nhắm lại suốt một ngày, là *‘Xưa tôi vô luật nên tôi đã sống. Nhưng nay Điều Răn đã tới, tội lỗi hồi sinh, và tôi phải từ giã cõi trần’*.”

Nàng nói trong say mê tột độ, lớn tiếng gần như la hét làm tôi ngượng ngùng, sợ ai bên ngoài nghe thấy. Rồi nàng nhắm mắt, lẩm nhẩm một mình:

“Tội lỗi hồi sinh, và tôi từ giã cõi trần.”

Tôi rùng mình, trái tim thất lại trong băng giá lo âu.

“Ai đọc cho em những câu kinh đó?”

Nàng mở mắt tìm mắt tôi, và nhìn tôi không chớp, nàng nói:

“Anh Jacques. Mục sư có biết là anh ấy cải đạo rồi không?”

Thật là quá sức tưởng tượng. Tôi muốn van xin nàng đừng nói nữa, nhưng nàng đã tiếp tục:

“Mục sư, em làm Mục sư khổ sở quá nhiều. Nhưng chúng mình không nên giấu nhau gì nữa. Khi thấy Jacques, em chợt hiểu Mục sư không phải là người em yêu. Mà là Jacques. Jacques có đúng khuôn mặt của Mục sư... Em muốn nói là khuôn mặt của Mục sư mà em đã hình dung... Chao ôi! Tại sao Mục sư lại xui em xua đuổi Jacques? Lẽ ra em đã có thể lấy Jacques làm chồng...”

Tôi nói trong tuyệt vọng:

“Nhưng Gertrude, bây giờ đâu đã muộn...”

Nàng như hét lên:

“Anh ấy đã vào chủng viện rồi!”

Rồi nàng khóc nức nở, đôi bờ vai rung động, thổn thức. Nàng rên rỉ:

“Chao ôi! Ước gì bây giờ tôi được Jacques làm phép thánh cho tôi. Mục sư thấy không? Tôi chỉ còn một con đường, là chết. Tôi khát quá. Mục sư cho gọi ai vào đi, tôi van Mục sư. Tôi khó thở quá. Để cho tôi nghỉ một mình. Mục sư đi ra đi. A! Vậy mà đã tưởng nói với Mục sư, tôi nhẹ được nỗi lòng. Mục sư đi ra đi. Chúng mình đừng thấy nhau nữa. Thấy Mục sư tôi chịu hết nỗi rồi.”

Tôi rời phòng nàng. Tôi gọi cô Louise để thay tôi canh bệnh. Sự giao động tột độ của nàng làm tôi vô cùng lo âu. Tôi biết sự hiện diện của tôi chỉ làm bệnh tình nàng thêm trầm trọng. Tôi năn nỉ mọi người gọi tôi, nếu bệnh nàng trở nặng.



*Tranh Salvador Dali – Mirage (ảo vọng)*

\*

Ngày 30 tháng Năm.

Than ôi từ đấy về sau, tôi chỉ được thấy nàng lúc nàng ngủ. Nàng mất sáng nay, lúc sớm tinh sương, sau một đêm mê sảng nặng nề. Nàng mất được vài giờ thì Jacques về tới nhà. Cô Louise theo lời thỉnh cầu cuối cùng của Gertrude, đã đánh điện cho con tôi báo tin. Hẳn nặng lời trách móc tôi đã không kịp thời gọi linh mục làm lễ. Nhưng tôi đâu có ngờ nàng cũng đã cải đạo trong lúc dưỡng bệnh tại Lausanne, tất nhiên là do hẳn xui giục. Hẳn cho tôi hay cùng một lúc hẳn và Gertrude đã bỏ đạo cũ. Thế là cả hai đã bỏ tôi; tuồng như bị tôi chia rẽ trong cuộc sống trần thế, chúng đã quyết trốn tôi, bỏ tôi, để tìm nhau xum họp bên Chúa. Nhưng tôi vẫn nghĩ Jacques cải đạo vì trí óc hơn vì con tim. Hẳn nói với tôi:

“Thưa Ba. Làm con mà buộc tội cha là điều không phải. Nhưng chính nhờ Ba lầm đường mà con tìm được chính đạo.”

Jacques đi rồi, tôi quỳ xuống bên vợ, xin nàng cầu nguyện cho tôi, vì tôi cần được cứu giúp. Đơn giản, nàng đọc “Lạy Cha...”, nhưng để giữa hai đoạn kinh những đoạn yên lặng dài cho những cầu khẩn van nài chúng tôi dâng lên Chúa.

Tôi muốn khóc, nhưng tim tôi khô cằn còn hơn sa mạc.

**-- Hết --**

# **Khúc Nhạc Đồng Quê**

*Đoàn Văn Khanh dịch*

## QUYỀN THỨ NHẤT

10 tháng 2 năm 198.

Cơn tuyết đổ không ngừng từ ba ngày nay đã bít hết các ngã đường. Tôi đã không thể nào đi đến R... nơi mà từ mười lăm năm nay tôi vẫn có thói quen cử hành thánh lễ mỗi tháng hai kỳ. Sáng nay chỉ có ba mươi tín hữu tập hợp tại nguyện đường La Brévine thôi.

Tôi lợi dụng sự nhàn rỗi do bị bó buộc phải ngồi nhà này để hồi tưởng và kể lại tại sao tôi đã tự dẫn mình vào việc chăm sóc cho Gertrude.

Tôi định viết ra đây tất cả những gì liên quan đến sự hình thành và phát triển của tấm linh hồn thành kính này mà tôi tưởng chừng như tôi đã dẫn dắt ra khỏi đêm tối là để phụng thờ và yêu thương. Chúc tụng Chúa đã giao phó cho tôi công việc này.

Đã hai năm sáu tháng, khi tôi vừa mới từ Chaux-de-Fonds trở về, một bé gái mà tôi không hề biết mặt đến tìm tôi một cách gấp rút để dẫn tôi đến một nơi cách đó bảy cây số hầu thăm viếng một bà lão đang hấp hối. Ngựa hầy còn đóng cương; tôi bèn để con bé lên xe, sau khi đã trang bị thêm một cái đèn lồng, bởi vì tôi nghĩ mình chưa chắc gì về kịp trước khi đêm xuống.

Tôi nghĩ là mình thông thuộc hết các ngõ ngách của cái xứ đạo này, nhưng khi qua khỏi trang trại Saudraie, con bé chỉ cho tôi đi theo một con đường mà cho tới bấy giờ tôi chưa hề đặt chân đến. Tuy nhiên tôi cũng nhận ra cách đó hai cây số về phía bên phải là cái hồ nhỏ huyền bí mà thời còn trai trẻ tôi đã từng đến trượt pa-tanh đôi lần. Từ mười lăm năm nay tôi không nhìn thấy lại chỉ vì không có công việc phụng vụ nào đòi hỏi tôi phải đi về phía này; tôi cũng không thể nói là tôi đã biết cái hồ nằm ở đâu và cũng đã thôi không nghĩ đến nữa thì bỗng nhiên trong cái vẻ huy hoàng huyền diệu của buổi chiều

hôm đó, tôi đã nhận ra nó mà trước đây tôi chỉ nhìn thấy trong mộng.

Con đường men theo dòng nước từ cái hồ chảy ra cắt ngăn bìa rừng rồi lượn theo một cái đầm than bùn. Dĩ nhiên là tôi chưa hề đến đó.

Mặt trời đang lặn và chúng tôi đi trong bóng mờ đã từ lâu, cuối cùng con bé dẫn đường chỉ tay về một căn nhà tranh nằm ở sườn đồi mà người ta có thể lầm tưởng là không có người ở, không có lấy một làn khói mỏng manh nào tỏa ra sậm sì trong bóng tối, rồi lại vàng hoe trong màu vàng ối của bầu trời. Tôi buộc ngựa vào một cây táo kế cận, xong trở lại gặp con bé trong căn phòng tối tăm nơi bà lão đang hấp hối.

Sự nặng nề của cảnh vật, sự tĩnh mịch và giờ phút trang nghiêm làm tôi ớn lạnh. Một người đàn bà còn trẻ đang quỳ gối cạnh giường. con bé mà tôi vẫn tưởng lầm là cháu của người quá cố hóa ra chỉ là đứa tớ gái, thấp một ngọn đèn ám đầy khói rồi đứng yên ở chân giường. Suốt chặng đường dài, tôi đã cố khơi chuyện, nhưng cũng chỉ moi được từ con bé có bốn câu thôi.

Người đàn bà đang quỳ đứng dậy. Đây cũng không phải một kẻ thân quyến như thoát tiên tôi đã tưởng, mà chỉ là một người láng giềng, một người bạn mà đứa tớ gái đã mời đến khi nó thấy bà chủ mình hấp hối và bà ta đã tự nguyện canh chừng giùm. Bà lão, lời bà láng giềng nói với tôi, đã tắt thở một cách nhẹ nhàng. Chúng tôi thỏa thuận với nhau về những cái cần chuẩn bị cho việc ma chay cũng như thánh lễ an táng. Cũng giống như đã bao lần rồi tại cái xứ khỉ ho cò gáy này, tôi phải quyết định lấy tất cả. Thú thật là tôi thấy hơi khó xử khi để cái căn nhà còn nghèo nàn hơn cả cái vẻ bên ngoài của nó cho sự trông nom duy nhất của người đàn bà láng giềng và đứa tớ gái bé. Tuy thế, cũng chẳng có dấu hiệu gì tỏ ra trong một xó xỉnh nào đó của căn nhà khốn khổ này còn một kho tàng dấu kín... Và hơn nữa tôi còn làm gì khác hơn được? Tuy vậy tôi cũng hỏi xem là bà lão còn có ai là thừa kế không.

Bấy giờ bà láng giềng mới cầm cây đèn soi về một góc của lò sưởi, và tôi có thể nhận ra một dáng người lơ mờ đang

ngồi bó gối trong tro có vẻ như đang ngủ; mớ tóc dày phủ gần kín hết khuôn mặt.

- Con bé đó bị mù: một đứa cháu, lời đứa tớ gái nói; hình như gia đình này chỉ vồn vẹn còn có thể. Phải đưa con bé vào viện mồ côi bằng không thì con cũng không biết con bé đó sẽ ra sao.

Tôi cảm thấy bực mình khi nghe người ta quyết định số phận con bé trước mặt nó, e rằng những lời tàn nhẫn ấy có thể làm cho nó đau buồn.

- Đừng đánh thức con bé, tôi nói khe khẽ cốt ý để cho bà lảng giềng ít ra cũng nhỏ tiếng bớt.

- Ôi chà! Tôi không nghĩ là con bé đang ngủ mà chỉ vì nó là một con bé đần độn, nó không nói và cũng chẳng hiểu gì người khác nói. Tôi ở trong phòng từ sáng đến giờ mà thấy con bé gần như không nhúc nhích. Thoạt tiên tôi nghĩ là con bé bị điếc nhưng đứa tớ gái thì lại cho rằng không phải thế mà chỉ vì bà lão vốn bị điếc nên không bao giờ nói gì với con bé hay với bất cứ người nào khác nên đã từ lâu con bé chỉ còn biết mở miệng để ăn hay uống thôi.

- Con bé bao nhiêu tuổi?

- Tôi ước chừng khoảng mười lăm! Ngoài ra tôi cũng không biết gì hơn ngài...

Ngay lúc ấy trong trí tôi chưa nảy ra cái ý nghĩ sẽ tự mình săn sóc cho con bé cô cút đáng thương đó; nhưng sau khi cầu nguyện - hay đúng hơn trong khi đang quỳ gối giữa người đàn bà lảng giềng và đứa tớ gái cũng đang quỳ ở đầu giường, bỗng nhiên tôi cảm thấy như Thiên Chúa đã đặt trên con đường của tôi một bốn phận mà tôi không thể nào không cảm thấy chút hèn nhát nếu như mình thoái thác. Khi tôi đứng dậy, tôi liền có quyết định là dẫn con bé theo mình ngay chiều hôm đó, cho dù tôi cũng chưa hỏi mình cho rõ ràng sẽ phải làm gì cho con bé sau này, hay sẽ gửi gắm con bé cho ai. Tôi còn nán lại một lúc để lặng ngắm khuôn mặt như ngủ của bà lão mà cái miệng nhăn nheo và túm lại như bị cái sợi dây cột túi tiền của một kẻ hà tiện kéo rút lại để yên trí là không có gì

rớt ra được. Xong tôi quay về lại cái góc có con bé mù, tôi ngó ý định của mình cho bà láng giềng biết.

- Tốt hơn hết là ngày mai con bé không còn đó khi người ta đến đưa xác bà lão đi, bà láng giềng nói. Chỉ thế thôi.

Có nhiều chuyện có thể làm một cách dễ dàng, không gặp tí trở ngại hão huyền nào mà đôi khi con người vẫn vui thích tưởng tượng ra. Từ thuở bé, đã từng biết bao lần chúng ta bị ngăn cản làm điều này điều nọ mà chúng ta muốn làm, chỉ vì chúng ta quen nghe lặp đi lặp lại chung quanh ta: không thể làm điều đó...

Con bé mù để cho dẫn đi như một cái xác không hồn. Nét mặt con bé đều đặn, khá xinh, nhưng hoàn toàn đờ đẫn. Tôi lượm theo một cái mền ở tấm nệm rơm nơi con bé vẫn thường nằm ở một góc phòng ngay dưới chân cầu thang dẫn lên cái lẫm chứa đồ trên nóc nhà.

Bà láng giềng tỏ vẻ đồng lòng và đã giúp tôi trùm kín cho con bé một cách cẩn thận, bởi vì đêm trong trẻo, trời sẽ lạnh giá; và sau khi đã thắp cây đèn lồng của cỗ xe ngựa, tôi liền khởi hành, mang theo cái khối thịt không hồn đang ngồi co ro tựa vào tôi mà tôi chỉ có thể cảm thấy có chút sự sống do sự trao đổi của cái hơi nóng âm ỉ đó. Suốt dọc đường tôi cứ nghĩ: con bé ngủ chạng? và một giấc ngủ chìm trong tấm tối biết bao... Và bằng cách nào mà bà lão phân biệt con bé thức hay ngủ? Lạy Chúa! Chủ nhân của cái thân xác tối tăm đặc sệt này chắc hẳn cũng có một linh hồn bị nhốt kín đang đợi chờ cuối cùng cũng sẽ có chút tia sáng soi rọi đến nhờ ân sủng của Ngài! Ngài có cho phép con có thể bằng tình yêu thương của mình đưa con bé xa khỏi cái đêm tối khủng khiếp?...

Tôi quá quan tâm đến sự thật nên không đành im không nhắc đến sự tiếp đón đầy bất mãn mà tôi phải chịu đựng khi trở về nhà. Vợ tôi là cả một vườn hoa nhân đức; và ngay cả những lúc khó khăn đôi khi đã xảy ra mà chúng tôi phải vượt qua, tôi không hề có một lúc nào có thể nghi ngờ cái đức tính cao quý của tâm hồn nàng; nhưng tấm lòng bác ái tự nhiên của nàng lại không hề muốn bị ngạc nhiên. Nàng là một người

ngăn nắp với chủ trương không đi quá ra ngoài, và càng không được dừng lại trong một nơi nào đó ngoài bốn phạm. Lòng bác ái của nàng cũng được dè xẻn như thể tình yêu cũng là một kho tàng có thể bị vơi cạn. Và đó cũng là cái điểm duy nhất mà chúng tôi hay cãi vã nhau.

Tối hôm đó khi thấy tôi trở về với con bé, ý nghĩ đầu tiên của nàng bộc lộ qua tiếng la:

- Ông lại rước thêm vào mình cái của nợ gì nữa đây?

Cũng giống như mỗi lần cần phải phân trần giải thích giữa hai vợ chồng, tôi bắt đầu đuổi mấy đứa con đang há hốc mồm đầy thắc mắc và ngạc nhiên đứng xó rợ ở đó ra ngoài. Chao ôi! sự tiếp đón này mới khác xa với cái điều mà tôi mong ước biết bao. Chỉ có con bé Charlotte cưng của tôi là bắt đầu nháy múa và vỗ tay reo khi con bé hiểu ra có một cái gì đó mới lạ, một cái gì đó sinh động sắp ra khỏi xe. Nhưng những đứa kia vốn được rập khuôn theo mẹ, đã nhanh chóng tìm cách làm cho nó tiu nghỉu và lôi nó theo.

Bối rối một hồi lâu. Và hầu như cả vợ tôi lẫn mấy đứa nhỏ chưa biết là họ phải tiếp xúc với một kẻ mù, họ lại càng không hiểu nổi tại sao tôi đã tỏ ra quá chú ý khi dẫn dắt cho con bé bước đi. Chính tôi cũng tự cảm thấy bối rối bởi những tiếng rên rỉ kỳ dị mà con bé tàn tật bắt đầu thốt ra ngay khi tôi buông tay ra khỏi tay nó mà tôi đã nắm giữ suốt cuộc hành trình. Những tiếng kêu này không có vẻ gì là tiếng người; mà còn có thể bảo như là tiếng rên ư ử của một con chó con. Lần đầu tiên bị rút ra khỏi cái vòng chật hẹp của những cảm giác quen thuộc đã từng cấu thành tất cả cái vũ trụ của mình, đầu gối con bé khụy xuống, nhưng khi tôi đẩy một cái ghế lại cho nó thì con bé buông mình nhào luôn xuống đất, tựa hồ như một kẻ không hề biết ngồi; bấy giờ tôi mới dẫn con bé đến sát gần cái lò sưởi, và con bé chỉ lấy lại được một chút bình tĩnh khi nó có thể ngồi bó gối trong cái tư thế mà trước đó tôi đã thấy nó cạnh cái lò sưởi của bà lão. Ngay lúc còn ở trên xe, con bé cũng đã chuôi mình xuống sàn xe và đã ngồi thu mình dưới chân tôi như thế suốt dọc đường. Vợ tôi tuy thế cũng đã giúp tôi, và những cử chỉ tự nhiên nhất vẫn luôn

luôn là cái tốt nhất; nhưng lý trí của nàng không ngừng tranh chấp và thường lôi nàng đi ngược lại tấm lòng của nàng.

- Ông có ý định làm gì với cái thứ này đây? Nàng tiếp tục hỏi sau khi đã sắp đặt cho con bé yên chỗ.

Tôi rùng mình khi nghe nàng dùng cách nói trống không này và phải khó khăn lắm tôi mới kiềm chế được một cử chỉ phản uất. Tuy nhiên, đầu óc đang còn say mê trong một sự trầm ngâm lâu dài và yên tĩnh, tôi cố nén lại và quay qua cả nhà đang bao quanh trở lại thành một vòng tròn, một bàn tay đặt lên trán con bé mù, tôi nói với tất cả vẻ trịnh trọng mà tôi có thể:

- Ta dẫn về con chiên bị lạc.

Nhưng Amélie thì lại không chấp nhận đây lại có thể là một trường hợp phi lý hoặc siêu lý về lời dạy của Phúc âm. Tôi thấy nàng lại sắp phản đối, và thế là tôi lại ra hiệu cho Jacques và Sarah, vốn đã từng quen với những lần vợ chồng bất hòa của chúng tôi, và hơn nữa bản chất của chúng cũng không mấy tò mò (thường có vẻ dưới mức tôi mong mỏi), dẫn hai đứa bé đi. Rồi, trong khi vợ tôi còn đang chùng hững và như có vẻ tức tối thêm do sự hiện diện của con bé lạ, tôi nói thêm:

- Bà có thể nói chuyện trước mặt nó, con bé đáng thương đó không hiểu gì đâu.

Bấy giờ Amélie bắt đầu phản đối rằng chắc chắn là nàng chẳng có gì để nói với tôi cả, - đó vẫn là câu mào đầu thường lệ cho những lời lẽ giải thích dài giòng hơn, - và nàng chỉ có việc phục tùng theo tất cả những gì rất không thực tiễn lại rất trái ngược với tập tục và lương tri mà tôi có thể sáng tạo ra. Tôi đã viết là tôi hoàn toàn không định sẽ giải quyết như thế nào về con bé này. Tôi cũng chưa nghĩ ra, hoặc hãy còn rất mơ hồ cái khả năng có thể sắp xếp để con bé vào sống trong gia đình mình và gần như phải nói chính Amélie mới là người đầu tiên gợi cho tôi cái ý tưởng đó khi nàng hỏi tôi có nghĩ rằng là chúng tôi đã "có quá đủ trong nhà" rồi chẵng. Rồi nàng tuyên bố là tôi luôn luôn đi trước mà không hề lo ngại về sự phản kháng của những kẻ theo sau, rằng về phần nàng thì năm đứa con là đã quá đủ, rằng từ khi sinh thằng Claude

(đúng lúc đó, và như là nghe gọi đến tên, nó bắt đầu rống lên trong nôi) nàng đã “quá đủ” và cảm thấy đuối.

Ngay từ những lời thốt ra đầu tiên của nàng, vài lời dạy của đấng Ki-tô từ trong tim tôi buột lên miệng nhưng tôi cố kìm lại, bởi vì dầu sao tôi cũng luôn luôn thấy khó coi khi bắt mình cứ phải đi theo sự đoán của sách thánh. Nhưng từ khi nàng nói đến sự khó nhọc của nàng, tôi cảm thấy tiu nghỉu, bởi vì tôi nhận ra mình cũng đã từng hơn một lần để cho cái hậu quả của cái đà nhiệt tình thiếu suy xét của tôi đè nặng lên vợ tôi. Tuy nhiên những lời chỉ trích này lại dạy tôi quay về với bản phận; và tôi năn nỉ Amélie một cách rất nhẹ nhàng rằng biết đâu ở cương vị tôi nàng cũng đã hành động như vậy và nữ nào lại có thể để cho một sinh mệnh đã tỏ ra không còn một sự nương tựa nào khác rơi vào cảnh tuyệt vọng; tôi còn thêm rằng là tôi không có ngu đần nổi không hiểu cái gánh nặng của những cái khó nhọc mới do sự săn sóc cho người khách tật nguyền này gia thêm lo lắng trong gia đình, và sự hối tiếc của tôi là thông thường trong những cái như thế này tôi chỉ có thể đóng vai phụ giúp thôi. Cuối cùng tôi làm mọi cách cho nàng yên lòng, tôi cũng năn nỉ nàng đừng có để rơi rớt một tí oán hận nào lên con bé vô tội mà thực ra nó không đáng phải lãnh nhận. Rồi tôi gọi cho nàng để ý là từ nay Sarah cũng đã đến tuổi có thể giúp đỡ nhiều hơn, Jacques thì cũng không cần nàng săn sóc. Nói tóm lại, Thiên chúa đã đặt vào miệng tôi những lời lẽ cần thiết để giúp nàng chấp nhận những gì mà tôi đoán chắc nàng có thể đã tự nguyện làm lấy nếu sự việc xảy ra để cho nàng có thì giờ suy xét và tôi cũng đã không đưa nàng đến chỗ tự nguyện một cách quá đột ngột.

Tôi tin là đã nắm được chút phần thắng trong cuộc cãi vã và Amélie thân yêu của tôi đã tiến gần lại một cách ân cần hơn về phía Gertrude; nhưng tình hình cơn tức giận của nàng lại bùng lên dữ dội hơn khi nàng cầm cây đèn lại soi con bé để quan sát, nàng đã khám phá tình trạng dơ dáy hết diễn tả nổi của nó. Nàng la lớn lên:

- Đúng là một ổ vi trùng. Hãy phủ sạch người của ông đi; phủ sạch người ông ngay lập tức. Không, không phải tại đây. Hãy đi ra ngoài kia mà phủ. Úi chà! Lạy Chúa! mấy đứa nhỏ đến bị lây mất thôi. Không có gì trên thế gian này làm cho tôi ngán sợ bằng chí rận.

Không thể chối cãi là người con bé đáng thương nhưng nhúc chí rận: và tôi cũng đã không thể ngăn nổi một cử chỉ ghê tởm khi nghĩ lại là tôi đã ép sát con bé rất lâu vào mình lúc còn trong xe.

Hai phút sau tôi trở vào sau khi đã tẩy sạch người tôi hết sức mình, tôi thấy vợ tôi đang ngồi úp mình trong một chiếc ghế bành, hai tay bưng lấy đầu, như sẵn sàng cho một cơn tức giận khác.

- Tôi không nghĩ là đã để cho sự kiên nhẫn của em rơi vào một sự thử thách như thế, tôi nói một cách dịu dàng với nàng. Dù sao đi nữa, đêm nay cũng đã khuya rồi và người ta cũng không thể thấy rõ được. Tôi sẽ thức canh ngọn lửa mà con bé sẽ nằm ngủ cạnh đó. Ngày mai chúng ta sẽ cắt tóc cho con bé và tắm rửa kỹ lưỡng cho nó. Em chỉ bắt đầu sẵn sóc nó khi nào em có thể nhìn thấy nó mà không nhòm tởm. Và tôi yêu cầu nàng là đừng nói tí nào cho bọn trẻ biết về cái việc này.

Đã đến giờ ăn tối. Mẹ Rosalie, vừa phục vụ bữa ăn cho chúng tôi vừa ném cho con bé được tôi bảo trợ đang hau háu nuốt cái đĩa xúp mà tôi chia cho, những cái nhìn hết sức thù địch. Bữa ăn thật im lặng. Tôi cũng muốn kể lại chuyến đi vừa qua, nói chuyện với bọn trẻ, gây xúc động nơi chúng bằng cách làm cho chúng hiểu và cảm được cái điều kỳ lạ của một sự thiếu thốn đủ mọi thứ, kích động lòng thương hại của chúng, sự cảm thông của chúng đối với kẻ mà Thượng đế đã mời gọi chúng tôi hãy đón nhận; nhưng tôi e sợ làm sống lại cơn tức giận của Amélie. Hình như ai cũng nghĩ thầm trong bụng là lúc này nên bỏ qua và quên sự việc này đi trong khi mỗi người trong chúng tôi hãy còn chưa ai chắc chắn có một điều suy nghĩ nào khác.

Một giờ sau khi tất cả đã đi ngủ và Amélie cũng đã để tôi lại một mình trong căn phòng, tôi vô cùng xúc động khi thấy con bé Charlotte của tôi mở hé cánh cửa, tiến đến một cách nhẹ nhàng trong bộ đồ ngủ và chân trần, rồi ôm chầm lấy cổ tôi, vừa siết chặt tôi một cách thật mãnh liệt vừa thì thầm:

- Con đã không ngoan ngoãn chúc an ba tối nay.

Rồi dùng đầu ngón tay trở chỉ ngay vào con bé mù đang ngủ một cách hồn nhiên mà nó tò mò muốn nhìn lại trước khi mình cũng đi ngủ, nó thấp giọng:

- Tại sao con lại không ôm hôn cô bé ấy?

- Con sẽ ôm hôn nó ngày mai. Bây giờ hãy để cho nó yên. Nó đang ngủ. Tôi bảo với con bé như thế trong khi tôi cùng đi với nó ra tận cửa.

Xong, tôi trở lại ngồi xuống bàn và làm việc cho đến sáng, đọc sách hoặc soạn bài giảng cho kỳ thánh lễ tới.

Chắc chắn là, theo tôi nghĩ (tôi vẫn thường nhớ lại), Charlotte bây giờ vẫn tỏ ra trù mến nhiều hơn các anh chị của nó; nhưng đứa nào trong bọn chúng, vào cái tuổi này, đã không trước hết cho tôi thấy sự thay đổi; cả thằng Jacques lớn của tôi bây giờ sao mà xa lạ, dè dặt... Người ta đã tin là chúng dịu dàng, chúng nó là những đứa thích chiều chuộng và thích mơn trớn.

27 tháng 2

Đêm ấy tuyết còn đổ nhiều hơn. Bọn trẻ rất vui mừng bởi vì, chúng nói, chẳng mấy chốc mọi người bắt buộc phải ra ngoài bằng cửa sổ. Thực tế thì sáng hôm đó cửa chính đã bị lấp bít và mọi người chỉ có thể ra ngoài bằng cửa mái phòng giặt đồ. Hôm qua tôi đã chắc chắn là dân làng có đầy đủ lương thực, bởi vì không còn nghi ngờ gì nữa là chúng tôi sắp sửa bị cô lập với thế giới bên ngoài một thời gian. Đây không phải là mùa đông đầu tiên mà tuyết đã phong tỏa chúng tôi, nhưng tôi cũng không nhớ ra có lần nào tuyết rơi dày đến mức này không. Tôi lợi dụng cơ hội này để tiếp tục câu chuyện mà tôi vừa bắt đầu từ hôm qua.

Tôi đã nói là tôi không hề hỏi mình khi đem con bé tật nguyền này về, nó sẽ có thể chiếm một vai trò gì trong nhà này. Tôi hiểu sự phản đối ít nhiều của vợ tôi, sự ăn ở và khả năng tài chánh của chúng tôi rất hạn hẹp. Tôi đã hành động, cũng giống như tôi vẫn thường làm là theo sự đưa đẩy tự nhiên hơn là bằng vào nguyên tắc, cũng chẳng hề tính toán đến sự tổn phí mà niềm hứng khởi của tôi lôi cuốn tôi theo (cái điều luôn luôn tỏ ra cho tôi thấy là nghịch với lời dạy của Phúc âm). Thôi thì cứ trông cậy vào Thiên Chúa hoặc là làm nhẹ bớt bằng cách trút gánh nặng qua cho kẻ khác. Lập tức tôi cảm thấy tôi đã đặt lên cánh tay của Amélie một phận sự quá nặng nề, nặng nề đến nỗi mới đầu tôi rất bối rối.

Tôi đã giúp nàng hết sức mình để cắt tóc cho con bé, cái điều mà tôi thấy là nàng đã làm với một vẻ ghê tởm. Nhưng qua đến cái việc tắm rửa và kỳ cọ cho con bé thì tôi đành phải giao phó cho vợ tôi; và tôi hiểu rằng tôi lại đã thoát được những cái việc sẵn sọc nặng nề và khó chịu nhất.

Về việc ăn ở, Amélie không còn nêu lên chút phản đối nào nữa. Hình như trong đêm nàng đã suy nghĩ lại và dự phần vào cái phận sự mới này, không những thế nàng còn tỏ vẻ hơi hài lòng và tôi thấy nàng mỉm cười sau khi nàng đã ăn mặc xong cho Gertrude. Một cái mũ trùm màu trắng che phủ cái đầu trọc mà tôi đã thoa lên một lớp kem; vài cái quần áo cũ của Sarah và vài thứ đồ dùng bằng vải sạch thay cho mớ quần áo rách rưới bẩn thỉu của nó mà Amélie vừa ném hết vào lò lửa. Cái tên Gertrude thì đã do Charlotte chọn và được tất cả chúng tôi chấp nhận ngay tức thì, vì không biết cái tên thật mà chính con bé mồ côi cũng không biết và tôi thì cũng không biết tìm đâu cho ra. Nó có lẽ hơi nhỏ tuổi hơn Sarah, vì những quần áo cũ mà Sarah phải thải ra cả năm nay rồi vẫn còn vừa vặn cho nó.

Tới phải thú thật ra đây nỗi thất vọng sâu thẳm mà tôi cảm thấy vào những ngày đầu tiên. Chắc chắn là tôi sẽ viết nguyên một quyển tiểu thuyết về câu chuyện dạy dỗ Gertrude mà thực tế đã quá bắt buộc nên tôi không còn lùi lại được. Cái vẻ thờ

ơ, u tối nơi khuôn mặt của con bé hay đúng hơn, cái sự chờ đợi tận cùng của nó đã làm tê tái tận cùng cái thiện chí của tôi. Suốt ngày con bé chỉ ở lì gần bên ngọn lửa, luôn đề phòng, và vừa khi nghe có tiếng chúng tôi, nhất là khi có ai tiến đến gần, nét mặt nó càng như chai dần ra; nó chỉ ngừng chờ đợi để biểu lộ vẻ thù địch; và chỉ một chút cố gắng khơi gợi sự chú ý của nó là nó bắt đầu rên rỉ, càu nhàu như một con vật. Sự hờn dỗi này chỉ lùi bớt khi gần đến bữa ăn mà chính tôi phải phục vụ cho nó, và con bé đã lăn xả vào thức ăn với tất cả cái háu ăn của loài vật, trông rất đau lòng khi nhìn thấy. Và cũng giống như tình yêu đáp lại tình yêu, tôi cảm thấy một thú tình cảm ghét cay ghét đắng tràn ngập trong lòng trước sự khăng khăng một mực khước từ của cái tâm hồn này. Vâng, quả thật thế, tôi thú nhận là mười ngày đầu tôi đã gần đi đến chỗ tuyệt vọng, và gần như muốn dứt nợ với con bé khi tôi lấy làm hối hận về cái niềm phấn khởi đầu tiên của tôi và tôi cũng đã ước phải chi đừng bao giờ mang con bé về nhà. Và còn xảy ra cái điều nhức nhối này nữa, đó là thắng thế phần nào trước những tình cảm mà tôi không tài nào che dấu nổi, Amélie lại hình như ra công săn sóc và thật lòng hơn từ khi nàng cảm thấy Gertrude trở nên cái gánh nặng cho tôi và sự hiện diện của nó giữa chúng tôi đã hành hạ tôi.

Đang lúc đó thì một người bạn của tôi, bác sĩ Martins. ở Val Travers ghé thăm, trong một chuyến đi chăm sóc các thân chủ bệnh nhân của ông ta. Ông ta chú ý rất nhiều đến những gì tôi nói cho ông ta nghe về tình trạng của Gertrude. Thoạt tiên ông ta rất ngạc nhiên về sự kiện con bé vẫn nằm trong tình trạng trì trệ của sự phát triển không chỉ hoàn toàn do mù lòa; nhưng tôi đã giải thích cho ông ta là ngoài sự mù lòa còn cộng thêm cái tật điếc của bà lão từ trước đó là kẻ duy nhất chăm nuôi con bé, và vì không nói năng với con bé bao giờ đến nỗi con bé đáng thương đã phải sống trong một tình trạng bị bỏ rơi mọi mặt. Thế là ông ta bảo cho tôi thấy là tôi đã sai trái khi tuyệt vọng; mà chỉ vì tôi không biết nắm vững phương pháp.

- Bạn đã muốn bắt đầu công tác xây dựng, ông ta nói với tôi, trước khi có sự hiểu biết chắc chắn về mảnh đất. Hãy nghĩ rằng tất cả hãy còn hỗn độn trong cái tâm hồn này và ngay cả những nét phác đầu tiên cũng hãy còn chưa ổn định. Để bắt đầu, chuyện phải làm là liên kết thành từng bó một số cảm giác về xúc giác và vị giác và gắn vào đó như là một cái nhãn cho mỗi một âm thanh mỗi một tiếng nói mà cậu sẽ nói đi nói lại cho con bé nghe đến độ phát nhàm ra, rồi cố gắng làm sao cho con bé nói lại.

Điều trên hết là đừng tìm cách đi quá nhanh; hãy dành việc dạy dỗ cho con bé vào những giờ đều đặn nhất định và cũng đừng kéo dài quá lâu...

"Còn lại, phương pháp này, ông ta nói thêm sau khi đã trình bày tỉ mỉ cho tôi, chẳng có gì là thần sầu cả. Tôi không phát minh ra và nhiều người khác cũng đã áp dụng rồi. Bạn còn nhớ không? Thời gian mà chúng ta còn theo học chung môn triết học, các giáo sư của chúng ta, trong câu chuyện Condillac và pho tượng linh hoạt của nàng, cũng đã nói cho chúng ta một trường hợp tương tự con bé này... Nếu không thì, ông bạn tiếp tục nói, tôi cũng đã đọc chuyện này trong một tạp chí tâm lý học sau đó... Điều đó không quan trọng; câu chuyện kia đã đập vào trí tôi và tôi nhớ cả cái tên của đứa bé đáng thương đó, còn thiệt thòi hơn cả Gertrude, bởi vì con bé mù và câm điếc. mà một vị bác sĩ tôi không còn biết là một bá tước nào đó của xứ Anh đã nhận về nuôi vào khoảng giữa thế kỷ trước. Con bé có tên là Laura Bridgeman. Vị bác sĩ này đã ghi nhật ký, cũng như bạn cũng sẽ phải làm, những tiến bộ của con bé, hoặc ít ra, để bắt đầu, những cố gắng của ông ta đối với con bé để dạy cho nó học. Trong nhiều ngày và nhiều tuần lễ, ông ta kiên trì bắt con bé luân phiên sờ mó và nắn nót hai vật nhỏ, một cái đinh ghim, rồi một cây bút, xong sờ vào một tờ giấy có in chữ nổi dành cho người mù hai chữ tiếng Anh : *pin* và *pen*. Và qua nhiều tuần lễ, ông ta không đạt được kết quả nào. Cái xác như không có hồn. Tuy nhiên ông ta vẫn không mất lòng tin. Tôi tự cho mình cái ấn tượng của một kẻ, ông ta kể, cúi mình trên thành một cái giếng sâu và

tối đen, quơ qua lại một cách tuyệt vọng một sợi dây thừng trong niềm hy vọng cuối cùng sẽ có một bàn tay nắm lấy. Bởi vì không có một giây phút nào tôi nghi ngờ là không có một kẻ nào đang ở dưới đó, tận cùng của vực thẳm, và sợi dây này cuối cùng lại không có kẻ nắm lấy. Và cuối cùng, một hôm, ông ta thấy cái khuôn mặt thản nhiên của Laura loé lên một nụ cười mơ hồ; tôi tin chắc là vào lúc đó những giọt nước mắt biết ơn và thương yêu trào lên mắt ông ta và ông ta quỳ xuống để tạ ơn Chúa. Laura đột nhiên hiểu ra cái điều vị bác sĩ muốn đòi hỏi nó; thế là được cứu thoát! Từ hôm đó trở đi con bé bắt đầu chú ý; sự tiến bộ của con bé rất nhanh chóng; chẳng mấy chốc con bé tự học lấy, và sau đó đã trở thành nữ giám đốc của một viện người mù – ít ra đó không phải chỉ một kẻ khác đã làm... bởi vì những trường hợp khác được nói đến gần đây thôi, mà báo chí đã tường thuật dài dòng, mạnh ai nấy làm một cách đáng ngạc nhiên, có lẽ hơi xuẩn động theo ý tôi, để cho những kẻ không may mắn như vậy cũng có thể thấy hạnh phúc. Bởi vì, một sự kiện không thể chối cãi: mỗi một người trong số những kẻ kém may mắn đã từng bị giam hãm trong sự mù lòa kia đều sung sướng, và khi người ta cho phép họ được phát biểu, họ đều kể lại niềm *hạnh phúc* của mình. Tất nhiên là mấy ông nhà báo cứ mê mẩn lên để từ đó rút ra một bài học giáo điều cho những kẻ “vui hưởng” ngũ quan, lại có cái trán để than phiền...”

Đến đây thì lại bắt qua một cuộc tranh luận khác giữa Martins và tôi khi tôi nói móc lại sự bi quan của ông ta và không nhìn nhận như ông ta có vẻ đã nhìn nhận là một cuộc ngũ quan chỉ mang lại cho ta sự thất vọng.

– Đấy cũng không phải là cái điều tôi muốn nói, ông ta cãi lại, tôi chỉ muốn nói một cách đơn giản là tâm hồn của con người dễ dàng và sẵn lòng tưởng tượng về cái đẹp, sự thoải mái và sự hài hòa hơn là cái vô trật tự và tội lỗi thường làm cho lu mờ, giảm giá và xé rách cái thế giới này mà ngũ quan của chúng ta đã dạy cho chúng ta và chính chúng ta cũng góp phần vào. Đến nỗi rằng, tôi sẽ sẵn lòng theo câu châm ngôn *Fortunatos nimium* (\*) của Virgile, câu *si sua mala nescient*(\*),

hơn là câu *si sua bona norint*(\*) mà người ta dạy chúng ta: Con người sẽ hạnh phúc biết bao, nếu như họ có thể không biết đến cái xấu!

Rồi ông bạn nói cho tôi nghe về một câu truyện ngắn của Dickens, mà ông ta tin là đã lấy cảm hứng trực tiếp từ tấm gương của Laura Bridgeman và ông bạn hứa là sẽ gửi ngay cho tôi. Và thực vậy bốn ngày sau đó tôi đã nhận được quyển *Le Grillon du Foyer*, mà tôi đọc với tất cả niềm thích thú mãnh liệt. Đó là một câu chuyện hơi dài, có lúc cảm động, về một người mù còn trẻ mà cha anh ta, một kẻ chế tạo đồ chơi nghèo, đã nuôi dưỡng anh ta trong cái ảo tưởng của sự tiện nghi sung túc và hạnh phúc; sự nói dối mà tài nghệ của Dickens đã nâng lên hàng đức hạnh để thành kính, nhưng mà thôi! tạ ơn Chúa! tôi sẽ không phải dùng đến cách đó đối với Gertrude.

Từ hôm sau ngày Martins đến thăm, tôi bắt đầu đem cái phương pháp của ông ta ra thực hành và đặt hết sức mình vào việc này. Bây giờ tôi mới thấy hối là đã không ghi lại, như lời ông bạn đã khuyên tôi, những bước đầu tiên của Gertrude trên con đường mịt mờ mà chính tôi đầu tiên cũng chỉ hướng dẫn con bé một cách mò mẫm. Vào những tuần lễ đầu tiên, phải kiên nhẫn đến mức không tưởng tượng nổi, không phải chỉ riêng vấn đề thì giờ mà công việc dạy dỗ đòi hỏi, mà còn có cả những sự trách móc mà con bé đã làm cho tôi phải gánh lấy. Thật đau lòng cho tôi khi phải nói rằng những lời trách móc này đến từ Amélie; vả lại, nếu tôi nói ra đây chính là vì tôi không nuôi giữ một ác cảm nào, một sự chua chát nào – tôi xin xác nhận điều này một cách trịnh trọng để trường hợp về lâu về dài những trang giấy này sẽ được chính nàng ghé mắt đọc. (Chẳng phải sự tha thứ cho những điều xúc phạm cũng đã được đáng Ki-tô chỉ dạy cho thấy ngay lập tức sau bài dụ ngôn về con chiên lạc?) Tôi nói thêm: ngay cả lúc mà tôi chịu đựng nhiều nhất những sự trách móc của nàng, tôi cũng đã không thể oán trách nàng về chuyện nàng phản đối cái thời gian dài mà tôi dành cho Gertrude. Điều tôi trách nàng hơn cả

là đã không có sự tin tưởng rằng sự chăm nom của tôi có thể mang lại chút kết quả nào đó. Vâng, chính sự thiếu đức tin này mới làm cho tôi đau lòng; nhưng không làm tôi nản lòng chút nào. Thường biết bao lần tôi đã phải nghe nàng lặp đi lặp lại: “phải chăng ông lại cứ phải mang lại kết quả...” Và nàng ngoan cố cho rằng công lao của tôi chỉ phí phạm một cách vô ích, đến nỗi nàng thấy một cách tự nhiên rằng cái việc tôi dành cho việc này số thì giờ mà nàng luôn luôn cho là có ích hơn nếu như làm việc khác. Và cứ mỗi lần tôi chăm sóc cho Gertrude thì nàng lại tìm cách chỉ cho tôi thấy là tôi không biết có những ai hay những việc gì cũng đang cần đến tôi, và tôi đã xén bớt để lo cho con bé này cái thời gian lẽ ra tôi phải dành cho những kẻ khác. Cuối cùng, tôi tin là một thứ ganh tị của tình mẫu tử đã hướng dẫn nàng, bởi vì đã hơn một lần tôi nghe nàng nói với tôi: “Ông chưa bao giờ chăm nom một đứa con ruột nào của mình như thế cả.” Điều ấy đúng; bởi vì nếu tôi yêu mấy đứa con nhiều, tôi không bao giờ tin là tôi đã chăm sóc chúng đầy đủ.

Tôi thường nghiệm thấy dụ ngôn con chiên lạc là cái khó chấp nhận nhất đối với một số tâm hồn vẫn tự tin là sùng đức tin Ki-tô giáo. Cái điều cho rằng mỗi con chiên của đàn đem tách riêng ra lại đến lượt nó có thể quý hơn tất cả đàn chiên như một khối dưới mắt kẻ chăn chiên, lại chính là cái điều họ đã không thể nâng cao tâm hồn mình lên để mà lĩnh hội. Và những câu như: “Nếu một kẻ có một trăm con chiên và một con trong số đó bị lạc, không phải người ấy đã để chín mươi chín con kia lại trên núi để đi tìm con chiên bị lạc hay sao?” – những lời lẽ hoàn toàn tỏa sáng tinh thần bác ái đó, nếu như họ dám nói ra một cách thẳng thắn, họ sẽ tuyên bố đó là những lời lẽ của sự bất công đáng phẫn nộ nhất.

Những cái mỉm cười đầu tiên của Gertrude an ủi tôi tất cả và đền đáp công lao chăm sóc của tôi gấp trăm lần. Bởi vì “con chiên này nếu kẻ chăn chiên tìm thấy, ta nói thật với người điều ấy, là nó sẽ gây cho ông ta niềm vui mừng hơn cả chín mươi chín con không bao giờ bị lạc kia”. Vâng, tôi nói một cách rất thật, chưa bao giờ một nụ cười của đứa nào trong

đám con của tôi đã làm tràn ngập lòng tôi một niềm vui thần tiên như con bé đã làm khi tôi thấy trên khuôn mặt vô cảm như một pho tượng của nó vào một sáng nào đó ló rạng ra và thình lình con bé hình như bắt đầu hiểu và chú tâm đến những gì mà tôi đã cố gắng dạy nó từ bao nhiêu ngày nay.

Ngày 5 tháng 3. Tôi ghi lại cái ngày này như một ngày sinh nhật. Phải nói không phải chỉ là một nụ cười mà là cả một sự thay hình đổi dạng. Thình lình nét mặt của con bé trở nên sinh động, tựa như một sự chiếu rọi ánh sáng giống như cái ánh sáng đỏ tía trên các vùng cao của rặng núi Alpes xảy ra trước cơn hùng đông, làm lung linh những đỉnh núi tuyết phủ mà nó tô điểm ra khỏi bóng đêm, người ta bảo một sự tô điểm màu sắc thần bí; và tôi cũng tưởng tượng ngang như cảnh hồ tắm của Bethesda vào lúc thiên thần hiện xuống và đến đánh thức làn nước đang ngủ yên. Tôi cảm thấy một nỗi hân hoan trước sự biểu lộ thiên thần mà Gertrude đã đột ngột có được, bởi vì tôi thấy hình như cái điều xảy đến cho con bé vào lúc này không phải là sự hiểu biết mà là tình yêu. Thế là cái niềm phấn khởi của sự biết ơn đã làm cho tôi cảm thấy nhẹ nhàng, và hình như tôi đã dâng lên Thiên Chúa cái hôn mà tôi đặt lên cái trán xinh đẹp đó.

Những kết quả ban đầu càng khó đạt bao nhiêu thì những tiến bộ ngay sau đó càng nhanh chóng bấy nhiêu. Hôm nay tôi phải cố gắng để nhớ lại tôi và con bé đã tiến hành bằng những con đường nào; hình như đôi lúc đối với tôi Gertrude đã có những bước tiến nhảy vọt gần như để chế nhạo lại mọi phương pháp. Tôi nhớ khi mới đầu tôi hay nhấn mạnh trên phẩm tính của sự vật hơn là sự khác biệt của chúng: nóng, lạnh, ẩm, êm dịu, chua chát, thô nhám, mềm mại, nhẹ nhàng... rồi những chuyển động: tách ra, gần lại, nâng lên, chéo lại, nằm, cột lại, rải ra, gom lại v.v... Và chẳng mấy chốc, vượt bỏ phương pháp, tôi bắt đầu nói chuyện với con bé mà không cần biết là trí óc nó có luôn luôn theo kịp tôi không; nhưng dần dần tôi mời mọc khơi gợi cho con bé cứ tha hồ mà hỏi tôi. Chắc chắn là có một sự làm việc trong trí óc con bé

trong thời gian tôi để nó một mình; bởi vì mỗi lần tôi gặp lại nó, thì lại là một sự ngạc nhiên mới và tôi cảm thấy như cái màn đêm của sự ngăn cách tôi với con bé như bớt dày đi. Và cũng như thế, tôi tự nhủ, cái ấm áp của không khí và sự kiên trì của mùa xuân đang từ từ chiến thắng mùa đông. Biết bao lần tôi đã từng ngắm cảnh tuyết tan; người ta bảo cái áo choàng tuyết mòn dần từ bên dưới, nhưng cái bề ngoài vẫn giữ nguyên. Mỗi mùa đông Amélie đều chú ý cái điều này và bảo tôi: tuyết vẫn không thay đổi; người ta tưởng tuyết vẫn còn dày, nhưng rồi thành linh tuyết nhường bước, và nơi này nơi kia, để lộ ra cuộc sống.

E ngại nếu Gertrude cứ bám gần ngọn lửa mãi sẽ làm cho con bé bị khô héo như một bà lão, tôi bắt đầu đưa nó đi ra ngoài. Nhưng con bé chỉ thuận đi dạo khi được tôi nắm tay dẫn đi. Sự ngạc nhiên và sự sợ hãi trước tiên của con bé khi nó vừa bước ra khỏi nhà làm cho tôi hiểu điều đó ngay cả trước khi con bé biết nói cho tôi nghe là nó chưa bao giờ phiêu lưu ra bên ngoài. Nơi cái nhà tranh mà tôi đã tìm ra nó, không ai quan tâm đến nó về cái gì khác hơn ngoài việc cho nó ăn và giúp nó khỏi phải chết, bởi vì tôi không dám nói đến: để sống. Cái thế giới tăm tối của con bé cũng bị giới hạn bởi những bức tường của căn phòng duy nhất mà nó không bao giờ rời, cho dù chỉ là một chút dò dẫm ra tới bực cửa, vào những ngày mùa hè, khi cánh cửa để mở toang ra với cái thế giới rộng rãi sáng sủa. Con bé kể cho tôi nghe sau này rằng khi nghe tiếng chim hót, nó đã hình dung ra lúc ấy một tác dụng trong trẻo của ánh sáng, cũng như cái nóng ấm mà nó cảm thấy đang mơn trớn trên má và trên bàn tay của nó, nhưng vì không suy nghĩ chính xác, những cái đó hiện ra cho nó một cách rất tự nhiên như là không khí nóng ấm đã chuyển thành hót cũng như nước trở thành sôi khi gần lửa. Sự thực là con bé đã không hề lo lắng, không hề chú ý đến cái gì cả và đã sống trong sự đờ đẫn sâu thẳm, cho đến ngày tôi bắt đầu săn sóc đến nó. Tôi nhớ lại nỗi hân hoan vô tận của nó khi tôi dạy cho nó biết là những âm thanh nho nhỏ đó phát ra từ

những sinh vật sống động mà hình như cái nhiệm vụ duy nhất của chúng là cảm nhận và bày tỏ niềm vui vô hạn của thiên nhiên. (Chính từ ngày đó mà con bé có thói quen nói: Tôi vui vẻ như một con chim.) Tuy nhiên cái ý tưởng những tiếng hót nói lên sự huy hoàng của cái cảnh vật mà con bé không thể nào chiêm ngưỡng đã bắt đầu làm cho nó buồn.

- Có thực là, con bé nói, trái đất cũng xinh đẹp như lời chim hót kể? Tại sao người ta lại không nói đến điều ấy nhiều hơn? Tại sao thầy không nói cho con nghe hả thầy? Phải chăng vì sợ làm con đau lòng khi nghĩ là con không thể nhìn thấy? Thầy đã sai lầm. Con nghe rất rõ tiếng chim: con tin là con hiểu hết tất cả những gì chúng nói lên.

- Những kẻ có thể nhìn thấy không nghe được tường tận như con, Gertrude của ta, tôi nói với con bé với hy vọng an ủi con bé.

- Tại sao những con vật khác lại không hót? Con bé lại hỏi tiếp. Đôi khi những câu hỏi này làm tôi ngạc nhiên và trở nên bối rối trong chốc lát, bởi vì con bé buộc tôi phải suy gẫm về những điều mà từ trước cho tới nay tôi đã chấp nhận mà không hề ngạc nhiên thắc thắc. Cũng như thế mà lần đầu tiên tôi cân nhắc suy nghĩ là những động vật càng gần mình gần với mặt đất bao nhiêu và càng nặng nề thì càng buồn nản bấy nhiêu. Đó là cái điều tôi cố làm cho con bé hiểu; và tôi nói với nó về con sóc và những thú vui của nó.

Lúc đó con bé mới hỏi tôi phải chăng loài chim là loài động vật duy nhất biết bay.

- Còn có những con bướm nữa, tôi nói với con bé.

- Thế chúng có hót không?

- Chúng có một cách thức riêng để nói lên niềm vui của chúng, tôi trả lời. Nó được ghi khắc bằng màu sắc lên trên cánh của chúng... Và tôi miêu tả những nét sắc sảo của bướm cho con bé.

28 tháng 2

Tôi trở lười lại một chút, bởi vì ngày hôm qua tôi đã để mình bị lôi cuốn theo câu chuyện.

Để dạy Gertrude học tôi cũng phải tự mình học loại chữ nổi dành cho người mù, nhưng chẳng mấy chốc con bé đã trở thành giỏi hơn tôi trong việc đọc cái loại chữ viết mà tôi khá vất vả mới nhận ra, và hơn thế nữa tôi lại sẵn lòng đọc bằng mắt nhìn hơn là bằng tay sờ. Ngoài ra thì không có gì khác để cho tôi phải học. Và trước hết tôi thật sung sướng được có người giúp đỡ, bởi vì tôi còn nhiều việc phải làm cho cộng đồng giáo dân, mà nhà ở thì quá tản mát đến nỗi những cuộc thăm viếng người nghèo hay người bệnh bắt buộc tôi phải thực hiện nhiều chuyến đi đôi khi khá xa. Jacques đã sơ ý làm cho mình bị gãy tay trong khi trượt pa-tanh trong kỳ nghỉ lễ Giáng sinh nên đã về sống gần chúng tôi tại nhà – bởi vì trong thời gian này nó đã trở lại Lausanne nơi mà nó đã bắt đầu đi học để theo học phân khoa Thần học. Vết thương của Jacques không đến nỗi trầm trọng và bác sĩ Martins mà tôi đã cho mời đến ngay lúc đó đã dễ dàng làm cho vết thương thuyên giảm mà không cần phải nhờ đến bác sĩ giải phẫu, nhưng những sự phòng ngừa phải tuân theo bắt buộc Jacques phải lưu lại nhà một thời gian. Nó đột nhiên bắt đầu quan tâm đến Gertrude mà từ trước tới giờ nó không hề nhìn đến và tự mình đảm nhận giúp tôi dạy cho con bé tập đọc. Sự hợp tác của nó chỉ kéo dài trong thời gian nó dưỡng bệnh, khoảng ba tuần lễ, nhưng trong thời gian ấy Gertrude đạt được những kết quả trông thấy. Một nhiệt tình kỳ diệu thúc đẩy con bé lúc này. Cái đầu óc mới hôm qua hãy còn đờ đẫn, thì hình như hôm nay từ những bước đầu tiên và gần như trước cả khi biết đi, đã phóng chạy. Tôi thán phục con bé đã không mấy khó nhọc để tìm cách hình thành tự tưởng, và mới nhanh chóng làm sao để đạt đến chỗ diễn tả bằng một cách thức không còn ấu trĩ, mà đã chính xác giúp cho nó hình dung được ý tưởng một cách chúng tôi không ngờ nhất nhưng cũng hài lòng nhất, những sự vật mà người ta vừa dạy cho nó nhận biết hoặc những gì chúng tôi nói chuyện với nó và mô tả cho nó, trong khi chúng tôi chỉ có thể đặt để sao cho vừa tầm con bé, bởi vì chúng tôi luôn luôn dùng đến những gì mà con bé có thể sờ mó hay

cảm giác để cắt nghĩa những gì mà nó không đạt đến được, như những kẻ đo đạc bằng viễn trắc lượng.

Nhưng tôi tin là vô ích khi ghi lại ra đây tất cả những nấc tiến đầu tiên của sự dạy dỗ này mà chắc chắn ai cũng có thể tìm thấy trong những sách giáo dục cho người mù. Chính vì thế mà tôi nghĩ vấn đề màu sắc đối với mỗi người trong đám người mù đều gây cùng một sự bối rối cho mỗi ông thầy. (Về vấn đề tài này tôi như được nhắc nhở cho chú ý là trong Kinh thánh không có phần nào nói về vấn đề màu sắc.) Tôi không biết những người khác dạy về vấn đề này như thế nào, còn về phần tôi, tôi bắt đầu gọi tên các màu sắc của lăng kính theo thứ tự mà cái cầu vồng cho chúng ta thấy, nhưng liền đó nó lại tạo ra một sự lẫn lộn giữa màu sắc và ánh sáng trong trí con bé, và tôi nhận ra rằng trí tưởng tượng của con bé không tài nào phân biệt nổi giữa đặc tính của sắc thái và cái mà các họa sĩ gọi là, tôi tin, cái “sắc độ”. Con bé càng gặp khó khăn hơn để có thể hiểu được là mỗi màu sắc lại còn có thể đậm hay nhạt và lại còn có thể trộn lẫn vào nhau. Không có gì làm cho con bé bối rối hơn và con bé trở lại vấn đề này không ngừng.

Tuy nhiên tôi đã có dịp đưa con bé đi Neuchâtel để có thể cho con bé nghe một cuộc hòa nhạc. Vai trò của mỗi nhạc khí trong bản giao hưởng cho phép tôi trở lại vấn đề màu sắc này. Tôi gọi cho Gertrude nhận xét cái âm vang khác nhau của những nhạc khí đồng, những nhạc khí dây và nhạc khí gỗ, và mỗi một thứ nhạc khí đó trong cách thể riêng lại có khả năng phát ra với cường độ mạnh hay yếu, toàn nấc thang của các âm thanh, từ trầm nhất đến bổng nhất. Tôi gọi cho con bé tưởng tượng cũng bằng cách như thế trong thiên nhiên, những màu đỏ và màu cam tương đồng với những âm vang của tù và và kèn trôm-bôn, màu vàng và màu xanh lục như âm thanh của vĩ cầm, đại hồ cầm và những âm thanh trầm, màu tím và màu xanh dương ở đây gọi lên bằng tiếng sáo, tiếng kèn cla-ri-nét, tiếng kèn ô-boa. Một sự hân hoan nội tâm từ đó thay thế cho những hoài nghi của con bé:

- Thế thì phải là đẹp lắm! Con bé lặp lại. Rồi thình lình:

- Nhưng mà màu trắng thì sao? Con chưa hiểu màu trắng giống như thế nào...

Và tôi chợt nhận ra ngay sự so sánh của tôi rất là bấp bênh. Tuy nhiên tôi thử nói với con bé:

- Màu trắng là giới hạn sắc sảo nhất mà tất cả các âm điệu lẫn lộn vào nhau, cũng như màu đen là giới hạn bóng tối. - Nhưng điều này không làm cho tôi lẫn con bé hài lòng, và nó làm cho tôi nhận thức ngay là những nhạc khí gõ, đồng và vĩ cầm vẫn khác biệt rành rẽ cái này với cái khác trong âm thanh trầm nhất cũng như âm thanh bổng nhất. Biết bao lần, như bây giờ, tôi phải giữ yên lặng trước tiên, bối rối và tìm kiếm bằng bất cứ sự so sánh nào tôi có thể trông cậy vào. Cuối cùng tôi nói với con bé:

- Này! hãy tưởng tượng như màu trắng là một cái gì đó rất trinh nguyên, một cái gì đó không còn màu sắc nào cả mà chỉ là ánh sáng, còn màu đen trái lại, giống như là quá nhiều màu sắc đến nỗi chỉ còn là tối...

Tôi chỉ nhắc lại đây những mẫu đối thoại như là một thí dụ về những cái khó khăn mà tôi thường xuyên va chạm phải. Gertrude có một cái hay là không bao giờ làm bộ như đã hiểu như nhiều kẻ thường làm, điều ấy khiến cho họ dễ mang lại cho tâm trí của mình những dữ kiện không chính xác hay sai lầm, từ đó những suy luận của họ về sau thành ra sai lạc. Trong bao lâu con bé chưa có được một ý tưởng rõ rệt, mỗi khái niệm vẫn cứ là một nguyên nhân của sự lo lắng và bực bội đối với nó.

Như tôi đã nói trên đây, sự khó khăn gia tăng đến nỗi khái niệm về ánh sáng và khái niệm về nhiệt đầu tiên đã gắn bó với nhau chặt chẽ trong trí con bé cho nên về sau tôi rất chật vật để tách rời hẳn chúng ra.

Cũng qua con bé mà tôi không ngừng rút được kinh nghiệm rằng cái thế giới của nhìn thấy khác với cái thế giới của âm thanh và về mặt nào đó tất cả những sự so sánh mà người ta tìm kiếm từ mặt này để giải thích cho mặt kia đều có tính cách khập khểnh.

Ngày 29

Quá chăm chú vào cái việc so sánh, tôi hãy còn chưa nói đến sự hài lòng vô cùng mà Gertrude đã có tại cuộc hòa nhạc ở Neuchâtel. Người ta trình diễn đúng ngay bản *La Symphonie pastorale*. Tôi nói “*đúng ngay*” bởi vì, người ta có thể hiểu một cách dễ dàng rằng không có một tác phẩm nào khác hay hơn mà tôi muốn để cho con bé nghe. Khá lâu sau khi chúng tôi đã rời phòng hòa nhạc, Gertrude vẫn còn giữ im lặng và như còn đắm chìm trong một sự ngây ngất. Cuối cùng con bé nói:

- Có thật là những gì thầy nhìn thấy cũng đẹp như thế?
- Cũng đẹp như gì hả con?, cưng của ta.
- Như cái “*cảnh bên bờ suối*” ấy.

Tôi không trả lời con bé ngay, bởi vì tôi ngẫm nghĩ rằng cái sự hài hòa chải chuốt khó tả thành lời này, không phải là cái thế giới đang có mà là cái thế giới lẽ ra có thể có, cái thế giới có thể có nếu như không có cái xấu và cái tội lỗi. Và tôi cũng đã chưa bao giờ dám nói với Gertrude về cái xấu, về tội lỗi, về cái chết.

- Những kẻ có đôi mắt, cuối cùng tôi nói, không biết được hạnh phúc của họ.

- Nhưng con không có mắt nhìn thấy, con bé lập tức nói lớn lên, con biết được hạnh phúc bằng nghe thấy.

Con bé nép vào tôi trong khi đi và nó tì vào cánh tay tôi như mấy đứa bé làm.

- Mục sư, thầy có cảm thấy con hạnh phúc đến mức nào không? Không, không, con không nói điều ấy để làm vui lòng thầy đâu. Hãy nhìn con: có phải điều ấy có thể nhìn thấy trên khuôn mặt, khi mà cái điều người ta nói là không thật? Phần con, con nhận biết rất rõ điều ấy bằng giọng nói. Thầy có nhớ cái ngày mà thầy trả lời con là thầy không khóc, sau khi dì con (con bé gọi vợ tôi như thế) trách móc thầy là đã không biết làm một tí gì cho dì ấy, con đã la lên: mục sư, thầy nói dối! Ôi! Con đã cảm thấy điều ấy ngay trong giọng nói của thầy rằng thầy đã không nói thật với con, con cũng không cần sờ má thầy để biết là thầy đã khóc. Và con bé lập lại rất lớn tiếng: “Không, con đã không cần phải sờ vào má thầy” điều ấy làm

cho tôi đỏ mặt, bởi vì chúng tôi hãy dang còn ở trong thị trấn và những người qua lại quay nhìn. Tuy nhiên con bé tiếp:

- Đừng tìm cách đánh lừa con, thầy có thấy không. Trước hết bởi vì đó là một việc rất hèn nhát khi tìm cách đánh lừa một kẻ mù... Và lại điều ấy chẳng mang lại được gì cả, con bé vừa cười vừa nói thêm. Hãy nói cho con, mục sư, thầy không đau khổ chứ, có phải vậy không?

Tôi nâng tay con bé lên môi tôi như thể để làm cho nó cảm nhận mà không cần thú nhận với nó rằng một phần cái hạnh phúc của tôi là do nó mang đến, và trả lời:

- Không. Gertrude, không, ta không khổ sở. Làm sao ta lại khổ sở được?

- Tuy thế đôi khi thầy có khóc?

- Ta có khóc đôi khi.

- Không lần nào kể từ lần con nói với thầy?

- Không, từ lần ấy ta không còn khóc nữa.

- Và thầy sẽ không còn ý muốn khóc chứ?

- Không, Gertrude ạ.

- Và nói đi... có phải từ lúc ấy thầy có ý muốn nói dối?

- Không, con cưng.

- Thầy có thể hứa với con là sẽ không bao giờ tìm cách đánh lừa con?

- Ta hứa với con.

- Được rồi! Hãy nói cho con nghe ngay lập tức: Có phải con đẹp không?

Câu hỏi bất chợt này làm tôi sửng sốt, hơn nữa cho tới lúc này tôi vẫn chưa muốn để cho mình chú ý đến sắc đẹp không thể chối cãi của Gertrude, và tôi cho là hoàn toàn vô ích, thêm vào đó, con bé cũng tự biết.

- Điều ấy có gì quan trọng đối với con để cho con muốn biết? Tôi nói ngay với con bé.

- Đó là nỗi lo lắng của con, con bé nói tiếp. Con muốn biết phải chăng con không... thầy gọi cái đó như thế nào?... phải chăng con không lạc điệu lắm trong bản hòa tấu. Con có thể hỏi ai khác điều này hả mục sư?

- Một mục sư không bao giờ lo lắng đến sắc đẹp của khuôn mặt, tôi nói, tự biện hộ bằng mọi cách.

- Tại sao?

- Tại vì vẻ đẹp của tâm hồn đủ cho vị ấy rồi.

- Thấy thích để cho con tin là con xấu hơn, bấy giờ con bé nói với một cái bữu môi duyên dáng đến nỗi tôi không còn kiểm chế được và la lên:

- Gertrude, con thừa biết là con xinh đẹp.

Con bé nín thinh và khuôn mặt nó biểu lộ một nét rất nghiêm trang mà mãi đến khi về tới nhà mới thôi.

Vừa về đến nhà, Amélie đã tìm cách làm cho tôi hiểu là nàng không chấp nhận việc dùng ngày giờ của tôi. Lẽ ra nàng có thể nói trước, nhưng nàng đã để cho chúng tôi đi, Gertrude và tôi, không nói một tiếng, theo thói quen của nàng là cứ để cho làm và sau đó là dành cho mình cái quyền trách móc. Và lại nàng không trách móc tôi điều gì chính xác, nhưng thái độ im lặng của nàng cũng đã là lời cáo buộc, bởi vì không lẽ nào nàng lại không tự nhiên tìm biết về cái gì chúng tôi đã nghe, từ khi nàng biết là tôi đưa Gertrude đi nghe hòa nhạc? vẻ vui sướng của con bé lại không làm tăng thêm tí nào chú tâm mà nàng đã cảm thấy là người ta nói về sự hài lòng của nó sao? Và lại Amélie cũng không giữ yên lặng mà làm bộ giả lả chỉ nói về những điều rất băng quơ, chỉ đến chiều tối, sau khi bọn nhỏ đã đi ngủ, tôi kéo nàng ra riêng và hỏi nàng một cách nghiêm khắc:

“Em bực mình về cái chuyện tôi đã đưa Gertrude đi nghe hòa nhạc?” tôi được nàng trả lời:

- Ông làm cho con bé những cái mà không bao giờ ông làm cho vợ con của ông.

Cũng cái kiểu luôn luôn cùng một lời phàn nàn và một kiểu từ chối không chịu hiểu là người ta ăn mừng đứa con trở về mà không phải là những đứa vẫn ở yên chỗ như bài dụ ngôn đã chứng tỏ; tôi cũng khổ tâm thấy nàng không để ý về sự tận nguyện của Gertrude, kẻ không thể vui với sự ăn mừng cách nào khác hơn. Và phải chăng, do ý Thiên Chúa, mà ngày hôm

đó tôi thấy tôi được rảnh rỗi, tôi vốn là một kẻ luôn bận bịu với công việc mục vụ, lời trách móc của Amélie lại càng thêm bất công khi nàng biết mấy đứa con tôi đứa nào cũng có một việc gì đó phải làm, hoặc là một việc gì đó cầm chân chúng ở nhà, kể cả nàng. Hơn nữa, Amélie lại không có sở thích về âm nhạc, đến nỗi khi sắp đặt giờ giấc cho mình, không bao giờ ý tưởng nghe nhạc đến với nàng, cho dù cuộc hòa nhạc có diễn ra ngay trước cửa nhà.

Điều làm cho tôi phiền não hơn, đó là Amélie đã dám nói lên cái điều ấy trước mặt Gertrude, bởi vì mặc dù tôi đã kéo riêng vợ tôi ra một chỗ, nhưng nàng cũng đã cất tiếng lớn lên để Gertrude cũng có thể nghe.

Tôi cảm thấy mình phần uất hơn là buồn, và một lúc sau đó, khi Amélie đã để cho chúng tôi yên, tôi tiến đến gần Gertrude, nắm lấy bàn tay nhỏ nhắn run rẩy của con bé đưa lên mặt tôi:

- Con thấy chưa! lần này ta đâu có khóc.
- Không, lần này đến lượt con, con bé nói, trong khi gượng cười với tôi, và khuôn mặt xinh đẹp của nó khi ngược nhìn tôi, tôi chợt nhìn thấy khuôn mặt nó đầm lệ.

8 tháng 3

Điều hài lòng duy nhất mà tôi có thể làm cho Amélie đó là tránh làm những điều mà nàng không hài lòng. Cái bằng chứng của tình yêu có tính cách hoàn toàn tiêu cực này là điều duy nhất nàng cho phép tôi. Về một phương diện nào đó, nàng đã làm đời tôi co cụm lại, cái điều mà tự nàng không thể nào biết đến. Ôi! Lạy Chúa phải chi nàng đòi hỏi tôi một hành động khó khăn! Tôi sẽ vui vẻ chu toàn cho nàng bất chấp mọi hiểm nguy, hiểm nguy! Nhưng mà người ta bảo là nàng ghê tởm tất cả những cái gì không phải là cái nếp quen thuộc, đến nỗi sự tiến bộ trong cuộc đời đối với nàng cũng chỉ là đem thêm vào chuỗi ngày quá khứ những ngày đều đặn khác. Nàng không cầu mong, cũng không chấp nhận cho tôi có những đức hạnh mới, hoặc phát huy thêm những đức hạnh đã được nhìn nhận. Nàng nhìn với nỗi lo sợ nếu không phải là bài xích,

tất cả những cố gắng của tâm hồn muốn nhìn thấy trong đạo Thiên Chúa điều gì khác hơn là sự thuần thực hóa bản năng.

Tôi phải thú nhận là có một lần ở Neuchâtel, đi để tính toán tiền nong với người hàng xóm của chúng tôi như Amélie đã yêu cầu và nhớ mang về cho nàng một cuộn chỉ nhưng tôi đã quên băng. Sau đó tôi đã bất bình với tôi còn hơn cả chính nàng giận tôi, vì tôi đã hứa với nàng là không quên đâu, và biết rằng “kẻ nào trung thành trong những công việc nhỏ nhặt cũng sẽ trung thành trong việc lớn”, – và tôi sợ những câu kết luận mà nàng có thể rút ra từ sự quên khuấy đó. Tôi cũng đã muốn nàng trách mắng tôi vài câu, bởi vì về điểm này tôi đáng tội lắm. Nhưng sự việc xảy ra thì lại là những lời phàn nàn tưởng tượng đã bị vấn đề khấu trừ tiền nong chính xác thắng thế; ôi! cuộc đời sẽ đẹp và sự khốn khổ của chúng ta sẽ có thể chịu đựng được nếu chúng ta bằng lòng với những cái xấu có thực mà không để tai nghe cái bóng ma và quái vật của trí óc chúng ta... Nhưng tôi cũng chiều mình theo đây để ghi lại cái điều lẽ ra là chủ đề cho một bài giảng (Mat. XI,29. “Đừng để trí óc lo lắng”). Đó là câu chuyện về sự phát triển tinh thần của Gertrude mà tôi vạch ra ở đây. Tôi trở lại.

Tôi hy vọng có thể theo dõi sự phát triển này ở đây từng bước một, và tôi đã bắt đầu kể có chi tiết. Nhưng cũng vì thiếu thời giờ để ghi chú tỉ mỉ mọi giai đoạn, mà hôm nay tôi vô cùng khó khăn để tìm lại sự liên tục chính xác. Câu chuyện lôi cuốn tôi nên tôi đã trình bày trước tiên những suy nghĩ của Gertrude, những cuộc chuyện trò với nó, phần nhiều là những chuyện gần đây nhất, và đối với những ai tình cờ đọc đến những trang này chắc chắn sẽ ngạc nhiên khi thấy con bé lại có thể diễn tả với sự chính xác và lý luận rất chí lý ngay lúc ấy. Những sự tiến bộ của con bé cũng đã nhanh chóng đến mức làm người khác sửng sốt: tôi thường thán phục trí óc con bé đã tiếp thu những của ăn tinh thần mà tôi mang lại cho nó với một sự nhanh chóng cực kỳ và tất cả những gì lọt vào trí óc nó đều được biến thành của nó bằng một công việc đồng hóa và một sự chín mùi liên tục. Con bé làm tôi sửng sốt, không ngừng đi trước tư tưởng của tôi, vượt qua luôn, và thường

thường từ lần nói chuyện này qua lần khác, tôi không còn nhận ra nó là học trò tôi nữa.

Chỉ trong vòng vài tháng trí khôn con bé không còn vẻ như đã từng bị ngưng trệ lâu dài. Con bé cũng tỏ ra khôn ngoan già dặn nhiều hơn phần đông những đứa con gái mà thế giới bên ngoài làm cho xao lãng tâm trí và quá nhiều những cái bận tâm phù phiếm thu hút hầu hết sự chú ý. Tôi còn tin là con bé có thể lớn tuổi hơn cái tuổi tỏ ra cho chúng tôi thấy lúc ban đầu. Con bé cũng có vẻ hình như lợi dụng sự mù lòa, đến nỗi tôi đâm ra nghi ngờ phải chăng trên nhiều điểm, sự tật nguyền này không còn là một lợi điểm cho nó nữa. Mặc dù không muốn đem con bé ra so sánh với Charlotte nhưng thỉnh thoảng mỗi khi tôi phải nhắc nhở bài vở cho con bé này, tôi thấy chỉ một con ruồi bay cũng đủ làm cho đầu óc của nó bị xao lãng, tôi nghĩ: “Cũng đành thôi, nó có thể nghe tôi hơn nếu phải chi nó không nhìn thấy!”

Khỏi phải nói là Gertrude rất ham đọc sách; nhưng vì e ngại phải theo kèm sát tư tưởng của con bé nên tôi lại thích nó không đọc nhiều – hay nói đúng hơn là không nhiều khi không có tôi – và chủ yếu là Kinh thánh, cái điều có vẻ như kỳ lạ đối với một người theo đạo Thiên chúa. Tôi sẽ cắt nghĩa điều trên đây, nhưng mà trước khi đề cập đến một vấn đề khá quan trọng, tôi muốn kể lại một sự kiện nhỏ có liên quan về âm nhạc và tôi phải xác định lại thời gian nơi chốn câu chuyện xảy ra, theo như tôi nhớ được, đó là ít lâu sau buổi hòa nhạc ở Neuchâtel.

Vâng, tôi tin là cuộc hòa nhạc đã xảy ra, ba tuần lễ trước kỳ nghỉ hè đã đưa Jacques trở về gần gũi chúng tôi. Giữa lúc đó tôi đã nhiều lần đưa Gertrude đến ngồi trước cây đàn phong cầm nhỏ của nhà nguyện chúng tôi mà thường thường do cô Louise phụ trách và bà ta là người mà hiện nay Gertrude đang sống chung. Cô Louise lúc ấy hãy còn chưa bắt đầu dạy nhạc cho Gertrude. Mặc dù yêu âm nhạc nhưng tôi lại không biết gì nhiều và cảm thấy không mấy có khả năng dạy cho con bé khi tôi ngồi trước phím đàn bên cạnh nó.

- Không, để con làm một mình, con bé bảo tôi như vậy, ngay từ những cái mò mẫm đầu tiên. Con thích để mặc con một mình.

Và tôi tự ý rời con bé không vì nhà nguyện không phải là chỗ để tôi lưu lại đây với mình con bé, hoặc vì sự tôn kính nơi thánh, mà do e ngại những lời đàm tiếu - mà thông thường tôi cố gắng không lấy làm điều; nhưng ở đây liên quan đến con bé chứ không phải chỉ có mình tôi thôi. Cứ mỗi khi vòng viếng thăm giáo dân đưa tôi đi về hướng này, tôi lại đưa con bé đến tận nhà thờ và thường thường bỏ nó lại một mình ở đó trong nhiều tiếng đồng hồ rồi lại đến đón nó khi trở về. Nó tự thả mình vào việc khám phá những âm giai hài hòa, và khi tôi tìm lại nó vào buổi chiều, thường thấy nó đang chăm chú trước vài hòa âm đưa nó đắm chìm trong một niềm hân hoan vô tận.

Một trong những ngày đầu tháng Tám, cách lúc đó vào khoảng xê xích sáu tháng, vì không tìm gặp được bà góa nghèo đang cần được khuyên giải, tôi bèn quay trở về đón Gertrude ở nhà thờ mà tôi đã bỏ nó lại đó một mình, con bé không đợi tôi sớm đến như thế và tôi ngạc nhiên vô cùng khi thấy Jacques ở bên cạnh con bé. Không đứa nào nghe tôi bước vào bởi vì tiếng động nào do tôi gây ra đều bị tiếng phong cầm lấn át. Bản tính tự nhiên của tôi không thích rình mò, nhưng tất cả những gì liên quan đến Gertrude đều làm cho tôi quan tâm, tôi rón rén bước nhẹ và lén leo mấy bậc thang dẫn lên bục giảng, một vị trí tốt để quan sát. Tôi phải nói là suốt thời gian tôi ở tại chỗ, tôi không nghe thấy một lời lẽ nào mà đứa này hoặc đứa kia đã nói khác đi như lúc trước mặt tôi. Nhưng nó lại sát vào con bé, và rất nhiều lần, tôi thấy nó nắm tay con bé để hướng dẫn ngón tay con bé trên các phím đàn. Không phải là một điều lạ lùng khi con bé chịu cho nó có những nhận xét và một sự dịu dặt mà trước đây con bé muốn gạt qua đối với tôi? Tôi quá ngạc nhiên, quá đau lòng đến nỗi tôi không muốn thú thật điều ấy ra với chính mình và

rồi tôi đã dự tính xen vào thì tôi thấy Jacques thình lình rút cái đồng hồ bỏ túi ra.

- Bây giờ đã đến giờ anh phải rời em, nó nói, cha anh sắp trở về rồi.

Tôi thấy lúc ấy nó nâng bàn tay con bé đang buông xuôi lên môi nó, rồi nó đi. Một lúc sau đó, sau khi đã trở xuống cầu thang không gây một tiếng động, tôi mở cửa nhà thờ với cách thế con bé có thể nghe được và tin là tôi chỉ có việc bước vào.

- À này! Gertrude! Con sẵn sàng để đi về chưa? Đàn được chứ?

- Dạ, tuyệt lắm, con bé nói với tôi bằng giọng tự nhiên nhất của nó, hôm nay con thực sự có vài tiến bộ.

- Một nỗi buồn to tát tràn ngập lòng tôi, nhưng không một ai trong chúng tôi có chút gì ám chỉ đến cái điều tôi sắp kể.

Phải trễ lắm tôi mới được gặp riêng một mình với Jacques. Vợ tôi, Gertrude và mấy đứa nhỏ thường lui về phòng riêng ngay sau bữa ăn tối, để hai chúng tôi kéo dài buổi tối vào việc nghiên cứu học hỏi. Tôi chờ đợi lúc này. Nhưng trước khi nói chuyện với nó, tôi cảm thấy lòng tôi đầy ắp những tình cảm rối rắm đến nỗi tôi không biết làm sao hoặc không dám đề cập đến vấn đề đang làm tôi đau khổ.

Và chính nó thình lình phá vỡ sự im lặng bằng cách báo cho tôi biết quyết định của nó là lưu lại nhà gần chúng tôi suốt kỳ nghỉ hè. Nhưng mà, mới vài ngày trước đó, nó đã báo cho chúng tôi biết cái dự tính đi chơi vùng núi Alpes, mà vợ tôi và tôi đã rất đồng tình chấp thuận; tôi biết là T... bạn nó mà nó đã chọn làm bạn đồng hành đang đợi nó, tôi cũng thấy sự thay đổi hẳn ý định này lẽ nào không liên quan với cái cảnh tượng mà tôi vừa bắt gặp tình cờ. Đầu tiên, một sự uất hận to lớn làm tôi tức tối, nhưng tôi e rằng nếu buông thả mình vào cơn giận chỉ làm cho thằng con của tôi lạnh nhạt hẳn với tôi, cũng như tôi sẽ phải hối tiếc về những lời lẽ quá gay gắt, tôi hết sức cố gắng lấy lại trầm tĩnh và bằng một giọng mà tôi cố làm ra như tự nhiên nhất:

- Cha nghĩ là T... đang trông con, tôi nói với nó.

- Chà! Nó tiếp tục, nó không hoàn toàn trông đợi con đâu, vả lại, nó cũng không đến nỗi phải khó khăn để tìm kẻ thay thế con. Con nghỉ ở nhà đây cũng thoải mái như là ở Oberland và con thực sự tin tưởng là con có thể sử dụng thời giờ của con một cách hữu hiệu hơn là rong chơi trên mấy rặng núi.

- Vậy thì, tôi nói, con đã tìm ra ở đây có cái gì đó làm cho con bận tâm đến?

Nó nhìn tôi, nhận thấy trong giọng nói của tôi có tí mỉa mai, nhưng mà, nó hãy còn chưa nhận ra nguyên nhân, nó lấy lại vẻ ung dung:

- Cha biết là con vẫn thích sách vở hơn cái trò leo núi.

- Ừ, ông bạn ạ, tôi nói trong khi nhìn nó một cách chăm chăm, nhưng mà con có tin là những bài dạy kèm phong cầm còn tỏ ra hấp dẫn cho con hơn việc đọc sách?

Chắc chắn là nó cảm thấy đỏ mặt, bởi vì nó đặt tay lên trán như thể là che bớt ánh sáng ngọn đèn. Nhưng nó trấn tĩnh lại gần như tức thì và bằng một giọng mà tôi muốn thấy là ít tin tưởng hơn:

- Cha tha lỗi cho con. Ý của con là không muốn dấu diếm cha điều gì, và cha đã đi trước hơi sớm sự thú nhận mà con chuẩn bị thừa với cha.

Nó nói một cách ung dung như người ta đọc một quyển sách, hoàn tất các câu nói với biết bao bình tĩnh, hình như đó không phải là chuyện của mình. Thái độ tự tin tuyệt đối mà nó đã tỏ ra cho thấy làm cho tôi phẫn nộ. Cảm thấy tôi sắp sửa ngắt lời nó, nó nâng tay lên như thể nói với tôi: không, cha có thể nói tiếp theo sau, hãy để cho con nói hết đã, nhưng tôi chụp lấy tay và lắc nó; tôi nói lớn lên một cách nóng nảy:

- Thà là cha không thấy con nữa còn hơn là để thấy con mang lại những âu lo cho Gertrude. Cha không cần sự thú nhận của con! Lợi dụng sự thật nguyên, sự ngây thơ, sự trong trắng, đó là một sự hèn nhát khả ố mà cha không bao giờ tin là con có thể làm! Và đừng có nói với cha những chuyện ấy bằng thái độ bình tĩnh đáng ghét đó!... Hãy nghe đây: cha có nhiệm vụ chăm sóc Gertrude và cha không chấp thuận cho

con được nói chuyện với nó, đụng chạm nó và nhìn nó một ngày nào nữa.

- Nhưng mà, thưa cha, nó tiếp tục nói bằng cái giọng bình thản và điều đó làm tôi mất tự chủ, hãy tin chắc đi là con quý mến Gertrude cũng ngang như cha có thể làm đối với nàng. Cha đã hiểu lầm kỳ lạ nếu cha nghĩ là đã có điều gì đáng trách, con không nói chỉ trong cách cư xử mà còn trong ý đồ và trong thâm tâm của con nữa. Con yêu Gertrude, và con xin thưa với cha là con trọng nàng cũng ngang như con yêu nàng vậy. Ý tưởng làm vẫn đục nàng, lợi dụng sự thơ ngây của nàng và sự mù lòa của nàng đối với con cũng khả ố như đối với cha vậy. Rồi nó cam đoan là điều nó muốn đối với Gertrude là một người nâng đỡ, một người bạn, một người chồng. mà nó không nghĩ là phải nói với tôi trước khi nó có quyết định hẳn sẽ lấy con bé làm vợ. rằng sự quyết định này chính Gertrude chưa biết và chính là với tôi mà nó muốn thưa chuyện đầu tiên. - Đây là lời thú nhận mà con phải thưa với cha, nó nói thêm, và con không còn gì khác nữa để thú nhận, hãy tin con đi!

Những lời lẽ này làm tôi sửng cả người. Trong khi nghe nó nói những lời này, màng tang tôi đập dồn dập. Tôi chỉ chuẩn bị nói những lời quở trách trong khi nó cứ từ tốn làm cho tôi mất hết lý do để phản nộ, khiến cho tôi càng cảm thấy lúng túng, đến nỗi khi nó dứt lời, tôi cảm thấy không còn gì để nói với nó.

- Thôi chúng ta hãy đi ngủ, cuối cùng tôi nói sau một hồi yên lặng khá lâu. Tôi đứng dậy và đặt tay lên vai nó. Ngày mai cha sẽ nói với con điều cha suy nghĩ về chuyện đó.

- Ít ra cha cũng nài cho con biết là cha không còn giận con nữa.

- Cha cần đêm nay để suy nghĩ lại.

Khi tôi gặp lại Jacques ngày hôm sau, tôi thực tình hình như nhìn nó lần đầu. Nó thành lình tỏ ra cho tôi thấy là thằng con của tôi không còn là một đứa trẻ nữa mà là một chàng trai, và nếu trong bao lâu tôi còn coi nó như một đứa trẻ, cái

tình yêu mà tôi ngạc nhiên có thể coi như quái dị đối với tôi. Tôi đã trải qua một đêm để thuyết phục mình rằng điều ấy trái lại là hoàn toàn tự nhiên và bình thường .

Cái sự không hài lòng do đâu mà càng mạnh hơn? Điều đó chỉ sáng tỏ cho tôi một ít lâu hơn về sau. Trong khi chờ đợi, tôi phải nói chuyện với Jacques và bảo thẳng cho nó biết quyết định của tôi. Nhưng do một bản năng nào đó cũng chắc chắn như lương tâm đã cảnh cáo tôi là phải ngăn cản cuộc hôn nhân này bằng bất cứ giá nào.

Tôi kéo Jacques ra sân phía sau vườn, tại đây tôi bắt đầu dò hỏi nó:

- Con đã tuyên bố điều này cho Gertrude biết chưa?
- Chưa, nó trả lời. Có thể nàng đã cảm thấy tình yêu của con, nhưng con chưa thú thật với nàng điều gì.
- Thế thì! Con sẽ hứa với cha là khoan hãy nói với con bé.
- Thưa cha, con xin hứa là sẽ vâng lời cha, nhưng con có thể biết lý do của cha không?

Tôi lưỡng lự trong việc cho nó biết lý do, vì không biết rõ phải chăng những gì đến trước tiên trong trí cũng chính là điều quan trọng nhất để nói trước. Nói đúng ra nơi đây chính lương tâm hơn là lý trí chỉ huy hành xử của tôi.

- Gertrude hãy còn quá trẻ, cuối cùng tôi nói. Hãy nghĩ xem, nó hãy còn chưa chịu phép bí tích thông công. Con biết đó không phải là một đứa trẻ như những đứa khác, than ôi! Và sự phát triển của nó lại quá chậm trễ. Chắc chắn là nó sẽ rất nhạy cảm, dễ tin đối với những lời nói yêu đương đầu tiên mà nó được nghe, chính vì thế mà tại sao điều quan trọng lại là đừng nói với nó những điều ấy. Chiếm đoạt một kẻ không có thể tự vệ. đó là một hành động hèn, cha biết con không phải là một đứa hèn. Tình cảm của con, như con nói, là không có gì là đáng trách, nhưng cha thì bảo rằng như thế là có tội bởi vì nó hãy còn chưa chín chắn. Sự thận trọng mà Gertrude chưa có thể có thì chính chúng ta phải có cho nó. Đó là một trách nhiệm của lương tâm.

Jacques có điểm này xuất sắc, chỉ cần mấy tiếng đơn giản sau cũng đủ để kìm hãm nó: “Cha kêu gọi lương tâm của con”

mà tôi thường dùng khi nó còn là đứa trẻ. Tuy nhiên tôi nhìn nó và suy nghĩ là nếu Gertrude có thể thấy được, con bé sẽ không bỏ qua mà không chiêm ngưỡng cái thân thể cao lớn dong dong, vừa thẳng vừa mềm dẻo, cái trán đẹp không có những nếp nhăn, cái nhìn thẳng thắn, cái khuôn mặt hãy còn trẻ thơ, nhưng hình như hơi tối mờ đi vì một sự nghiêm trọng bất thường. Nó để đầu trần, và mái tóc màu xám tro mà nó để cho khá dài, cuộn thành lọn hai bên mang tai và che khuất mất nửa tai nó.

- Còn một điều này nữa cha muốn đòi hỏi con, tôi tiếp tục trong khi đứng dậy khỏi cái ghế dài mà chúng tôi đang ngồi: con đã có ý định ngày một sẽ đi, cha yêu cầu con đừng làm khác đi chuyến hành trình. Con phải cố gắng vắng nhà trọn một tháng. Và cha xin con là đừng có rút ngắn một ngày nào của chuyến du ngoạn này. Con hiểu chứ?

- Được rồi, thưa cha, con sẽ vâng lời cha.

Tôi hình như thấy mặt nó trở nên tái mét, đến nỗi môi nó cũng nhợt nhạt. nhưng tôi tự bảo là với một sự từng phục nhanh nhẩu như vậy, tình yêu của nó nhất định chưa phải đã sâu đậm lắm, và tôi cảm thấy một sự nhẹ nhõm không diễn tả được. Hơn thế nữa, tôi rất nhạy cảm với cái tính ngoan ngoãn của nó.

- Cha đã tìm lại được đứa con mà cha yêu thương, tôi nói với nó một cách dịu dàng, và kéo nó về phía tôi, tôi đặt môi lên trán nó. Nó có vẻ như hơi lụi lại, nhưng tôi không muốn lấy đó làm điều.

10 tháng 3

Căn nhà của chúng tôi khá nhỏ đến nỗi chúng tôi buộc phải sống trong cái cảnh kẻ này lấn qua kẻ khác đôi chút, điều này đôi khi gây bất tiện không ít cho công việc của tôi, mặc dù tôi đã dành riêng ở trên lầu một phòng nhỏ ở đó tôi có thể lui về một mình và tiếp khách, bất tiện nhất là khi tôi muốn nói chuyện riêng với một ai trong nhà cách riêng tư mà không làm cho cuộc trò chuyện trở nên trịnh trọng như những câu

chuyện xảy ra trong cái phòng coi như phòng khách riêng đó mà đám con tôi gọi đùa là: Thánh địa, nơi mà chúng bị cấm vào. Cũng sáng hôm nay Jacques đã đi Neuchâtel để mua giày leo núi và, vì thời tiết rất tốt, đám trẻ sau bữa ăn sáng đã ra ngoài với Gertrude mà chúng vừa dẫn con bé cũng như con bé dẫn dắt chúng. (Tôi hài lòng ghi nhận ra đây là Charlotte rất chú ý đến con bé). Tự nhiên tôi thấy mình được ở một mình với Amélie vào giờ uống trà mà chúng tôi luôn luôn dùng ở phòng sinh hoạt chung, Đó chính là điều tôi mong muốn tại vì tôi cũng đã muộn màng trong việc đem chuyện này ra nói với nàng. Rất hiếm khi tôi phải mặt đối mặt với nàng làm cho tôi cảm thấy như nhút nhát, và tính cách quan trọng của câu chuyện tôi sắp phải nói với nàng làm tôi bối rối như thể những lời thú nhận ra đây không phải là của Jacques mà chính là của riêng tôi. Tôi cũng nghiệm thấy là trước khi nói chuyện, vào một mức độ nào đó hai con người, cùng sống chung với nhau một cuộc đời, và yêu nhau, lại có thể vẫn cứ là bí hiểm và khép kín kẻ này đối với kẻ khác, lời nói, trong trường hợp này dù là những lời chúng ta nói với người kia hoặc người kia nói với chúng ta, vang lên rền rĩ như những cú thăm dò để cảnh báo cho chúng ta sự kháng cự của bức tường ngăn cách, và nếu người ta nhắm vào đó thì chỉ càng liều lĩnh làm dày thêm lên...

- Jacques có nói cho tôi hôm qua và hồi sáng nay, tôi bắt đầu trong khi nàng rót trà, và giọng nói của tôi cũng run run như giọng của Jacques ngày hôm qua khi cam kết. Nó đã nói với tôi về chuyện nó yêu Gertrude.

- Nó đem chuyện ấy ra nói với ông là tốt đó, nàng nói không nhìn tôi và tiếp tục công việc nội trợ như thể là tôi báo cho nàng một chuyện hoàn toàn tự nhiên, hay đúng hơn như là tôi không báo cho nàng biết chuyện gì cả,

- Nó có nói nó mong được cưới con bé, quyết định của nó....

- Cái đó phải xem xét trước, nàng thì thầm trong khi khẽ nhún vai.

- Như vậy là bà còn nghi ngờ? tôi nói với vẻ hơi nóng nảy.

- Người ta thấy cái điều ấy xảy ra lâu rồi. Nhưng đó lại là một thứ chuyện mà những kẻ đàn ông không biết để ý đến.

Thấy phản đối cũng chẳng ích lợi gì, vả lại câu trả lời của nàng cũng có phần đúng sự thật, tôi chống chế lấy lệ:

- Trong trường hợp này lẽ ra bà phải báo cho tôi biết chứ.

Nàng cười một nụ cười mỉm chi mà đôi khi nàng vẫn hay kèm theo và bao che cho kiểu nói lấp lửng, trong khi nghiêng nghiêng lắc đầu.

- Ước chi tôi cũng phải báo cho ông biết hết tất cả những gì ông không nhận biết hết!

Lời nói bóng gió này có ý nghĩa gì vậy? Đây chính là cái điều tôi không biết cũng như không muốn tìm biết, và lảng qua:

- Cuối cùng, tôi muốn nghe chính bà nghĩ thế nào về chuyện ấy.

Nàng thở dài rồi tiếp:

- Ông biết đó, ông bạn của tôi ơi, là tôi không bao giờ chấp nhận sự hiện diện của con bé đó giữa chúng ta.

Tôi cố lắm mới không nổi cáu khi thấy nàng quay lại câu chuyện trong quá khứ.

- Không phải chuyện về sự hiện diện của Gertrude, tôi nói, nhưng Amélie đã tiếp tục nói:

- Tôi nghĩ là việc ấy kết cuộc không thể mang lại gì hơn ngoài sự đáng tiếc.

Với ý cố hòa giải, tôi chụp ngay câu nói:

- Thế là bà coi đó như là một cuộc hôn nhân đáng tiếc. Được rồi! Đó chính là điều tôi muốn nghe bà nói. Sung sướng là chúng ta cùng chung ý kiến. Tôi nói rõ thêm là cuối cùng Jacques cũng đã ngoan ngoãn từng phục trước những lý lẽ mà tôi nêu ra nên cũng chẳng còn gì đáng lo ngại: nó đã thỏa thuận ngày mai sẽ khởi hành chuyến du lịch kéo dài trọn một tháng.

- Còn như điều tôi không lo lắng hơn bà về chuyện Jacques sẽ gặp lại Gertrude ở đây khi trở về, cuối cùng tôi nói, tôi nghĩ tốt hơn hết là gửi gắm con bé cho cô Louise để tôi còn có thể tiếp tục gặp con bé, bởi vì tôi không dấu giếm gì tôi đã giao

ước có những bốn phận thực sự đối với con bé. Tôi cũng cảm thấy trước bà chủ trọ mới chỉ cần được yêu cầu là sẵn sàng giúp đỡ chúng ta ngay. Như vậy là bà giải thoát được một sự hiện diện làm cho bà cảm thấy khó chịu. Cô Louise sẽ chăm sóc Gertrude; cô ấy sẽ tỏ ra hân hoan về sự giằng xé này; cô ta đã từng thích thú trong việc dạy con bé học nhạc.

Thấy Amélie hình như tỏ vẻ quyết giữ im lặng, tôi nói tiếp:

– Để tránh cho Jacques không đến đó tìm Gertrude, tôi tin tốt nhất là mình cũng nên báo cho cô Louise biết chuyện mà phòng ngừa, bà có nghĩ như vậy không?

Tôi cố thử bằng câu hỏi này sẽ moi được một câu trả lời của Amélie, nhưng nàng mím chặt môi như thể không nói một câu nào. Và tôi tiếp tục nói không phải vì tôi không còn gì để nói thêm, nhưng mà chỉ vì tôi không chịu được sự im lặng của nàng:

– Ngoài ra, khi Jacques đi du ngoạn về có lẽ cũng đã nguôi ngoai với mối tình của nó. Vào tuổi nó, có phải người ta chỉ biết có dục vọng thôi sao?

– Ồi chà! Ngay cả muộn hơn về sau này. người ta cũng luôn luôn không biết, sau cùng nàng nói một cách kỳ lạ.

Cái giọng bí hiểm và trịnh trọng làm tôi nổi nóng, bởi vì bản chất tự nhiên của tôi lại quá thẳng thắn đâu dễ dàng len lỏi theo những cái bí ẩn. Quay qua nàng, tôi năn nỉ nàng giải thích cho tôi cái điều nàng ngầm hiểu về điều ấy.

– Không có gì cả, ông bạn của tôi, nàng tiếp tục một cách rầu rầu. Tôi chỉ suy nghĩ là vừa rồi ông ước ao được người ta bảo cho biết những gì ông không để ý biết.

– Rồi sao nữa?

– Rồi thì tôi tự bảo không phải dễ mà bảo cho biết.

Tôi đã nói là tôi chúa ghét những cái bí ẩn và theo nguyên tắc, tôi từ chối những cái hiểu ngầm.

– Khi bà muốn cho tôi hiểu bà thì bà nên cố gắng diễn tả một cách rõ ràng hơn, tôi đáp lại bằng một thái độ hơi tàn nhẫn và tôi hối hận ngay lúc đó, bởi vì tôi thấy có lúc môi nàng run lên. Nàng quay đầu đi rồi ngẩng lên bước vài bước lưỡng lự và như lảo đảo trong phòng.

- Nhưng mà cuối cùng, Amélie, tôi la lớn lên, tại sao bà cứ tiếp tục thất vọng khi mà lúc này tất cả đã được sửa sai?

Tôi cảm thấy cái nhìn của tôi làm cho nàng khó chịu, và với cái kiêu quay lưng lại, tựa khuỷu tay xuống bàn và tay nâng lấy đầu mà tôi nói với nàng:

- Tôi đã nói nặng với em nãy giờ. Xin lỗi em.

Bấy giờ tôi nghe nàng tiến gần lại tôi, rồi tôi cảm thấy mấy ngón tay của nàng đặt nhẹ lên trán tôi, trong khi nàng nói bằng một giọng dịu dàng và đầy nước mắt:

- Ông bạn đáng thương của tôi ơi!

Rồi nàng rời căn phòng ngay lập tức.

Những câu nói của Amélie có vẻ như bí ẩn lúc đó phải ít lâu sau mới sáng tỏ trong tôi; tôi đã kể lại như nó xuất hiện đầu tiên cho tôi, còn ngày hôm đó tôi chỉ hiểu là đã đến lúc Gertrude rời khỏi căn nhà này.

12 tháng 3

Tôi tự đặt cho mình cái bổn phận hằng ngày dành chút ít thì giờ cho Gertrude; nghĩa là tiếp theo sau những công việc của mỗi ngày, vài giờ hoặc vài ba chặp. Ngày hôm sau cái ngày mà tôi và Amélie nói chuyện với nhau, tôi thấy mình khá rảnh rỗi, và, thời tiết đẹp như mời mọc, tôi dẫn Gertrude băng qua rừng đến tận Jura, chỗ quặt của khu rừng, nơi mà từ đó xuyên qua các cành lá người ta có thể nhìn thấy khung cảnh bao la của núi rừng mở ra và lúc trời quang, nhìn vượt lên trên lớp sương mù mỏng nhẹ, sẽ khám phá được cái vẻ đẹp kỳ diệu của rặng núi Alpes trắng xóa. Mặt trời đã ngả về phía phải của chúng tôi khi chúng tôi đến được nơi chúng tôi có thói quen cùng ngồi lại. Từ chỗ chúng tôi ngồi là cánh đồng cỏ dày và sát là chạy dài thoải thoải xuống. Xa hơn vài con bò đang gặm cỏ, mỗi con trong đàn bò của vùng núi đều mang một cái lục lạc nơi cổ.

- Chúng đang vẽ cái quang cảnh này, Gertrude vừa nghe tiếng leng keng của chúng vừa nói.

Con bé yêu cầu tôi, như mỗi lần đi dạo, miêu tả cho nó nơi chôn mà chúng tôi dừng lại.

Nhưng mà, tôi nói với nó, con đã biết rồi mà; đây chính là chỗ bìa rừng mà người ta có thể nhìn thấy rặng núi Alpes.

- Hôm nay người ta trông nó có rõ không?
- Người ta nhìn thấy tất cả cái vẻ huy hoàng của nó.
- Thầy đã nói với con mỗi ngày trông nó khác đi một tí.
- Hôm nay ta sẽ so sánh nó như thế nào đây? Như cái khát của một ngày hè. Trước khi chiều xuống, cái rục rờ đó cũng sẽ tàn và tan rã vào không trung.

- Con muốn thầy nói cho con nghe rằng trong cánh đồng rộng lớn trước mặt chúng ta đây có bông huệ không?

- Không, Gertrude à. Loài huệ không mọc trên những vùng cao này, hoặc là chỉ vài loại hiếm thôi.

- Không có cả cái loại mà người ta gọi là hoa huệ đồng ?
- Không có hoa huệ mọc trong đồng.
- Ngay cả trên những cánh đồng chung quanh Neuchâtel?
- Không có hoa huệ đồng.
- Thế thì tại sao Chúa lại bảo chúng ta “Hãy nhìn hoa huệ ngoài đồng?”

Chắc là vào thời của Ngài thì có, bởi vì Ngài nói đến nó; nhưng những sự canh tác của con người đã làm cho nó bị biến mất.

- Con nhớ thầy thường nói với con là sự cần thiết của trái đất này là sự tin cậy và tình yêu. Thầy có nghĩ rằng chỉ cần thêm một chút lòng tin nữa con người sẽ lại bắt đầu thấy chúng? Phần con, khi con nghe lời này, con đoán chắc với thầy là con thấy chúng. Con sẽ kể cho thầy nghe, thầy có muốn không? Người ta nói những cái chuông đỏ thắm, những cái chuông màu xanh da trời tràn đầy hương thơm của tình yêu và gió chiều đã đu đưa chúng. Tại sao thầy nói với con là không có nơi kia trước mặt chúng ta? Con nghĩ thấy chúng! Con nhìn thấy cánh đồng tràn ngập chúng.

- Chúng không đẹp hơn như là con nhìn thấy đâu, hỡi Gertrude của ta.

- Hãy nói là chúng không kém hơn chứ.
- Chúng cũng đẹp như con nhìn thấy vậy.

- “Và ta nói cho người biết, ngay cả Salomon trong cái vinh hiển nhất của ông ta, cũng không mặc đẹp như chúng”, con bé nói, dẫn lời của đức Ki-tô, và nghe cái giọng rất du dương của con bé, tôi hình như nghe thấy những lời này lần đầu tiên. “Trong tất cả sự vinh hiển của nó”, con bé lặp lại một cách trầm ngâm, rồi con bé yên lặng một lúc và tôi nói tiếp:

- Ta đã nói với con là những kẻ có đôi mắt để nhìn chính là những kẻ không biết nhìn thấy. Và tận cùng đáy lòng, tôi nghe dâng lên lời cầu nguyện sau: “Ôi, lạy Chúa, con xin cảm ơn Chúa đã mặc khải cho những kẻ khiêm nhường cái điều mà ngài đã cất dấu đối với kẻ khôn ngoan!”

- Nếu thầy biết, con bé nói lớn lên lúc ấy trong một niềm hứng khởi mừng vui, nếu thầy có thể biết làm sao con có thể tưởng tượng một cách dễ dàng tất những cái ấy. Này đây! thầy có muốn con miêu tả cho thầy cái khung cảnh này không?... Đằng sau, trên đầu và xung quanh chúng ta là những cây tùng bách bằng mùi nhựa, những thân cây đỏ sẫm, những cành ngang màu xám tối la đà mỗi khi có cơn gió muốn uốn cong chúng. Ở dưới chân chúng ta, giống như một quyển sách đang mở nằm nghiêng trên cái giá sách của rừng núi là cánh đồng rộng lớn xanh tươi và sặc sỡ mà bóng tối in lên những nét sẫm, mặt trời phết vàng lên và những chữ khác nhau là những cánh hoa - những cánh long đởm những cánh hoa hoàng liên, những cánh hoa mao lương và những cánh hoa huệ của vua Salomon - mà những con bò tới tập đọc lồm bồm từng chữ với cái lục lạc của chúng, và các thiên thần đến để đọc tin mừng, bởi vì thầy nói là mắt của con người thì nhắm lại. Ở phía dưới quyển sách, con thấy một dòng sông lớn của sữa bốc hơi, mù mịt, che phủ hết cái vực sâu của bí ẩn, một dòng sông bao la, không có bờ nào khác ngoài rừng núi Alpes rục rờ xa xăm dưới kia, xa tắp trước mặt chúng ta. Jacques phải đi đến nơi xa tắp đó có phải không, thầy hãy nói đi: có đúng là ngày mai anh ấy phải đi?

- Nó phải đi vào ngày mai. Nó đã nói điều ấy cho con?

- Anh ấy không có nói với con, nhưng con hiểu. Anh ấy phải vắng nhà lâu?

- Một tháng... Gertrude à, ta muốn hỏi con... Tại sao con không kể cho ta nghe nó đến tìm gặp lại con ở nhà thờ?

- Anh ấy đến tìm gặp con hai lần. Ô! Con không muốn dấu thầy điều gì cả! Nhưng con ngại làm cho thầy đau lòng.

- Con không nói mới là làm cho ta đau khổ.

Bàn tay con bé tìm bàn tay tôi.

- Thật là buồn khi phải đi xa.

- Hãy nói cho ta biết, Gertrude... nó đã nói yêu con chưa?

- Anh ấy chưa nói với con. Nhưng con cảm thấy điều ấy mà không cần người ta phải nói ra. Anh ấy không yêu con bằng thầy.

- Và con này, Gertrude, con đau khổ khi thấy nó đi xa?

- Con nghĩ tốt hơn hết là anh ấy nên đi. Con không thể trả lời thầy được.

- Nhưng mà con hãy nói đi: chính con, con đau khổ thấy nó bỏ đi?

- Thầy biết rõ chính thầy là người con yêu thương, thừa mục sư... Ô!

Tại sao thầy rút tay lại? Con sẽ không nói với thầy như thế này nếu thầy chưa có vợ. Nhưng mà không ai cưới một người mù. Thế thì tại sao chúng ta lại không có thể thương yêu nhau? Hãy nói đi, thừa mục sư, thầy có thấy như thế là xấu xa không?

- Trong tình yêu không bao giờ có cái xấu.

- Con chỉ cảm thấy cái tốt trong lòng con thôi. Con không muốn làm Jacques đau khổ. Con không muốn làm ai đau khổ... Con chỉ muốn mang lại hạnh phúc.

- Jacques đã có nghĩ đến chuyện cưới con.

- Thầy có thể cho con nói chuyện với anh ấy trước khi anh ta khởi hành không? Con muốn làm cho anh ấy hiểu là anh ta phải rút lại cái tình yêu đối với con. Mục sư, thầy hiểu chứ, có phải vậy không, là con không thể lấy ai được cả. Thầy sẽ để cho con nói chuyện với anh ấy, có phải vậy không?

- Ngay tối nay.

- Không, ngày mai, ngay lúc anh ấy khởi hành...

Mặt trời lặn dần trong một vẻ huy hoàng rực rỡ nhất. Bầu trời ảm áp. Chúng tôi đứng dậy và trong khi vừa nói chuyện, chúng tôi trở lại con đường sẫm tối trở về nhà.

## QUYỀN THỨ HAI

25 tháng 4

Tôi đã phải gác lại quyển vở này một thời gian.

Cuối cùng thì tuyết cũng đã tan, và chẳng mấy chốc đường sá đã có thể đi lại được, tôi đã phải giải quyết cho xong một số lớn việc bổn phận mà tôi đã buộc phải đình lại trong thời gian dài ngôi làng của chúng tôi bị tuyết phong tỏa. Mãi tới chiều hôm qua tôi mới tìm lại được chút nhàn rỗi.

Đêm qua tôi đã đọc lại tất cả những gì tôi đã viết ra đây...

Hôm nay tôi mới dám gọi đến tên cái tình cảm mà từ lâu không được lòng thú nhận, tôi cũng chỉ mới giải thích sơ tại sao tôi đã có thể tự mình lầm lẫn cho tới nay, tại sao có những lời lẽ của Amélie mà tôi đã thuật lại tỏ ra như bí ẩn đối với tôi; tại sao sau những lời tuyên bố ngây ngô của Gertrude, tôi còn có thể nghi ngờ phải chăng tôi yêu con bé. Đó là vì tôi vừa không chấp thuận tí nào việc nhìn nhận tình yêu được cho phép ngoài hôn nhân; đồng thời trong mối tình cảm làm cho tôi đam mê hướng về Gertrude, tôi lại không chấp nhận nhìn xem có cái gì bị cấm đoán không.

Tính cách ngây thơ của những lời thú nhận của con bé, cũng như sự thẳng thắn của những lời nói đó làm cho tôi an tâm. Tôi tự bảo: đó là một đứa trẻ. Không một tình yêu thực sự nào xảy ra mà không có bối rối, không đỏ mặt. Về phần mình thì tôi lại bảo rằng mình yêu thương con bé như người ta yêu thương một đứa trẻ thật nguyên. Tôi chăm nom con bé như người ta chăm nom một người bệnh, – và cứ theo cái đà đó mà tôi cho là mình đã làm một nghĩa vụ đạo đức, một bổn phận. Vâng, thật thế, ngay buổi chiều ngày con bé nói với tôi như tôi đã thuật lại, tôi cảm thấy tâm hồn tôi rất nhẹ nhàng, và rất vui vẻ làm cho tôi cứ lầm lẫn và cứ ghi lại những lời nói này. Và cũng vì nghĩ rằng tình yêu là đáng trách, và tất cả những gì đáng trách đều làm cho tâm hồn nặng trĩu, mà vì

thấy tâm hồn mình không hề bị ray rứt nên tôi không tin đó là tình yêu.

Tôi đã thuật lại những lần trò chuyện này không những như chúng đã xảy ra, mà còn ghi lại trong trạng thái tinh thần của tôi cũng giống như vậy, thành thử khi đọc lại những điều này ở đây đêm nay tôi mới hiểu...

Ngay sau khi Jacques khởi hành – tôi đã để cho Gertrude được nói chuyện với nó, và nó chỉ trở về nhà mấy ngày cuối cùng của kỳ nghỉ hè, nhưng giả lơ hay trốn tránh Gertrude hoặc chỉ nói chuyện với con bé khi ở trước mặt tôi – cuộc sống của chúng tôi lại xuôi theo cái dòng bình lặng cũ. Gertrude, như đã thoả thuận, đã đến ở tại nhà cô Louise, và mỗi ngày tôi đến thăm nó ở đó. Nhưng vì còn sợ đó là tình yêu, tôi đã giữ ý không nói chuyện với con bé về những gì có thể gây xúc động cho chúng tôi nữa. Tôi chỉ nói với con bé với tư cách một mục sư, và thường có sự hiện diện của cô Louise, lúc này đang chuyên chú dạy giáo lý và sửa soạn cho con bé được đón nhận phép bí tích thông công vào lễ Phục sinh.

Ngày lễ Phục sinh chính tôi cũng đã chịu ơn thánh thể.

Cách đó chừng hai tuần. Jacques vừa trở về nghỉ lễ một tuần tại nhà, nó đã không theo tôi lên bàn thờ trước sự ngạc nhiên của tôi. Và tôi cũng rất tiếc phải nói ra là cả Amélie, lần đầu tiên từ khi chúng tôi lấy nhau cũng đã không lên theo tôi. Hình như cả hai người đã có bảo nhỏ nhau và đã quyết định tránh lên gặp tôi tại nơi tôn nghiêm này như để phủ lên niềm vui của tôi một cái bóng đen. Tuy thế, tôi vẫn còn mừng là Gertrude không thể nhìn thấy cái cảnh này mà chỉ có tôi là phải chịu đựng tất cả sức nặng của cái bóng đen này. Tôi biết rõ Amélie không tài nào nhìn thấy những cái trách móc gián tiếp trong cách hành xử của nàng. Không bao giờ nàng tỏ thái độ bất bình với tôi một cách công khai, mà chỉ làm cho tôi nhận thấy sự bất bình của nàng bằng một thái độ cách biệt nào đó.

Tôi rất lấy làm buồn về những cái phàn nàn theo kiểu này mà tôi cho là có thể đưa tâm hồn Amélie vào chỗ xao lãng

những lợi ích cao cả của mình. Và khi trở về nhà, tôi đã cầu nguyện cho nàng với tất cả lòng mình.

Còn về chuyện Jacques tránh tham gia thì lại là do một nguyên nhân khác và chỉ do một lần trò chuyện ít lâu về sau tôi mới được sáng tỏ.

3 tháng 5

Việc dạy giáo lý cho Gertrude đã khiến tôi đọc lại Phúc âm với một nhãn quan mới. Càng lúc tôi càng nhận thấy một số lớn khái niệm hợp thành đức tin của người Ki-tô hữu không phải được lập thành từ những lời dạy của đấng Ki-tô mà từ những lời giảng dạy của thánh Phao-lô.

Đây cũng đúng là chủ đề của cuộc tranh luận mới đây giữa tôi và Jacques. Với tính khí hơi khô khan, tâm hồn nó không cung cấp cho tư tưởng của nó đủ thức ăn tinh thần; nó trở thành thủ cựu và giáo điều. Nó trách tôi là chỉ biết chọn trong giáo lý Thiên chúa giáo “cái làm tôi hài lòng”. Nhưng tôi đâu chỉ có chọn câu này hoặc câu kia của đức Ki-tô. Một cách đơn giản, giữa đức Ki-tô và thánh Phao-lô, tôi chọn đức Ki-tô. E sợ phải làm cho hai vị ấy thành ra đối lập nhau, nó từ chối phân biệt vị này với vị kia, từ chối cảm thấy nơi mỗi vị đó có một sự khác nhau về nguồn ý cảm hứng, và phản đối khi tôi nói ở đây tôi nghe một người trong khi ở kia tôi nghe Thiên Chúa. Nó càng lý luận càng làm cho tôi thấy là: nó không cảm nhận được chút nào cái ý nghĩa thiêng liêng độc nhất trong lời nói của đấng Ki-tô.

Tôi tìm kiếm qua hết Phúc âm, tôi tìm kiếm các điều răn, sự doạ nạt, sự cấm đoán... nhưng chỉ hoài công. Tất cả những điều ấy chỉ phát xuất từ thánh Phao-lô. Và chính vì đúng là không hề tìm thấy những điều ấy trong những lời của đức Ki-tô làm cho Jacques khó chịu. Những linh hồn tương tự như tâm hồn của nó sẽ nghĩ là mình đã bị sa đọa khi không còn cảm thấy có những kẻ bảo trợ, những lan can và tay vịn ở bên cạnh. Họ cũng khó dung thứ cho kẻ khác cái tự do mà họ từ bỏ và chỉ mong chiếm hữu bằng cưỡng ép những gì mà người ta sẵn lòng chấp nhận bằng tình yêu.

- Nhưng mà, thưa cha, nó nói với tôi, chính con cũng cầu mong cái hạnh phúc của các linh hồn.

- Không, ông bạn ơi; ông cầu mong sự từng phục của họ.

- Chính trong sự từng phục mới có hạnh phúc.

- Tôi để cho nó nói lời cuối tại vì nó làm tôi chán biện luận.

Nhưng tôi biết là người ta sẽ làm phương hại hạnh phúc khi tìm cách chiếm hữu nó bằng cái trái lại chỉ là hiệu quả của hạnh phúc. - và nếu đúng là khi suy nghĩ rằng tâm hồn yêu thương sẽ vui vẻ với sự từng phục tự nguyện, thì không có gì xa rời hạnh phúc bằng một sự từng phục không có tình yêu.

Bỏ ra ngoài mấy điều trên thì phải nói là Jacques lý luận khá, và nếu như tôi không khó chịu phải nhìn thấy trong một trí óc còn rất trẻ đã chứa đầy những cái cố chấp của giáo điều, chắc chắn tôi đã tán phục cái hay trong những lời tranh luận và tính kiên trì trong luận lý của nó. Tôi thấy tôi hình như thường trẻ hơn nó; hôm nay trẻ hơn ngày hôm qua, và tôi tự nói lại với mình lời này: “Nếu người không trở thành giống như những đứa trẻ thơ, người sẽ không được vào nước Thiên đàng.”

Thế này có phản bội đức Ki-tô không, có làm giảm giá trị, phỉ báng Phúc âm hay chỉ nhìn thấy đây chỉ là một *phương pháp để đi đến cuộc sống hạnh phúc*? Trạng thái vui vẻ, ngăn chặn sự hoài nghi và sự cứng rắn của tâm hồn chúng ta, đối với người tín hữu là một trạng thái bắt buộc. Mỗi một con người đều có khả năng vui ít hay nhiều. Mỗi một con người đều phải hướng mình về sự vui vẻ. Chỉ một cái mỉm cười của Gertrude đủ dạy cho tôi những điều trên còn nhiều hơn cả những bài học mà tôi dạy cho con bé.

Và lời nói này của đức Ki-tô hiện lên rục rịch trước mắt tôi: “Nếu như người bị mù, người sẽ không hề phạm tội.” Tội lỗi, chính là những cái làm vẩn đục tâm hồn, những cái chống lại sự vui vẻ. Cái hạnh phúc hoàn hảo mà Gertrude đang tỏa sáng khắp con người nó đến từ cái điều con bé không hề biết đến tội lỗi. Nơi con bé chỉ còn là sự trong sáng, tình yêu.

Tôi đã đặt trong đôi tay thận trọng của con bé bốn quyển Phúc âm, những bài ca vịnh, lời khải truyền và ba thư luân lưu

và con bé có thể đọc trong đó: “Thiên Chúa là sự sáng và không hề có bóng tối ở nơi Người” cũng như con bé đã có thể nghe trong Phúc âm lời đấng Cứu thế “Ta là ánh sáng của trần gian, kẻ nào theo ta sẽ không phải bước đi trong tăm tối.” Tôi không muốn đưa cho con bé những thư luân lưu của thánh Phao lô, bởi vì mù loà, con bé không hề biết đến tội lỗi, những thư ấy chỉ làm cho nó đâm ra lo lắng nếu để cho nó đọc: “Tội lỗi đã lấy thêm sức mạnh bằng quyền lực” (Romaines VI, 13) và tất cả biện chứng tiếp theo đó, phải chăng cũng rất tuyệt diệu?

8 tháng 5

Bác sĩ Martins từ Chaux-de-Fonds đến hôm qua. Ông ta đã khám đôi mắt của Gertrude rất lâu bằng kính soi mắt. Ông ta nói với tôi là đã nói chuyện về Gertrude với bác sĩ Roux, vị bác sĩ chuyên khoa của vùng Lausanne, mà ông ta đã chia xẻ những nhận xét. Ý kiến của cả hai là Gertrude có thể giải phẫu được. Nhưng chúng tôi cùng thỏa thuận là sẽ không nói gì với con bé chừng nào chưa thật chắc chắn. Bác sĩ Martins đến là để thông báo tình hình cho tôi sau khi đã tham khảo. Có ích lợi gì khi gợi lên trong lòng Gertrude một niềm hy vọng mà người ta còn nghi ngờ có thể chẳng mấy chốc đã phải dập tắt? Hơn nữa, chẳng phải con bé hiện đang hạnh phúc sao?

10 tháng 5

Vào dịp lễ Phục sinh, Jacques và Gertrude đã gặp lại nhau trước sự hiện diện của tôi – ít ra Jacques đã gặp lại Gertrude và nói chuyện với con bé, nhưng chỉ là những chuyện băng quơ. Nó đã tỏ ra ít xúc động hơn là tôi e ngại, và một lần nữa tôi tự trấn an mình, nếu quả thật nó yêu cuồng nhiệt thì không dễ gì đã nguôi ngoai, mặc dù Gertrude có tuyên bố với nó trước khi nó khởi hành hồi năm ngoái là tình yêu này sẽ không có hy vọng. Tôi nhận thấy bây giờ nó xưng tôi với Gertrude, điều này chắc chắn là hay hơn, vì tuy không đòi hỏi nhưng tôi sung sướng thấy nó cũng đã tự mình hiểu ra cái

điều ấy. Chắc chắn là trong con người nó vẫn có nhiều điểm tốt.

Tuy nhiên tôi cũng nghi rằng sự từng phục này của Jacques không phải không có những vật vãi. đấu tranh. Cái đáng buồn là sự gò bó cưỡng ép mà nó đã đặt lên cho lòng mình và bây giờ đang tỏ ra như một điều tự nhiên nơi nó, thì nó lại cầu mong được thấy cái điều ấy cũng áp đặt lên cho mọi kẻ khác, tôi đã cảm thấy điều ấy trong cuộc tranh luận gần đây với nó mà tôi đã thuật lại trên đây. Chẳng phải La Rochefoucauld đã nói rằng lý trí thường thường là kẻ đánh lừa trái tim? Khỏi cần phải nói là tôi không dám làm cho Jacques nhận ra cái điều ấy ngay, khi biết tính khí nó với tư thế bảo vệ cho một người trong những kẻ được đem ra thảo luận thì cuộc tranh luận chỉ làm cho nó thêm ngoan cố theo ý mình; nhưng chiều tối hôm đó gặp lại nó, và đứng trong phần giảng dạy của thánh Phao lô (tôi chỉ có thể đấu với nó bằng vũ khí của nó) có cái để trả lời cho nó, tôi đã cẩn thận để lại một mẫu giấy trong phòng nó mà trong ấy nó có thể đọc: “Kẻ nào không ăn thì đừng phán xét kẻ ăn, bởi vì Thiên Chúa đã tha nhận kẻ ăn.” (Romains, XIV, 2.)

Có thể tôi cũng đã chép ra câu tiếp theo: “Tôi biết và tôi được Đức Chúa Giê-su truyền bảo rằng không có gì tự nó là nhơ nhuốc và một sự vật chỉ nhơ nhuốc đối với kẻ tin là nó nhơ nhuốc – nhưng tôi đã không dám, vì e rằng Jacques lại tưởng chừng như trong trí tôi liên quan đến Gertrude có một sự giải thích thóa mạ nào đó không nên có dù chỉ là lướt qua trong trí nó. Hiển nhiên ở đây thuộc về thức ăn; nhưng còn biết bao những đoạn văn khác trong sách thánh không làm cho người ta dễ hiểu sang hai ba nghĩa? “Nếu con mắt của người...” Sự làm cho bánh mì thành nhiều lên gấp bội, phép lạ ở tiệc cưới Cana, v.v...). Ở đây không nhằm biện luận. Ý nghĩa của những tiết đoạn này rất rộng và sâu sắc: sự giới hạn không nên áp đặt bằng điều luật, mà bằng tình yêu, và thánh Phao lô, ngay sau đó đã viết: “Mà dù, vì một của ăn, người anh em của người phải đau buồn, người sẽ không làm theo tình yêu.” Chính do sự khiếm khuyết của tình yêu mà quý dữ đã

tấn công chúng ta. Lạy Chúa! Hãy lấy ra khỏi trái tim tôi tất cả những gì không thuộc về tình yêu... Cũng vì tôi đã sai lầm khi khiêu khích Jacques: ngày hôm sau tôi tìm gặp trên bàn của tôi cũng mẫu giấy mà tôi đã chép cái tiết đoạn nọ, phía mặt sau của tờ giấy Jacques đã vắn vện ghi lại một tiết đoạn khác trong cùng chương: “Đừng gây ra bởi của ăn của người sự mất linh hồn cho kẻ mà Chúa đã chết cho kẻ ấy.” (Romains XIV, 15,)

Tôi còn đọc lại một lần nữa cả chương sách. Đó là khởi điểm cho một cuộc tranh luận bất tận. Và tôi khổ sở về những cái bối rối, không biết tôi có để cho những đám mây này làm tối ám đi cái bầu trời rạng rỡ của Gertrude? Phải chăng tôi đã quá gần đức Ki-tô và không để tí nào cho chính con bé, khi tôi dạy cho nó và để cho nó tin điều tội lỗi duy nhất là trông chờ vào hạnh phúc của người khác, hoặc làm tổn thương cái hạnh phúc của chính mình?

Than ôi! Có một số tâm hồn tỏ ra cứng cõi một cách đặc biệt với hạnh phúc, những cái thiếu khả năng, những cái vụng về... Tôi nghĩ đến Amélie đáng thương của tôi. Tôi không ngớt mời mọc, thúc đẩy nàng, và muốn cưỡng ép nàng đến với hạnh phúc. Vâng, tôi muốn nâng mỗi người lên đến Thiên Chúa. Nhưng nàng không ngừng lẩn tránh và tự khép mình lại như một vài loại hoa mà không mặt trời nào làm cho nở bao giờ. Tất cả những gì nàng nhìn thấy đều làm cho nàng lo lắng và phiền não.

- Ông muốn gì, ông bạn của tôi, nàng đã trả lời tôi ngày nọ, tôi đã không được sinh ra là kẻ mù.

Ôi! sự mỉa mai của nàng làm tôi đau xót và tôi phải trông vào đức hạnh nào để cho mình không bối rối! Tôi thấy hình như nàng cũng hiểu cái việc ám chỉ đến sự tật nguyên của Gertrude tự bản chất làm tổn thương tôi một cách đặc biệt. Nhưng nàng chỉ làm cho tôi càng cảm thấy cái điều tôi chiêm ngưỡng nhất ở Gertrude đó là lòng khoan dung vô tận: tôi chưa bao giờ nghe con bé có một tí phàn nàn nào về kẻ khác. Đúng ra là vì tôi đã không để cho con bé biết những gì có thể làm tổn thương nó.

Và cũng giống như tâm hồn sung sướng do sự lan tỏa của tình yêu, truyền bá hạnh phúc ra xung quanh, thì tất cả những cái gì bao quanh Amélie đều ảm đạm và buồn rầu. Amiel viết rằng tâm hồn người phát ra những tia đen tối. Khi mà, sau một ngày vất vả với công việc, thăm viếng kẻ nghèo, người bệnh hoạn, người có chuyện đau khổ, tôi trở về lúc trời sập tối đôi lúc mệt nhoài, tâm hồn chỉ mong mỗi tìm thấy cho mình sự nghỉ ngơi, sự thân mến, sự ấm cúng, tôi thường chỉ gặp nơi mái nhà của mình những lo lắng, những trách móc dằn vặt, khiến cho tôi cảm thấy thà là chịu cái lạnh lẽo, gió mưa ở bên ngoài vẫn ngàn lần thích hơn. Tôi biết rõ là mẹ Rosalie chỉ giả đò như không bao giờ cưỡng lý, nhưng bà ta không phải luôn luôn sai trái nhất là không phải Amélie luôn luôn có lý khi làm cho bà ta phải nhường nhịn. Tôi biết rõ là Charlotte và Gaspard quậy phá một cách kinh khủng, nhưng không lẽ Amélie không biết nhỏ tiếng một chút và bớt luôn miệng đối với chúng vẫn hay hơn? Biết bao lời khuyên bảo, sự răn đe, sự quở mắng mất đi vẻ sắc bén, trở nên trơn lì như đá cuội ở bãi sông, nên bọn trẻ cũng không còn thấy khó chịu nhiều như tôi. Tôi biết là thằng bé Claude mọc răng (đó là cái điều mẹ nó hay nghĩ mỗi khi nó bắt đầu rống lên), nhưng khi nàng hoặc Sarah vội vàng chạy đến ngay để vỗ về nó không ngớt có khác nào khuyến khích cho nó cứ rống lên? Tôi được biết là nó ít thường xuyên rống hơn nếu người ta để mặc nó độ vài lần như vậy, rống hết mình khi tôi không có đó. Nhưng tôi biết rõ hơn nữa là những lúc như bây giờ thì họ lại vội vã đến với nó.

Sarah giống mẹ nó, điều này làm cho tôi không bao giờ muốn gửi con bé vào nội trú. Nó không giống tí nào than ôi! với mẹ nó lúc còn bằng tuổi nó, khi chúng tôi mới đính hôn, mà giống ở những cái lo lắng của cuộc sống vật chất đã tạo thành cho nàng, mà tôi nói là sự gieo trồng những mối lo lắng của cuộc đời (bởi vì chắc chắn là Amélie đã gieo trồng những thứ ấy). Hẳn là ngày nay tôi khó mà nhận ra ở nàng người thiên thần mới đây còn tươi cười với mỗi niềm phấn khởi cao cả của tâm hồn tôi, người mà tôi mơ ước kết chặt vào đời tôi,

và người mà tôi cho là đã vượt lên trước tôi và hướng dẫn tôi về phía ánh sáng – hay là tình yêu thừa ấy làm tôi chóa mắt?... Bởi vì tôi chẳng khám phá ra ở Sarah những mối lo lắng nào khác hơn là những cái tầm thường vụn vặt, theo gương mẹ, nó để mình bận rộn duy nhất với những cái tủn mủn, ngay cả những đường nét trên khuôn mặt của nó cũng không rạn lên tí ngọn lửa nội tâm nào, trông buồn tẻ và như cứng đanh lại. Chẳng có tí khiếu nào về thi ca hay nói chung về sách vở; tôi không bao giờ gặp bất chợt một câu chuyện giữa nó và mẹ nó mà tôi có thể mong muốn tham gia và khi gần họ tôi cảm thấy sự cô độc của tôi càng thêm đau đớn đến nỗi tôi rút lui vào bàn làm việc của tôi, riết rồi thành thói quen làm như thế càng ngày càng thường xuyên hơn.

Cũng từ hồi trời chuyển sang thu lại thêm đêm xuống nhanh mà tôi học được cái thói quen đến dùng trà tại nhà cô Louise mỗi lần mà vòng đi công việc trong ngày cho phép, có nghĩa là khi tôi có thể về sớm. Tôi chưa nói là từ hồi tháng mười một năm ngoái, cô Louise nhận nuôi chung với Gertrude ba đứa trẻ mù mà Martins đã đề nghị gửi gắm cho bà ta; và bây giờ lại đến lượt Gertrude dạy cho chúng đọc và thực hiện những công việc vặt vãnh và những đứa bé gái đã tỏ ra khá khéo léo.

Thật là một chốn nghỉ ngơi, một sự an ủi biết bao cho tôi mỗi lần tôi bước vào cái bầu không khí ấm cúng của *la Grange*, và tôi sẽ thiếu thốn biết bao nếu đôi khi bị kẹt đôi ba ngày không đến được. Cô Louise thì khỏi phải nói, có khả năng nuôi ăn ở cho ba đứa nhỏ mà không hề phải vất vả hay khó nhọc trong việc săn sóc chúng, ba người giúp việc rất tận tụy đã giúp bà ta thoát khỏi mọi công việc mệt nhọc. Nhưng phải chăng có thể nói chưa bao giờ tiền của và thì giờ nhàn rỗi đã được dùng xứng đáng hơn? Lúc nào cô Louise cũng chăm lo cho kẻ nghèo, đó là một tâm hồn đạo đức sâu đậm, hình như được sinh ra để ban cho trái đất này và chỉ sống trên trái đất này để yêu thương, mặc dù mái tóc của bà ta đã gần bạc phơ, ẩn trong một cái mũ nổi bằng đăng ten, nhưng không có gì trẻ thơ hơn nụ cười của bà ta, không có gì hài

hòa hơn cử chỉ của bà ta, không có gì réo rắt như tiếng nhạc hơn giọng nói của bà ta. Gertrude đã học được cái phong thái, cách nói năng của bà ta, một thứ âm điệu không phải chỉ tiếng nói, mà còn về tư tưởng, về tất cả con người – sự giống nhau mà tôi nói đùa người này là người kia, nhưng không một ai trong hai người nhận thấy. Thật là êm ái cho tôi nếu tôi có thì giờ nán lại thêm một chút gần họ để nhìn họ, để họ người này ngồi cạnh người kia và Gertrude hoặc là tựa trán vào vai bạn mình, hoặc buông thả bàn tay mình trong tay người kia, nghe tôi đọc vài câu thơ của Lamartine hoặc của Hugo, thật là êm dịu cho tôi khi lặng ngắm trong hai tâm hồn trong suốt sự phản chiếu của bài thơ này! Ngay cả những đứa học trò nhỏ cũng không thờ ơ. Những đứa bé này, trong bầu không khí thanh bình và thưng yêu đã phát triển một cách kỳ diệu và đạt được những tiến bộ đáng kể. Tôi đã mỉm cười trước tiên khi cô Louise nói để dạy cho chúng khiêu vũ, vì lợi ích sức khoẻ cũng như vui thú; nhưng hôm nay thì tôi mới chiêm ngưỡng được cái duyên dáng nhịp nhàng của những vận động mà chúng vừa mới làm và chúng, than ôi! không có thể tự đánh giá. Tuy nhiên cô Louise bảo cho tôi biết rằng, chúng không thể nhìn thấy những vận động này, nhưng chúng vẫn cảm nhận thấy sự hoà hợp của các bắp thịt. Gertrude tham dự vào các cuộc khiêu vũ này với một sự duyên dáng và một sự duyên dáng đầy quyến rũ, và còn tìm thấy nơi đây một sự vui thích mãnh liệt. Hoặc đôi khi chính cô Louise hoà mình vào cuộc chơi của mấy đứa nhỏ, và lúc ấy thì Gertrude ngồi vào đàn dương cầm. Sự tiến bộ về âm nhạc của con bé thật vượt bậc; bây giờ con bé đánh đàn cho nhà thờ mỗi chủ nhật và dạo mở đầu các bản thánh ca bằng những khúc ứng tấu ngắn.

Mỗi chủ nhật, con bé đến ăn điểm tâm tại nhà chúng tôi, mấy đứa con tôi gặp lại nó với vẻ hài lòng, mặc dù sở thích của chúng và của con bé ngày càng khác nhau. Amélie cũng không tỏ ra quá găng và bữa ăn trôi qua không trục trặc. Sau đó cả gia đình dẫn Gertrude về lại nhà và dùng bữa lót dạ ở *La Grange*. Đúng là một ngày lễ cho mấy đứa con tôi vì cô Louise lấy làm vui thích thiết đãi và chiều chuộng chúng bằng kẹo

bánh. Cả Amélie không mấy nhạy cảm với những sự ân cần mời mọc, cuối cùng cũng vui tươi lên và tỏ ra như trẻ lại. Tôi tin là từ nay nàng sẽ khó mà bỏ qua cái trạm nghỉ chân này trong giòng đời tẻ ngắt của nàng.

18 tháng 5

Lúc này những ngày đẹp trời đã trở về, tôi lại có thể đi dạo ra ngoài với Gertrude, điều mà từ lâu đã không xảy ra cho tôi. (bởi vì vừa mới đây cũng có vài cơn tuyết đổ và các con đường cho tới mấy ngày cuối này vẫn ở trong tình trạng khùng khiếp), không kể đến chuyện đã từ lâu tôi cũng không có dịp gặp riêng con bé.

Chúng tôi bước nhanh, bầu khí ấm làm hồng đôi má con bé và không ngừng lùa mớ tóc hoe trước mặt nó. Trong khi chúng tôi men theo một cái đầm than bùn tôi ngắt vài nhánh bấc có hoa, và luồn cái cọng hoa dưới mũ bê rê của nó, rồi lấy tóc của nó bện vào để giữ cành hoa lại.

Chúng tôi gần như chưa có lời nào, cùng ngạc nhiên thấy mình lại gặp riêng nhau một mình, thỉnh thoảng Gertrude quay qua hỏi tôi, khuôn mặt không nhìn:

- Thầy có tin là Jacques còn yêu con?
- Nó đã chọn sự ra đi để rút lại tình yêu con, tôi trả lời ngay lập tức.
- Mà thầy có tin anh ấy cũng biết thầy yêu con, con bé lại nói.

Từ lần chuyện trò mùa hè năm ngoái mà tôi đã thuật lại, hơn sáu tháng đã trôi qua không hề nghe (tôi ngạc nhiên) nay tiếng yêu lại được thốt ra giữa chúng tôi. Chúng tôi đã không bao giờ gần riêng với nhau, tôi đã nói, và như vậy vẫn tốt hơn... Câu hỏi của Gertrude làm tim tôi đập mạnh đến nỗi tôi phải chậm bớt bước chân của chúng tôi lại.

- Nhưng tất cả mọi người, Gertrude à, biết là ta yêu thương con mà, tôi nói lớn. Con bé không có vẻ gì thay đổi.
- Không, không phải, thầy không trả lời ngay vào câu hỏi của con.

Và sau một hồi yên lặng, con bé nói tiếp, đầu cúi thấp xuống:

- Dì Amélie của con biết điều ấy; và con biết điều này làm cho dì ấy buồn.

- Bà ấy buồn không phải vì chuyện ấy, tôi chống chế bằng một giọng không mấy an tâm. Bản tính bà ấy là lúc nào cũng buồn.

- Ố! thầy luôn luôn tìm cách trấn an con, nó nói với một vẻ hơi nóng nảy. Nhưng con không cần được trấn an. Có nhiều việc, con biết là thầy không để cho con biết, vì ngại làm cho con lo lắng hoặc làm con đau lòng, khá nhiều việc mà con không biết, đến nỗi đôi khi...

Giọng con bé càng lúc càng trầm xuống, con bé ngừng lại như hết hơi. Vin vào mấy tiếng cuối của nó, tôi hỏi:

- Thỉnh thoảng thế nào?...

- Đến nỗi thỉnh thoảng, con bé nói tiếp một cách rầu rầu, tất cả cái hạnh phúc mà con có được nhờ thầy lại tỏ ra cho con thấy như xây trên sự ngu dốt.

- Nhưng, Gertrude à...

- Không, hãy để cho con nói với thầy: Con không muốn thứ hạnh phúc như vậy. Hãy hiểu cho con rằng con không... Con không muốn hạnh phúc. Con thích biết hơn. Có rất nhiều điều, chắc chắn là chuyện buồn mà con không thể nhìn thấy, nhưng thầy không có quyền để cho con không biết. Con đã suy nghĩ lại rất nhiều trong mấy tháng mùa đông; con e rằng, thầy có thấy không, là trọn cái thế giới này không đẹp như là thầy đã làm cho con tin, thừa mục sư, và ngay cả nó cũng không cần thiết phải đẹp đến như vậy.

- Quả thật con người thường làm cho trái đất này xấu đi, tôi cãi lý một cách dè dặt, bởi vì cái đà suy nghĩ của con bé làm tôi sợ và tôi thử xoay đổi câu chuyện nhưng không kết quả. Hình như con bé chờ đợi mấy lời này, bởi vì, chộp ngay lấy đó như cái mắt xích nhờ đó người ta nối sợi dây chuỗi lại, nó nói lớn lên:

- Thật đúng vậy, con muốn chắc chắn là mình không có đem thêm chút gì vào cái xấu.

Chúng tôi tiếp tục bước nhanh hồi lâu trong yên lặng. Tất cả những gì tôi có thể nói với con bé đều đọng chạm trước với những điều tôi cảm thấy con bé đang suy nghĩ; tôi e ngại lại khêu lên vài lời nói mà số phận của hai chúng tôi sẽ tùy thuộc vào. Và suy nghĩ về những lời Martins đã nói với tôi có lẽ người ta có thể trả lại nhãn quan cho con bé, một nỗi lo sợ se thắt tim tôi.

- Con muốn hỏi thầy, sau cùng con bé nói - nhưng mà con không biết nói cách sao...

Chắc chắn con bé đã thu hết can đảm cũng như tôi thu hết can đảm của tôi để nghe. Nhưng làm sao tôi có thể thấy trước câu hỏi đang dầy vò nó.

- Có phải những đứa trẻ sinh ra từ những người mù cũng chắc chắn sẽ bị mù?

Tôi không biết ai trong hai chúng tôi là kẻ mà câu chuyện này đề nặng lên nhiều hơn, nhưng lúc này thì chúng tôi phải tiếp tục.

- Không, Gertrude à, tôi nói với nó; chỉ họa hoằn vài trường hợp đặc biệt. Cũng không có lý lẽ nào buộc chúng phải như vậy cả.

Con bé tỏ ra rất an tâm. Đến lượt tôi muốn hỏi nó tại sao lại hỏi tôi điều đó; tôi không có can đảm và tiếp tục một cách vụng về:

- Nhưng mà, Gertrude à, muốn có con phải lấy chồng.

- Đừng có nói với con điều ấy, thưa mục sư. Con biết là điều ấy không đúng.

- Ta đã nói với con cái điều đúng đắn, tôi chống chế. Nhưng mà sự thực thì luật thiên nhiên vẫn cho phép cái gì mà luật của Thiên Chúa và của con người cấm đoán.

- Thầy vẫn thường nói với con là luật của Thiên Chúa cũng chính là luật của tình yêu.

- Tình yêu nói đến ở đây chỉ là cái mà người ta cũng gọi là bác ái.

- Có phải vì lòng bác ái mà thầy yêu thương con?

- Con biết rõ là không phải như vậy, hỏi Gertrude con của ta.

- Nhưng mà vừa rồi thầy biết là tình yêu của chúng ta thoát ra ngoài lề luật của Thiên Chúa ?

- Con muốn nói gì ?

- Ôi! thầy biết rõ điều đó mà, và không phải con là người phải nói ra.

Tìm cách nói lòng vòng không xong, lòng tôi rối lên với sự rút lui của những lý luận đang tháo chạy. Tôi cuống quít nói lớn:

- Gertrude... con nghĩ tình yêu của con là có tội ?

Con bé chỉnh lại:

- Tình yêu của *chúng ta*... Con bảo mình là phải suy nghĩ.

- Rồi sao nữa ?

Tôi ngạc nhiên như lời nói của tôi có một sự van lơn, trong khi không cần lấy hơi con bé nói luôn:

- Nhưng mà con không thể thôi không yêu thầy được .

Tất cả những chuyện ấy xảy ra vào ngày hôm qua. Thoạt tiên tôi lưỡng lự không muốn viết ra... Tôi không còn biết cuộc đi dạo kết thúc như thế nào. Chúng tôi bước nhanh như thể là trốn chạy, và tôi cầm tay con bé ép chặt vào mình. Linh hồn tôi lúc này như thoát ra khỏi xác - tôi có cảm tưởng như chỉ một hòn sỏi nhỏ trên đường cũng đủ làm cho cả hai chúng tôi ngã lăn kềnh xuống đất.

19 tháng 5

Martins đã trở lại sáng hôm nay. Gertrude có thể giải phẫu được. Roux xác định như vậy và yêu cầu gửi gắm con bé cho ông ta chữa trị một thời gian. Tôi không thể chống đối lại việc này, tuy nhiên, vì hèn, tôi đã yêu cầu để suy nghĩ. Tôi đã yêu cầu họ để cho tôi chuẩn bị một cách từ tốn... Tim tôi lẽ ra phải nhảy nhót lên vì vui mừng, nhưng tôi lại cảm thấy nó như đè nặng lên tôi, nặng nề như một nỗi thống khổ không làm sao diễn tả xiết. Ý tưởng phải thông báo cho Gertrude là nhân quan của con bé có thể phục hồi, làm lòng tôi se thắt lại.

Đêm 19 tháng 5

Tôi đã gặp lại Gertrude và tôi không nói gì với con bé. Tại *la Grange* tối hôm đó, nhân lúc không có ai trong phòng khách, tôi lên thẳng phòng con bé. Chỉ có mình chúng tôi.

Tôi đã ôm sát con bé vào tôi khá lâu. Con bé không tỏ một cử chỉ phản kháng nào, và vừa lúc con bé ngẩng trán lên về phía tôi, đôi môi của chúng tôi đã gặp nhau...

21 tháng 5

Lạy Chúa, Có phải vì chúng con mà Ngài đã làm cho đêm thật sâu và thật đẹp? Có phải vì con mà khí trời ấm áp và qua cửa sổ rộng mở của phòng con, ánh trăng lan vào và con nghe được cái thỉnh lặng bao la của tất cả các tầng trời. Ôi lòng tôn thờ tạo vật lẫn lộn này mà tim con đang hòa tan trong một sự ngất ngây không lời. Con chỉ còn biết cầu nguyện rồi rít. Nếu như có ranh giới trong tình yêu, thì không phải là do Ngài đặt ra, lạy Chúa, nhưng mà là do con người. Dù tình yêu của con có tỏ ra tội lỗi trước mặt loài người, Ôi! hãy nói cho con biết, đối với Ngài, là thánh thiện.

Tôi cố gắng tự nâng mình vượt lên trên cái ý tưởng tội lỗi. Nhưng tội lỗi hình như lại không buông tha tôi, và tôi lại không muốn từ bỏ Thiên Chúa. Không, Tôi không chấp nhận yêu thương Gertrude là tội lỗi. Tôi không thể rút bỏ tình yêu này ra khỏi trái tim tôi vì chẳng khác nào như rút bỏ trái tim tôi, và tại sao? Khi tôi chưa yêu con bé, tôi phải thương yêu nó vì lòng trắc ẩn; không yêu nó nữa, như thế là phản bội nó; nó cần đến tình yêu của tôi...

Lạy Chúa, con không còn biết gì nữa... Con chỉ còn biết có Chúa. Xin hãy dìu dắt con. Đôi khi con cảm thấy mình như chìm sâu trong bóng tối và cái thị giác mà người ta sắp mang trả lại cho con bé là lấy mất của con.

Gertrude đã vào bệnh viện của tỉnh Lausanne ngày hôm qua. Tôi chờ đợi sự trở về của con bé với một nỗi phập phồng vô cùng. Martins sẽ phải đưa con bé về cho chúng tôi. Con bé đã bắt tôi hứa là sẽ không đến tìm nó ở đó.

22 tháng 5

Thư của Martins: Cuộc giải phẫu đã thành công. Ngợi khen Chúa!

24 tháng 5

Ý tưởng phải để cho con bé trông thấy mình trong khi lâu nay con bé yêu tôi mà không nhìn thấy được – cái ý tưởng này gây cho tôi một sự bức bối khó chịu vô cùng. Con bé sẽ có thể nhận ra tôi không? Lần đầu tiên trong đời, tôi tìm cái gương soi một cách lo lắng. Nếu tôi cảm thấy cái nhìn của con bé kém khoan dung hơn trái tim của nó, và kém yêu thương,, tôi sẽ trở thành như thế nào đây? Lạy Chúa, Con thấy hình như đôi khi con cần đến tình yêu của con bé để yêu Ngài.

27 tháng 5

Một số công việc phụ trội đã cho phép tôi trải qua mấy ngày cuối cùng bớt bồn chồn. Mỗi một việc bận bịu có thể làm cho tôi quên nghĩ đến mình đều đáng mừng, nhưng suốt ngày dài, nơi đâu, hình ảnh con bé vẫn theo tôi.

Ngày mai là ngày con bé phải trở về. Amélie suốt tuần nay chỉ tỏ ra cho tôi cái khía cạnh tốt nhất của tâm tính nàng và hình như cố làm cho tôi quên kẻ vắng mặt, giờ đây cũng sửa soạn với mấy đứa nhỏ để ăn mừng con bé trở về.

28 tháng 5

Gaspard và Charlotte đã ngắt những gì người ta có thể tìm thấy như là hoa trong rừng và trên cánh đồng. Mẹ Rosalie làm một cái bánh mứt vĩ đại mà Sarah đã điểm xuyết thêm bằng mấy món trang trí bằng giấy mạ vàng mà tôi không biết gọi là gì. Chúng tôi chờ con bé vào trưa nay.

Tôi viết để tiêu hao thì giờ chờ đợi. Đã mười một giờ. Chốc chốc tôi lại ngẩng đầu lên và nhìn về hướng con đường mà xe của Martins sẽ về qua. Tôi giữ mình không vội ra gặp họ: như thế tốt hơn, và cũng để tránh cho Amélie không chia rẽ sự

tiếp đón của tôi. Lòng tôi rộn lên... Kia! Họ đã đến!

28 vào buổi tối

Tôi đã đắm mình vào một đêm khủng khiếp biết bao!

Xin thương xót con, lạy Chúa, xin thương xót con! Con xin từ bỏ thương yêu con bé, nhưng thưa Ngài, xin đừng để cho con bé chết!

Mà tôi có lý do để sợ hãi thật! Con bé đã làm gì? Con bé đã muốn làm điều gì? Amélie và Sarah đã nói với tôi là họ tháp tùng con bé đến tận cửa *la Grange*, và cô Louise đang đợi con bé ở đó. Vậy thì con bé đã muốn trở ra ngoài lại... Cái gì đã xảy ra?

Tôi tìm cách sắp xếp lại mớ tư tưởng của tôi cho có chút trật tự. Những chuyện mà người ta kể cho tôi đều không hiểu nổi, hoặc mâu thuẫn. Tất cả rối rắm trong đầu óc tôi.... Người làm vườn của cô Louise vừa mới đem con bé trở về *la Grange* trong trạng thái bất tỉnh, ông ta nói thấy con bé đi dọc theo sông, rồi vượt qua cái cầu của khu vườn, rồi cúi xuống, rồi biến mất, nhưng vì thoát đầu không biết là con bé ngã, ông ta đã không chạy đến ngay như lẽ ra ông ta đã phải làm; ông ta đã tìm thấy lại con bé gần cái cống nhỏ mà giòng nước đã cuốn con bé trôi đến đó. Khi tôi gặp lại con bé một lúc sau đó, nó vẫn chưa hồi tỉnh., hoặc vừa mới hôn mê trở lại, bởi vì một lúc sau con bé đã hồi tỉnh, nhờ vào sự chăm sóc tận tình kịp thời. Martins, thật là có ơn Chúa, hãy còn chưa ra về, đang cố tìm cách giải đoán cái kiểu mê sảng và thờ ơ lãnh đạm mà con bé đang chìm vào, mặc dù đã có hỏi con bé nhưng vô ích, người ta bảo là con bé không nghe thấy gì hoặc con bé nhất định giữ im lặng. Hơi thở của con bé như bị nghẹt và Martins e ngại con bé bị sưng phổi, nên đã đặt thuốc dán và ống giác cho con bé và hứa ngày hôm sau sẽ trở lại. Sự sai lầm là người ta đã để con bé giữ nguyên bộ quần áo ướt đầm nước trên người, mà nước sông thì lạnh cóng, trong khi lo cứu cho con bé tỉnh lại trước tiên. Cô Louise là người duy nhất có thể gắng hỏi con bé được vài câu, cho rằng con bé muốn ngắt mấy cánh hoa lưu ly mọc đầy dãy ở phía đó của bờ sông,

nhưng rồi còn vụng về trong việc lượng định khoảng cách, hoặc là tưởng rằng cái thảm hoa kia là đất liền vững chãi, con bé đã hụt chân bất thành linh... Nếu có thể tin được điều đó, tôi sẽ bảo rằng đấy chỉ là một tai nạn và như vậy thì sự nặng nề khủng khiếp sẽ được cất nhắc khỏi tâm hồn tôi! Trong suốt bữa ăn, mặc dù rất vui vẻ, nhưng cái nụ cười khác lạ không rời con bé, đã làm tôi băn khoăn, một nụ cười miễn cưỡng mà tôi chưa bao giờ thấy nơi con bé nhưng tôi cố gắng tin đó cũng là nụ cười của cái nhìn mới mẻ của nó, một nụ cười tưởng chừng tuôn ra từ khoé mắt xuống khuôn mặt của con bé như giòng lệ, và gần đó, cái vui vẻ tầm thường của những kẻ khác làm tôi bực mình. Con bé không hoà mình vào niềm vui! Có thể bảo là con bé đã khám phá ra một điều bí mật mà chắc chắn là con bé sẽ có thể thổ lộ cho tôi biết nếu như chỉ có một mình tôi với nó. Con bé gần như không nói lời nào; nhưng không ai lấy làm ngạc nhiên, bởi vì khi gần những người khác, và nhất là khi họ đang vui nhộn, con bé thường lặng lẽ.

Lạy Chúa, con cầu khẩn Ngài, hãy cho phép con được nói chuyện với con bé. Con cần được biết, bằng không làm sao con tiếp tục sống?... Và một khi con bé không còn muốn sống, có phải đúng là đã *biết*? Biết gì? bạn của tôi ơi, bạn đã học được gì là khủng khiếp? Ta dấu cái chết chóc để làm gì khi thình lình con đã có thể biết?

Tôi nán lại thêm hai giờ tại đầu giường con bé, mắt không rời vầng trán, đôi má nhợt nhạt của nó, cặp mi mắt mỏng nhắm lại trên một nỗi phiền muộn khó tả, tóc hãy còn ướt nước và giống như rong, rải ra trên gối xung quanh đầu – trong khi lắng nghe hơi thở không điều hòa và nặng nhọc của nó.

29 tháng 5

Cô Louise đã cho gọi tôi sáng nay vừa lúc tôi cũng sắp đi lại *la Grange*. Sau một đêm hơi yên tĩnh, cuối cùng Gertrude đã ra khỏi cơn hôn mê. Con bé đã mỉm cười với tôi khi tôi vừa bước chân vào phòng và ra hiệu cho tôi đến ngồi ở đầu

giường. Tôi không dám hỏi con bé và chắc chắn con bé cũng sợ những câu hỏi của tôi, bởi vì con bé đã nói ngay với tôi như thể để ngừa trước một sự thất lộ dài dòng:

- Thầy gọi những cái hoa màu xanh kia - màu xanh cũng giống như màu da trời - mà con muốn hái ở ngoài sông là gì? Thầy khéo tay hơn con, vậy thầy có thể ngắt dùm con một bó được không? Con có cái hoa đó kia kìa, gần giường con...

Sự vui mừng gượng gạo trong giọng nói của con bé làm tôi đau lòng, và chắc chắn là nó cũng hiểu, bởi vì nó nói thêm một cách nghiêm trang hơn:

- Con không thể nói chuyện với thầy sáng nay. Con quá mệt. Hãy đi hái mấy cái hoa đó cho con, thầy vui lòng chứ? Thầy sẽ trở lại sau.

Và một giờ sau đó, khi tôi mang về cho con bé một bó hoa lưu ly, cô Louise bảo tôi rằng con bé vừa ngủ lại và không thể tiếp tôi trước chiều tối. Tối đó, tôi đã gặp lại con bé. Người đã chồng nhiều cái gối trên giường để đỡ cho con bé và giữ cho nó gần như ở tư thế ngồi. Tóc con bé lúc này đã gom lại và bện lên bên trên trán của nó lẫn lộn với những cánh hoa lưu ly mà tôi mới mang về cho nó.

Chắc chắn là con bé bị sốt và tỏ ra rất nghệt thờ. Nó giữ bàn tay mà tôi chìa ra cho nó trong bàn tay nóng bỏng của nó. Tôi đứng yên gần nó:

- Con cần phải thú nhận với thầy một điều, thưa mục sư; bởi vì chiều nay con sợ con chết, con bé nói. Con đã nói dối với thầy sáng nay... Không phải vì muốn hái hoa... Thầy có tha thứ cho con không nếu con nói là con muốn chết?

Tôi sụp mình quỳ xuống gần giường con bé, trong khi vẫn giữ bàn tay mảnh khảnh của nó trong tay mình, nhưng con bé rút ra, bắt đầu vuốt ve trán tôi trong khi tôi úp mặt vào tấm trải giường để dấu con bé giòng nước mắt và cũng để chặn tiếng nức nở của mình.

- Thấy có thấy như vậy là xấu lắm không? bấy giờ con bé tiếp tục một cách dịu nhẹ hơn. Rồi khi thấy tôi không trả lời tiếng nào:

- Hỡi bạn của tôi, bạn của tôi ơi, bạn có biết là tôi chiếm quá nhiều chỗ trong trái tim bạn và trong cuộc đời của bạn. Khi con trở về gần thầy, đó là cái điều hiện ra ngay cho con; hay ít ra cái chỗ mà con chiếm lại là chỗ của một người khác và người ấy buồn vì thế. tội ác của con là đã không nhận ra điều ấy sớm hơn, hoặc ít ra - bởi vì con đã biết rồi - là cứ để mặc cho thầy yêu con. Nhưng mà khi đột nhiên khuôn mặt của thầy hiện ra cho con thấy, khi mà con nhìn thấy trên khuôn mặt đáng thương của thầy biết bao là muộn phiền, con không còn chịu đựng nổi cái ý tưởng sự đau buồn này là tác phẩm của con... Không, không, thầy đừng có tự trách mình mà hãy để cho con ra đi và trả lại cho bà ấy niềm an vui.

Bàn tay ngưng vuốt ve trán tôi: tôi chụp lấy bàn tay đó và đặt lên đó những nụ hôn và nước mắt. Nhưng con bé gỡ tay ra một cách nóng nảy và một nỗi kinh hoàng mới bắt đầu dày vò con bé.

- Đó không phải là cái điều con muốn nói với thầy; không, đó không phải là cái điều con muốn nói với thầy, con bé lặp lại, và tôi thấy mồ hôi nó đổ ướt trán. Rồi con bé khép mi mắt xuống và giữ mắt nhắm lại một lúc, như thể để tập trung tư tưởng, hoặc để tìm lại cái trạng thái mù lòa lúc ban đầu. và bằng một giọng lúc đầu còn kéo dài và uể oải, nhưng sau đó thì cất cao lên trong khi mở mắt ra trở lại, rồi hăng dần đến độ mãnh liệt.

- Khi thầy đã cho con thị giác, mắt con mở ra trước một thế giới còn đẹp hơn cả cái thế giới con mơ tưởng như là nó có thể, vâng thật thế, con không tưởng tượng ngày sáng đến thế, không khí trong trẻo đến thế, bầu trời rộng bao la đến thế. Nhưng con cũng không tưởng tượng trán con người xương xấu đến thế; và khi con vô nhà, thầy có biết cái gì hiện ra cho con trước tiên không... Ôi! Đàng nào thì con cũng phải nói cho thầy biết: cái con thấy đầu tiên, đó là cái lỗi của chúng ta, cái tội của chúng ta. Không, thầy đừng chống chế. Thầy còn nhớ lời của đức Ki-tô không: "Nếu người bị mù, người sẽ không có tội." Nhưng mà bây giờ, con thấy... . Hãy đứng lên đi, thưa mục sư. Hãy ngồi đó, Hãy nghe con và đừng ngắt lời

con. Trong thời gian con nằm nhà thương, con đã đọc, hay đúng hơn, con đã được đọc cho nghe, những đoạn trong Thánh kinh mà con hẳn còn chưa biết đến, mà thầy chưa bao giờ đọc cho con nghe. Con nhớ có một đoạn của thánh Phao-lô mà con đã tự mình lặp lại suốt một ngày: “Đối với tôi, ngày xưa chưa có luật, tôi sống, nhưng khi lễ luật đến, tội lỗi sống lại và tôi sẽ chết. ”

Con bé nói trong một trạng thái hưng khởi tột cùng, tiếng rất cao và gần như la lớn mấy tiếng cuối. đến nỗi tôi cảm thấy khó chịu khi nghĩ là bên ngoài người ta có thể nghe được; rồi con bé nhắm mắt và thầm thì lặp lại như thể cho riêng chính mình mấy tiếng cuối cùng:

– “Tội lỗi sống lại – và tôi sẽ chết. ”

Tôi rùng mình, lòng tái tê bằng một thứ sợ hãi nào đó. Tôi muốn đánh lạc hướng tư tưởng con bé.

– Ai đã đọc cho con nghe những đoạn Thánh kinh đó? tôi hỏi.

– Chính Jacques, con bé nói vừa mở mắt ra trở lại vừa nhìn tôi dăm dăm. Ngài có biết là anh ấy đã cải đạo rồi không ?

Thế là quá đủ; tôi sắp sửa van xin con bé im nhưng nó lại đã tiếp tục:

– Hỡi bạn của tôi ơi, con sắp làm thầy đau khổ nhiều nhưng cần phải để cho giữa chúng ta không còn nuôi ảo mộng nào nữa. Khi con đã thấy Jacques, con chợt hiểu là không phải thầy là người con yêu, chính là anh ấy. Anh ta có đúng khuôn mặt của thầy, con muốn nói khuôn mặt mà con tưởng là thầy có... Than ôi! Tại sao thầy làm cho con ruồng rẫy anh ấy? Lẽ ra con đã có thể lấy anh ấy...

– Nhưng mà, Gertrude, Con vẫn còn có thể kia mà, tôi nói lớn lên với một nỗi tuyệt vọng.

– Anh ấy đã vào dòng tu rồi, con bé nói một cách nóng nảy. Rồi những tiếng khóc nức nở làm nó xúc động:

– Ôi! Con muốn thú nhận cùng anh ấy... con bé rên rỉ trong một trạng thái xuất thần.... Thầy thấy rõ là con chỉ còn cách chết thôi. Con khát. Hãy gọi ai đi, con xin thầy. Con ngộp thở. Hãy để con yên một mình. Chao ôi! được nói với thầy như vậy,

con hy vọng thấy mình nhẹ nhõm bớt. Hãy rời con. Chúng ta hãy rời nhau ra. Con không thể chịu đựng nhìn thấy thầy nữa.

Tôi để con bé lại một mình. Tôi gọi cô Louise thay chỗ tôi bên cạnh con bé; sự vùng vẫy cùng cực của con bé làm cho tôi sợ hãi tột độ nhưng tôi cũng phải bảo mình là sự hiện diện của tôi chỉ làm cho tình trạng con bé thêm trầm trọng. Tôi yêu cầu người ta đến báo cho tôi biết nếu tình trạng trở nên tồi tệ.

30 tháng 5

Than ôi! Tôi chỉ còn có thể gặp lại con bé trong giấc mộng. Sáng nay, khi mặt trời vừa lên, con bé đã chết sau một đêm mê sảng và dã dượi. Do sự yêu cầu cuối cùng của Gertrude mà cô Louise đã điện tín hỏa tốc cho Jacques biết và nó đã đến nơi vài giờ sau khi con bé đã tắt thở. Nó đã trách móc tôi dữ dội là đã không cho rước một vị linh mục đến trong lúc hãy còn kịp ban các phép bí tích. Nhưng làm sao tôi có thể làm điều đó khi tôi hãy còn chưa biết là lúc ở Lausanne, hiển nhiên do nó thúc dục, Gertrude đã bỏ đạo Tin lành. Nó thông báo cho tôi cùng lúc sự cải đạo của chính nó và của Gertrude. Như thế là hai con người này đã bỏ tôi cùng một lúc; hình như bị tôi chia ly trong cuộc đời, chúng đã dự tính trốn chạy tôi và cả hai sẽ cùng nhau kết hợp trong Thiên Chúa. Nhưng tôi tự bảo mình là trong sự cải đạo của Jacques có nhiều phần do lý luận hơn là do tình yêu.

– Thưa cha của con, nó nói với tôi, thật không phải để con cáo buộc cha; nhưng cái gương về sự sai lầm của cha đã hướng dẫn con.

Sau khi Jacques đã đi rồi, tôi quỳ gối gần Amélie, van xin nàng hãy cầu nguyện cho tôi, tại vì tôi cần được giúp đỡ, Nàng chỉ giản dị đọc kinh “Lạy Cha...” nhưng để xen vào các đoạn kinh trong lúc chúng tôi đang đọc những hồi yên lặng rất lâu.

Tôi muốn khóc, nhưng tôi cảm thấy trái tim mình khô cằn hơn cả sa mạc.

-- Hết --



# THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN  
[WWW.SACHMOI.NET](http://WWW.SACHMOI.NET)

